

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÁY VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0104498100 do Sở Tài Chính Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/03/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 cấp ngày 20/08/2025)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số 1103/QĐ.....-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 11 năm 2025)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÁY VIỆT NAM



Địa chỉ : BT1-07 Khu đô thị mới An Hưng, đường Tố Hữu, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (024) 6666 1788 Website : www.vimid.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ : 1C Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (024) 3936 6321 Website : www.ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên : Ông Vũ Quốc Hoà

Chức vụ : Người phụ trách quản trị công ty kiêm Người được uỷ quyền công bố thông tin

Điện thoại : (024) 6666 1788 – Số máy lẻ: 210 Email : ir@vimid.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÁY VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0104498100 do Sở Tài chính Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/03/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 cấp ngày 20/08/2025)

(Trụ sở chính: BT1-07 Khu đô thị mới An Hưng, Đường Tố Hữu, Phường Dương Nội,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam)

Điện thoại : (024) 6666 1788

Fax : không sử dụng

Email : in@vimid.vn

Website : www.vimid.vn

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU****TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	: VVS
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết	: 21.525.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá	: 215.250.000.000 VND (Hai trăm mười lăm tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT – CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Địa chỉ : LK6-TT2, 96B Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3994 7969

Fax : Không áp dụng

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ : 1 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (023) 3824 1990

Fax : (028) 3825 3973

TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI – CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Địa chỉ : 1C Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3936 6321

Fax : (024) 3936 6318

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
I NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
1 Tổ chức đăng ký niêm yết.....	7
2 Tổ chức Tư vấn.....	7
II CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1 Rủi ro về kinh tế	8
1.1 Tăng trưởng kinh tế.....	8
1.2 Lạm phát.....	9
1.3 Lãi suất.....	10
1.4 Tỷ giá.....	10
2 Rủi ro về luật pháp	11
3 Rủi ro đặc thù.....	12
3.1 Rủi ro đặc thù ngành và lĩnh vực hoạt động.....	12
3.2 Rủi ro Công ty.....	13
3.3 Rủi ro Tín dụng.....	13
3.4 Rủi ro Thanh khoản	13
3.5 Rủi ro trong trường hợp lãi suất tăng cao, nhu cầu thị trường giảm (phụ thuộc đầu tư công, các dự án hạ tầng đường bộ, cảng biển) và phương án để đảm bảo Công ty không bị mất khả năng trả nợ	14
3.6 Rủi ro với hoạt động của Công ty khi phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn cung cấp hàng hóa từ 01 đối tác Trung Quốc.....	14
4 Rủi ro quản trị Công ty	15
5 Rủi ro khác.....	16
III CÁC KHÁI NIỆM.....	17
IV TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	18
1 Thông tin chung về tổ chức đăng ký niêm yết.....	18
2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của tổ chức đăng ký niêm yết	23
3 Cơ cấu tổ chức của tổ chức đăng ký niêm yết	26
4 Cơ cấu bộ máy quản lý trị và bộ máy quản lý của tổ chức đăng ký niêm yết	28
4.1 Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).....	29
4.2 Hội đồng Quản trị (HĐQT)	30
4.3 Ủy ban kiểm toán (UBKT)	31
4.4 Giám đốc và Kế toán trưởng	32
4.5 Chức năng và nhiệm vụ của các phòng/ban.....	33
5 Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.	38
5.1 Danh sách những công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	38
5.2 Danh sách những công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	38

6	Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của tổ chức đăng ký niêm yết	39
7	Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác	43
8	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	44
8.1	Cổ phiếu phổ thông	44
8.2	Cổ phiếu ưu đãi	44
8.3	Các loại chứng khoán khác	44
9	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	44
10	Hoạt động kinh doanh	44
10.1	Đặc điểm hoạt động kinh doanh	44
10.2	Tài sản	52
10.3	Thị trường hoạt động	56
10.4	Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính	56
10.5	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	58
10.6	Các khách hàng, nhà cung cấp lớn	61
10.7	Vị thế của tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành	65
10.8	Hoạt động Marketing	70
10.9	Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế	71
10.10	Chính sách nghiên cứu và phát triển	71
10.11	Chiến lược kinh doanh	72
10.12	Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan	72
10.13	Nguyên vật liệu	72
10.14	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/ dịch vụ	73
11	Chính sách đối với người lao động	73
11.1	Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty	73
11.2	Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp	75
11.3	Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động	76
12	Chính sách cổ tức	76
13	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	76
14	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu	76
15	Thông tin về cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	76
16	Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH1576	
V	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH .	77

1	Kết quả hoạt động kinh doanh	77
1.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	77
1.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	80
2	Tình hình tài chính	81
2.1	Các chỉ tiêu cơ bản	81
2.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	95
3	Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết	97
4	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	98
4.1	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	98
4.2	Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua	101
4.3	Kế hoạch tăng vốn điều lệ	102
4.4	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	102
VI	THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC, ỦY BAN KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN TRƯỞNG	102
1	Thông tin về cổ đông sáng lập	102
2	Thông tin về cổ đông lớn	103
2.1	Đối với cổ đông lớn là cá nhân	103
2.2	Đối với cổ đông lớn là tổ chức	103
2.3	Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan	103
2.4	Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với các đối tượng là cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của tổ chức đăng ký niêm yết và những người có liên quan của họ	104
2.5	Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết	105
2.6	Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức đăng ký niêm yết	105
3	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ủy ban kiểm toán	105
3.1	Hội đồng quản trị	105
3.2	Ban Giám đốc	111
3.3	Kế toán trưởng	113
3.4	Ủy ban kiểm toán	114
VII	CÓ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	115
1	Loại cổ phiếu	115
2	Mệnh giá cổ phiếu	115
3	Mã cổ phiếu	115
4	Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết	115
5	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	115

6	Phương pháp tính giá	116
6.1	Phương pháp giá trị sổ sách	116
6.2	Phương pháp giá cổ phần trên thu nhập bình quân mỗi cổ phần (P/E)	117
6.3	Phương pháp bình quân giá thị trường	118
7	Các loại thuế liên quan	118
7.1	Đối với Công ty	118
7.2	Đối với Nhà đầu tư	119
VIII	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM	120
1.1	Tổ chức kiểm toán	120
1.2	Tổ chức tư vấn	120
IX	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	120
X	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔ CHỨC TƯ VẤN	120
XI	PHỤ LỤC	123

DANH SÁCH CÁC HÌNH

Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm	9
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm.....	9
Hình 3: Sơ đồ tổ chức	27
Hình 4: Cơ cấu Bộ máy Quản lý	29

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 1: Danh sách Hội đồng Quản trị của Công ty	31
Bảng 2: Danh sách Ủy ban kiểm toán của Công ty	32
Bảng 3: Danh sách Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý	33
Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại ngày 21/08/2025.....	44
Bảng 5: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty	51
Bảng 6: Danh sách tài sản của Công ty	52
Bảng 7: Danh sách tài sản đất đai của Công ty	54
Bảng 8: Tình hình Tài sản cố định của Công ty	55
Bảng 9: Danh sách các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	58
Bảng 10: Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn	61
Bảng 11: Tình hình lao động của Công ty	74
Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.....	77
Bảng 13: Vốn kinh doanh của Công ty giai đoạn 2023 đến nay	82
Bảng 14: Khấu hao TSCĐ.....	82
Bảng 15: Số lượng lao động và mức thu nhập bình quân	82
Bảng 16: Tình hình công nợ hợp nhất của Công ty giai đoạn 2023; 2024 và Quý 3 năm 2025.....	83
Bảng 17: Các khoản phải thu của Công ty.....	83
Bảng 18: Các khoản phải trả của Công ty.....	87
Bảng 19: Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.....	91
Bảng 20: Tình hình Hàng tồn kho của Công ty	91
Bảng 21: Số dư khoản vay và nợ thuế tài chính.....	93
Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty	95
Bảng 23: Chi phí bán hàng năm 2023, năm 2024 và 9T2025	96
Bảng 24: Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2023, năm 2024 và 9T2025.....	97
Bảng 25: Kế hoạch kinh doanh của Công ty cho năm 2025 và 2026	98
Bảng 26: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán, Kế toán trưởng	105
Bảng 27: Bảng chi tiết số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định	115

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1 Tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam (VVS)

Ông Nguyễn Vũ Trụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Người đại diện theo pháp luật

Ông Kiều Anh Đào Giám đốc công ty

Bà Nguyễn Thị Tâm Kế toán trưởng

Ông Chu Quang Huy Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2 Tổ chức Tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà: Nguyễn Thị Thanh Hà

Chức vụ: Giám đốc Tài chính

(Theo Giấy ủy quyền số 27/2025/UQ-SSI do Ông Nguyễn Đức Thống – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ký ngày 01/8/2025 và Giấy ủy quyền số 10/2025/UQ-SSI do ông Nguyễn Duy Hưng – Đại diện theo pháp luật của SSI ký ngày 01/8/2025 để ủy quyền cho ông Nguyễn Đức Thống)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng dịch vụ tư vấn số HD_NHDT/LIS/15/2024 ngày 07/11/2024 với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam cung cấp.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

II CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam chịu tác động của các nhân tố rủi ro như tình hình kinh tế, luật pháp, đặc thù ngành bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ tại Việt Nam với lĩnh vực ngách là xe tải trung và hạng nặng, chịu ảnh hưởng lớn của các chính sách về phát triển cơ sở hạ tầng của Chính phủ trong ngắn hạn và dài hạn, và nội bộ quản trị của Công ty. Ảnh hưởng của các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, qua đó tác động trực tiếp đến giá cổ phiếu niêm yết, được phân tích dưới đây.

1 Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh gồm:

1.1 Tăng trưởng kinh tế

Ngày 29/12/2023, Tổng cục Thống kê (Bộ kế hoạch và Đầu tư) đã công bố tổng sản phẩm quốc nội ("GDP") năm 2023 tăng 5,05%, giảm mạnh so với mức tăng 8,02% đạt được năm 2022 và chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023.

Ngày 06/01/2025, theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024 của Tổng cục thống kê, GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024.

Ngày 06/10/2025, Cục Thống kê – Bộ Tài chính đã công bố GDP 9 tháng đầu năm 2025 tăng 7,85% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 9,44% của cùng kỳ năm 2022 trong vòng 15 năm qua. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 5,36%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,69%, đóng góp 43,05%; khu vực dịch vụ tăng 8,49%, đóng góp 51,59%.

Mặc dù kinh tế Việt Nam ghi nhận tín hiệu phục hồi tích cực kể từ năm 2024 tới nay, xu hướng tăng trưởng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro trước các biến động từ kinh tế toàn cầu, biến động địa chính trị và xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn.

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam hoạt động chính trong lĩnh vực đại lý, môi giới và bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ tại Việt Nam, nên kết quả hoạt động kinh doanh phụ thuộc nhiều vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam.

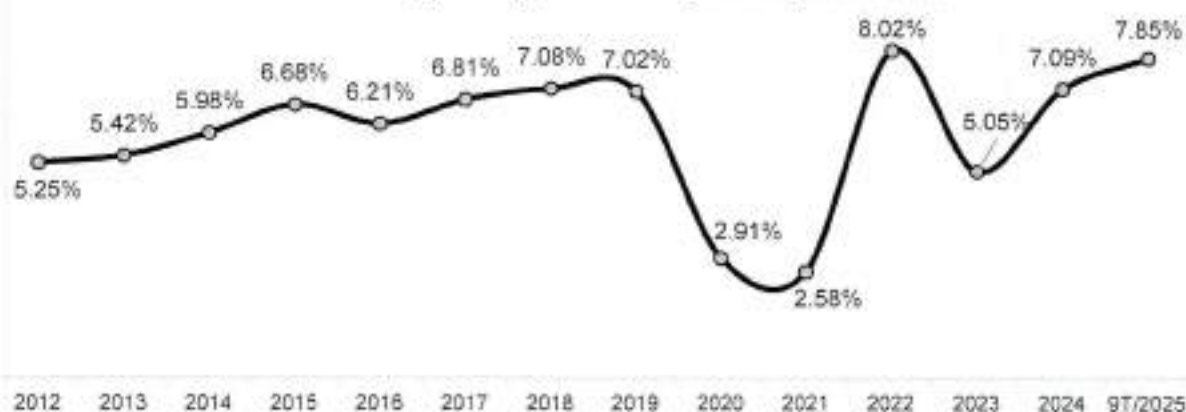
Hoạt động kinh doanh của Công ty có mối liên hệ chặt chẽ với diễn biến của nền kinh tế vĩ mô. Trong trường hợp nền kinh tế suy giảm hoặc tăng trưởng chậm lại, thu nhập và sức mua của người dân cũng như của khu vực doanh nghiệp đều có thể bị ảnh hưởng, dẫn đến nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ nói chung giảm sút.

Khi niềm tin thị trường suy yếu, các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, logistics có xu hướng giãn tiến độ đầu tư, kéo dài thời gian triển khai dự án hoặc tạm hoãn kế hoạch mở rộng hoạt động để giảm thiểu rủi ro. Việc chậm giải ngân đầu tư công và đầu tư tư nhân trong giai đoạn kinh tế khó khăn cũng làm giảm nhu cầu đối với xe tải hạng trung, hạng nặng và xe chuyên dùng phục vụ công trình – là các dòng sản phẩm chủ lực của Công ty.

Song song đó, áp lực chi phí và dòng tiền trong giai đoạn kinh tế suy yếu có thể khiến khách hàng kéo dài thời gian thanh toán, phát sinh nợ quá hạn, ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu, dòng tiền và mức tồn kho của Công ty.

Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, VVS chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, định chế tài chính và tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.

Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2 Lạm phát

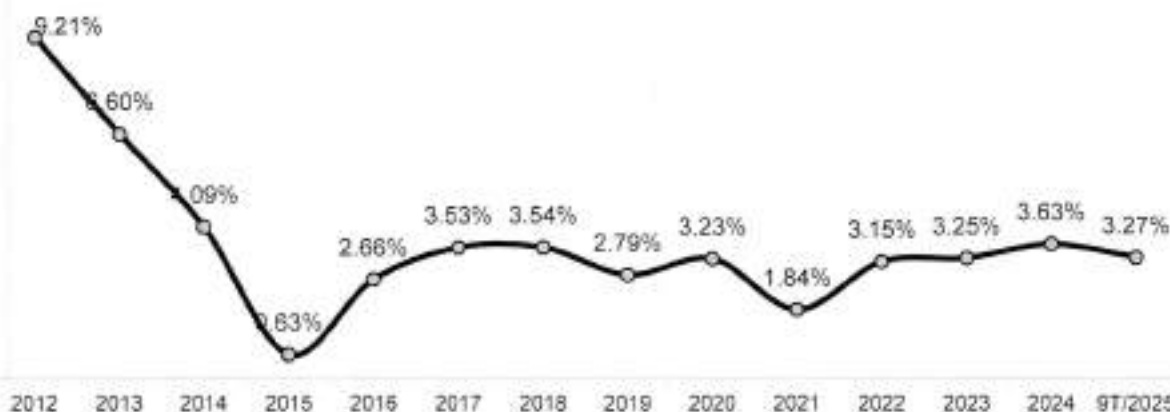
Ngày 29/12/2023, Tổng cục Thống kê đã công bố Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả năm 2023 tăng 3,25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Ngoài ra, lạm phát cơ bản bình quân tăng 4,16%, cao hơn mức tăng của lạm phát chung.

Ngày 06/01/2025, theo thông cáo báo chí tình hình kinh tế – xã hội quý IV và năm 2024 của Tổng cục Thống kê, tính chung cả năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Ngày 06/10/2025, cũng theo Cục Thống kê – Bộ Tài chính), lạm phát trong 9 tháng đầu năm 2025 đã được kiểm soát tốt với CPI bình quân tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,18%, hỗ trợ ổn định tình hình kinh tế vĩ mô. Một số nhóm hàng tăng giá mạnh do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở, đặc biệt là cát, đá, gạch tăng cao bất thường, xăng dầu tăng theo giá nhiên liệu thế giới, riêng chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm.

Trong trường hợp nền kinh tế diễn biến theo hướng tiêu cực, lạm phát tăng cao, đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành môi giới và bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ như Công ty, lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty do chi phí đầu vào tăng trong khi giá bán sản phẩm rất khó điều chỉnh tăng vì yếu tố cạnh tranh, khiến cho biên lợi nhuận trở nên kém hấp dẫn.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro và chủ động kế hoạch kinh doanh với các nhà cung cấp và có kế hoạch điều tiết giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện các biện pháp như tăng cường quản lý chi

phí, tối ưu hóa quy trình vận chuyển và vận hành để phù hợp với tình hình thị trường.

1.3 Lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Rủi ro về lãi suất đối với một doanh nghiệp xuất hiện khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận. Mức rủi ro về lãi suất là khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó. Mức lãi suất càng cao thì doanh nghiệp càng khó khăn trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành giảm lãi suất để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế thông qua việc liên tục điều chỉnh giảm 4 lần các mức lãi suất điều hành, với mức giảm 0,5-2,0%/năm, trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao; đồng thời, có nhiều văn bản chỉ đạo, trực tiếp làm việc với các tổ chức tín dụng đề nghị tiết giảm chi phí, giảm lãi suất huy động để giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Đến cuối 2023, mặt bằng lãi suất đã giảm đáng kể, lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới bằng VND giảm 2-3% so với cuối năm 2022.

Theo kết quả điều tra của Vụ Dự báo Thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tính chung cả năm 2024, các tổ chức tín dụng tăng nhẹ 0,1 điểm phần trăm mặt bằng lãi suất huy động vốn và giảm nhẹ 0,09 điểm phần trăm mặt bằng lãi suất cho vay so với cuối năm 2023.

Theo kết quả của Cuộc Điều tra xu hướng kinh doanh của các tổ chức tín dụng Quý IV/2025 được Vụ Dự báo, Thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính (NHNN) công bố, kết thúc Quý III năm 2025, mặt bằng lãi suất huy động bằng VND sẽ duy trì ổn định, trong khi lãi suất cho vay tiếp tục xu hướng giảm nhẹ.

Trong trường hợp thị trường diễn biến theo hướng bất lợi, lãi suất tăng ảnh hưởng đến Công ty vì làm cho chi phí trả lãi vay của Công ty cao hơn, từ đó gây khó khăn trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất, Công ty luôn phải tính toán cân đối giữa nguồn vốn tự có và nguồn vốn đi vay để giảm thiểu ảnh hưởng rủi ro về lãi suất đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tại ngày 31/12/2023, 31/12/2024 và 30/09/2025, tổng nợ phải trả của Công ty lần lượt là 1.586 tỷ đồng, 1.963 tỷ đồng và 4.699 tỷ đồng. Theo đó, tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty lần lượt đạt 5,59 lần, 5,57 lần và 9,37 lần. Cơ cấu nợ chủ yếu là phải trả người bán ngắn hạn, phát sinh từ các hợp đồng nhập khẩu sử dụng phương thức thanh toán LC (UPAS và LC trả chậm) có lãi suất/ phí, kỳ hạn và giá trị được cố định ngay tại thời điểm mở LC, do đó Công ty không chịu ảnh hưởng về lãi suất của các ngân hàng thương mại trong nước, qua đó giảm thiểu tác động từ biến động lãi suất trong ngắn hạn.

Tại ngày 31/12/2023, 31/12/2024 và 30/09/2025, chi phí lãi vay trong kỳ ghi nhận đạt lần lượt 33,7 tỷ đồng, 26,6 tỷ đồng và 26,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí tài chính. Trong trường hợp lãi suất trong nước tăng trở lại, tác động đến chi phí tài chính của Công ty sẽ chủ yếu giới hạn ở các khoản vay ngắn hạn phục vụ hoạt động vận hành, chiếm tỷ trọng thấp so với tổng nguồn vốn.

Công ty luôn tìm cách quản trị rủi ro biến động lãi suất bằng cách tìm kiếm sử dụng linh hoạt các công cụ thanh toán với nguồn tài trợ quốc tế như Thư tín dụng trả chậm (LC UPAS, LC trả chậm), đồng thời duy trì quan hệ tốt với hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần trong nước có vốn nhà nước (có nguồn vốn giải ngân lãi suất thấp so với các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân) để giảm thiểu chi phí vốn.

1.4 Tỷ giá

Tỷ giá hối đoái tác động đáng kể đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán thông qua việc tác động đến các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cân cân thanh toán và sự di chuyển của các nguồn vốn đầu tư. Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỷ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Tuy nhiên, nhìn chung công tác quản lý tỷ giá là một vấn đề khó khăn và đôi khi tỷ giá biến động trái chiều với ý muốn chủ quan của các nhà quản lý.

Tỷ giá trung tâm năm 2023 (tính đến ngày 29/12/2023) do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố, là

1 USD = 23.866 VNĐ. Trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành chính sách tiền tệ một cách linh hoạt và hiệu quả, bất chấp bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động. So với cuối năm 2022, tỷ giá có thời điểm ghi nhận mức mất giá gần 3%, nhưng đến cuối năm, mức mất giá của VNĐ chỉ còn khoảng 1,97%. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ ("FED") duy trì mặt bằng lãi suất cao trong thời gian dài, giữ chỉ số USD Index ở mức cao; trong bối cảnh đó, và tỷ giá USD/VND tiếp tục là một trong những yếu tố chịu áp lực điều hành đáng kể trong chính sách tiền tệ của Việt Nam. Hết năm 2024 (tính đến ngày 31/12/2024), tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) do Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 24.335 VND/USD. Tỷ giá trung tâm được điều hành linh hoạt, phù hợp, đồng bộ với các công cụ chính sách tiền tệ để ổn định thị trường ngoại tệ, góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Đến ngày 30/09/2025, theo dữ liệu công bố bởi NHNN, tỷ giá trung tâm ở mức 1 USD = 25.187 VND.

Hoạt động kinh doanh của VVS có liên quan đến việc nhập khẩu và phân phối xe tải hạng trung và hạng nặng, vì vậy sự biến động trong tỷ giá ảnh hưởng rất lớn tới việc quản trị giá vốn và chi phí tài chính của Công ty.

Trong trường hợp điều kiện thị trường không thuận lợi, tỷ giá USD/VND tăng cao gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể, chi phí nhập khẩu xe được định giá bằng USD tăng lên, dẫn đến giá vốn hàng bán cao hơn, làm giảm biên lợi nhuận gộp của Công ty. Trong khi đó, khả năng chuyển phần chi phí tăng thêm sang giá bán gặp hạn chế do thị trường có tính cạnh tranh cao, khiến Công ty phải chịu một phần chi phí biến động tỷ giá. Ngoài ra, biến động tỷ giá còn ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán các khoản vay hoặc hợp đồng nhập khẩu bằng ngoại tệ, làm gia tăng rủi ro tài chính và ảnh hưởng tới dòng tiền ngắn hạn của doanh nghiệp. Trong trường hợp tỷ giá tiếp tục tăng mạnh, Công ty có thể đối mặt với áp lực giảm lợi nhuận và phải điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để duy trì hiệu quả hoạt động.

Để ứng phó kịp thời với diễn biến của tỷ giá USD/VND, Công ty đã luôn chủ động sử dụng các quản trị tỷ giá như bảo hiểm tỷ giá (forward), nhằm đảm bảo về công tác nhập khẩu và ổn định tình hình tài chính doanh nghiệp. Bên cạnh đó, để đảm bảo phòng ngừa những tình huống bất lợi, Công ty luôn chủ động theo dõi diễn biến tiền tệ quốc tế để kịp thời điều chỉnh chính sách và kế hoạch kinh doanh phù hợp.

2 Rủi ro về luật pháp

Do hầu hết hoạt động kinh doanh của Công ty hiện đang được tiến hành tại Việt Nam nên toàn bộ các hoạt động của Công ty đều chịu sự điều chỉnh của pháp luật và các quy định của Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh Nghiệp, Luật Đầu Tư, Luật Thương Mại, Luật Hải quan, Luật về đăng kiểm xe ô tô, các luật về thuế,...

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế, các luật và văn bản hướng dẫn có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Bên cạnh đó, Việt Nam hiện là một nước đang phát triển, do đó, sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều sẽ gây ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực đại lý, môi giới và bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ, VVS luôn đảm bảo tuân thủ các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, các bộ luật về Thuế và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty.

Nhằm hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động chuyên môn, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những quy phạm pháp luật chuyên ngành khác có liên quan đến Công ty. Đồng thời, Công ty thường xuyên có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty về các quy định của pháp luật cũng như ý thức chấp hành pháp luật.

3 Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro đặc thù ngành và lĩnh vực hoạt động

Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam có hoạt động kinh doanh đại lý, môi giới và bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ, cụ thể là xe tải trung và hạng nặng, tập trung chính tại thị trường Việt Nam. Do đó hoạt động của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào tình hình hoạt động thị trường này, nằm trong tổng thể ảnh hưởng của của các lĩnh vực phát triển hạ tầng và logistics.

Nhu cầu của thị trường Việt Nam về xe tải hạng trung và nặng chịu tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt các yếu tố vĩ mô và vĩ mô, cũng như sự biến động trong tăng trưởng của các ngành nghề sử dụng sản phẩm do Công ty phân phối bao gồm đầu tư dự án, xây dựng hạ tầng và logistics.

Chính sách thuế mới của Mỹ gần đây đã làm tăng nguy cơ xảy ra chiến tranh thương mại trong năm 2025. Việc xảy ra chiến tranh thương mại sẽ ảnh hưởng lớn tới chuỗi cung ứng toàn cầu, có thể gây ảnh hưởng tới việc nhập khẩu và phân phối sản phẩm của Công ty.

Rủi ro về suy thoái kinh tế vẫn đang hiện hữu khi nền kinh tế toàn cầu vẫn còn nhiều biến động và từng bước phục hồi sau COVID-19, sự lo ngại về suy thoái kinh tế có thể dẫn tới sự sụt giảm trong nhu cầu tiêu dùng chung. Suy thoái kinh tế cũng sẽ tác động xấu tới ngành ngân hàng, khiến các chính sách cho vay bị thắt chặt khiến giảm khả năng tiếp cận vốn vay của khách hàng, dẫn đến nhu cầu mua xe sẽ bị ảnh hưởng.

Khách hàng sử dụng sản phẩm của Công ty chủ yếu bao gồm các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực logistics và xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng dự án bất động sản. Đây là các lĩnh vực chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách vĩ mô của Chính phủ theo từng thời kỳ.

Ngoài các rủi ro về kinh tế và rủi ro về chính sách, sự thay đổi trong xu hướng tiêu dùng của khách hàng và định hướng phát triển của các đơn vị sản xuất cũng đem lại rủi ro đáng kể đối với Công ty. Hiện nay vấn đề sử dụng xe phát thải thấp đang được đề cao tại nhiều quốc gia nhằm bảo vệ môi trường, vì vậy trong tương lai gần, khách hàng sẽ có xu hướng chuyển sang sử dụng các loại xe tải điện hoặc các xe có hiệu suất nhiên liệu tốt hơn. Cùng với đó, định hướng phát triển của các nhà sản xuất ô tô lớn trên toàn cầu đều đang hướng tới xe điện trong tương lai, giảm dần việc sản xuất các sản phẩm sử dụng nhiên liệu hóa thạch, điều này sẽ ảnh hưởng bất lợi đến mô hình kinh doanh các sản phẩm truyền thống. Nhu cầu sử dụng xe có động cơ diesel được cho rằng sẽ suy giảm trong tương lai, có thể tác động tiêu cực đến ngành nghề kinh doanh của Công ty, đặt ra thách thức cho Công ty phải cân nhắc tới việc chuyển dịch sản phẩm và tăng cường công tác nghiên cứu và phát triển ("R&D") cho phù hợp với xu thế. Cụ thể, tại sự kiện Triển lãm Quốc tế Logistics Việt Nam 2025 (VLOG 2025) tổ chức tại TP.HCM ngày 31/7/2025, Công ty đã giới thiệu loạt giải pháp vận tải xanh toàn diện – từ phương tiện sử dụng năng lượng sạch đến các mô hình hỗ trợ vận hành đồng bộ. Nổi bật trong đó là các dòng xe tải điện HOWO SINOTRUK với chất lượng vượt trội, cấu hình tối ưu hóa theo điều kiện vận hành tại Việt Nam. Đồng thời, Công ty dự kiến triển khai hệ sinh thái hỗ trợ toàn diện với 22 trạm 3S và đại lý ủy quyền phủ khắp toàn quốc, cùng dịch vụ kỹ thuật, chính sách hậu mãi, và đặc biệt là các giải pháp trạm sạc linh hoạt được tư vấn, khảo sát theo thực tế vận hành – giúp doanh nghiệp tối ưu chi phí năng lượng và nâng cao hiệu quả khai thác phương tiện.

Để ứng phó với những rủi ro nêu trên, Công ty đã động xây dựng các chiến lược phòng ngừa và thích ứng linh hoạt. Công ty thường xuyên theo dõi sát tình hình thương mại và tỷ giá, đồng thời duy trì mức dự trữ hàng tồn kho an toàn, giúp đảm bảo nguồn cung liên tục cho khách hàng ngay cả khi việc vận chuyển hoặc thông quan gặp khó khăn tạm thời hoặc đứt gãy nguồn cung. Song song đó, Công ty cũng tăng cường hợp tác với các ngân hàng trong nước để duy trì các hạn mức tín dụng thương mại ổn định, đảm bảo khả năng tài trợ LC cho các đơn hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động cập nhật liên tục các chính sách vĩ mô, quy định môi trường và xu hướng công nghệ toàn cầu để Công ty điều chỉnh kế hoạch kinh doanh kịp thời và hiệu quả.

3.2 Rủi ro Công ty

Công ty có thể gặp phải rủi ro cạnh tranh từ các đối thủ khác trong ngành. Cạnh tranh trong kinh doanh luôn là vấn đề của mọi doanh nghiệp, không ngoại trừ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam. Trong môi trường cạnh tranh, ưu thế thuộc về các doanh nghiệp có sức mạnh về uy tín chất lượng sản phẩm, dịch vụ, mang đến cho khách hàng lợi ích thiết thực và được khách hàng tin tưởng và các doanh nghiệp có quy mô lớn, có tiềm lực tài chính tốt, mạnh dạn đầu tư không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm dịch vụ vì lợi ích lâu dài.

Các nguy cơ cạnh tranh chính mà Công ty có thể gặp phải bao gồm: Cạnh tranh trực tiếp từ các đối thủ cùng ngành, mặt bằng giá và các dịch vụ đi kèm như thay thế, bảo hành, bảo dưỡng đến từ các đối thủ cạnh tranh. Để giảm bớt các rủi ro này, Công ty đã xây dựng chiến lược cạnh tranh phù hợp bằng hình thức lựa chọn vị trí chiến lược mang lại giá trị cho các khách hàng, tập trung mang đến những dịch vụ, giá cả phù hợp, và kết hợp với chính sách bán hàng hợp lý mang lại nhiều giá trị cho khách hàng. Công ty luôn luôn cẩn trọng với rủi ro cạnh tranh bằng việc thường xuyên theo dõi diễn biến của thị trường, cập nhật những thay đổi về nhu cầu và thị hiếu của khách hàng, đồng thời không ngừng đổi mới chất lượng phục vụ để luôn luôn là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực của Công ty.

3.3 Rủi ro Tín dụng

Tại ngày 30/9/2025, Công ty ghi nhận dư nợ vay là 547 tỷ đồng, trong khi tổng nợ ngắn hạn ở mức gần 4.700 tỷ đồng, trong đó, nợ phải trả người bán ngắn hạn chiếm phần lớn là 3.684 tỷ đồng. Quy mô nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nghĩa vụ tài chính cho thấy Công ty phải đối mặt với áp lực đáng kể trong việc đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, đặc biệt trong bối cảnh lãi suất thị trường và điều kiện tín dụng có thể biến động khó lường. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ khả năng Công ty không đáp ứng đúng hạn các nghĩa vụ vay vốn, thanh toán với nhà cung cấp hoặc các đối tác tài chính, ảnh hưởng tiêu cực đến dòng tiền và lợi nhuận. Trong trường hợp dòng tiền từ hoạt động kinh doanh bị gián đoạn hoặc chu kỳ thu hồi công nợ kéo dài, rủi ro tín dụng có thể gia tăng, ảnh hưởng đến khả năng duy trì thanh khoản và sự ổn định tài chính của Công ty.

Để hạn chế rủi ro tín dụng, Công ty đã và đang duy trì mức tài sản ngắn hạn cao, đạt 5.162 tỷ đồng tại ngày 30/09/2025, cao hơn tổng nợ ngắn hạn, qua đó phản ánh khả năng thanh toán ngắn hạn ở mức tương đối an toàn. Tỷ lệ tài sản ngắn hạn trên nợ ngắn hạn cho thấy Công ty có cơ sở để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn mà không phải phụ thuộc quá nhiều vào việc vay mới hoặc tái cấp vốn. Ngoài ra, Công ty chú trọng triển khai các biện pháp quản trị rủi ro tài chính một cách chủ động, bao gồm: tăng cường giám sát và kiểm soát dòng tiền, đẩy mạnh thu hồi công nợ phải thu để rút ngắn chu kỳ chuyển đổi tiền mặt, đồng thời tối ưu vòng quay hàng tồn kho nhằm giải phóng nguồn vốn lưu động. Trong bối cảnh thị trường tài chính có nhiều biến động, Công ty cũng đặt trọng tâm vào việc duy trì quan hệ tín dụng chặt chẽ với các ngân hàng đối tác, tìm kiếm các nguồn vốn dự phòng, cũng như nâng cao xếp hạng tín dụng nội bộ, nhằm đảm bảo tính bền vững và ổn định cho cấu trúc tài chính trong dài hạn.

3.4 Rủi ro Thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là khả năng doanh nghiệp không có đủ nguồn lực tài chính kịp thời để đáp ứng các nghĩa vụ ngắn hạn khi đến hạn, mặc dù về mặt tổng thể vẫn có tài sản lớn hơn nợ phải trả. Tại ngày 30/9/2025, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty ở mức 1,10 lần, giảm nhẹ so với cuối năm 2024 (1,17 lần) và 2023 (1,16 lần). Tuy nhiên, đây là số liệu Quý III/2025, chưa phản ánh được thực tế vận hành của Công ty trong cả năm tài chính 2025. Hệ số thanh toán nhanh đạt 0,84 lần, thấp hơn 1 và tăng nhẹ so với kỳ trước (0,78 lần cuối năm 2024) và về bằng số liệu cuối năm 2023. Trong bối cảnh áp lực nợ ngắn hạn ở mức cao, hệ số thanh toán nhanh dưới 1 lần tiềm ẩn rủi ro thanh khoản hiện hữu, phản ánh sự phụ thuộc vào hàng tồn kho và dòng tiền thu từ khách hàng: nếu thị trường có biến động bất lợi hoặc chu kỳ thu hồi công nợ kéo dài, Công ty có thể gặp khó khăn trong việc thanh toán kịp thời các nghĩa vụ nợ, dẫn đến nguy cơ mất cân đối dòng tiền và ảnh hưởng đến hoạt động kinh

doanh thường xuyên.

Để khắc phục tình trạng trên, Công ty tận dụng lợi thế tài sản ngắn hạn 5.162 tỷ đồng, hiện vẫn cao hơn nợ ngắn hạn, để nâng cao khả năng thanh toán thực chất. Trọng tâm là tăng tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, qua đó cải thiện hệ số thanh toán nhanh từ mức 0,84 lần hiện nay lên gần bằng hoặc vượt 1 lần. Công ty có thể đạt được điều này thông qua việc rút ngắn chu kỳ thu hồi công nợ khách hàng, duy trì và tăng cường chính sách bán hàng thu tiền mặt, đồng thời kiểm soát tồn kho hợp lý để tránh tình trạng vốn bị ứ đọng. Với những biện pháp này, Công ty không chỉ hạn chế rủi ro thanh khoản mà còn củng cố nền tảng tài chính, đảm bảo sự ổn định và bền vững cho hoạt động kinh doanh trong các kỳ tiếp theo.

3.5 Rủi ro trong trường hợp lãi suất tăng cao, nhu cầu thị trường giảm (phụ thuộc đầu tư công, các dự án hạ tầng đường bộ, cảng biển) và phương án để đảm bảo Công ty không bị mất khả năng trả nợ

Trong trường hợp mặt bằng lãi suất có xu hướng tăng, chi phí vốn vay ngắn hạn của Công ty có thể chịu ảnh hưởng nhất định. Tuy nhiên, rủi ro này được Công ty đánh giá là ở mức kiểm soát được, do 80% nợ ngắn hạn của Công ty là các Khoản phải trả người bán ngắn hạn, phát sinh từ các hợp đồng sử dụng phương thức thanh toán LC (UPAS và LC trả chậm) có lãi suất/phí, kỳ hạn và giá trị được cố định ngay tại thời điểm mở LC, không chịu ảnh hưởng về lãi suất của các ngân hàng thương mại trong nước, qua đó giảm thiểu tác động từ biến động lãi suất trong ngắn hạn. Đồng thời, đối với khoản vay ngân hàng ngắn hạn, Công ty chủ động duy trì tỷ lệ kỳ quỹ và các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn đúng để thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo với từng nghĩa vụ LC, song song với đó nhận được lãi suất tiền gửi nhằm bù đắp chi phí lãi vay phát sinh. Ngoài ra, Công ty luôn linh hoạt thu nợ trước hạn để kiểm soát chi phí hoạt động tài chính.

Trong bối cảnh nhu cầu thị trường có thể suy giảm do chậm tiến độ đầu tư công hoặc gián đoạn các dự án hạ tầng đường bộ, cảng biển, Công ty đã xây dựng chính sách quản trị dòng tiền và cơ cấu nguồn vốn linh hoạt, bảo đảm duy trì khả năng thanh toán và đáp ứng kịp thời các nghĩa vụ nợ đến hạn. Nhờ đặc thù dòng tiền bán hàng quay vòng nhanh và khả năng dự báo chính xác lịch thanh toán LC, Công ty có thể tối ưu hóa nguồn vốn lưu động, hạn chế tối đa việc phát sinh vay bổ sung trong giai đoạn lãi suất tăng cao. Ngoài ra, với cơ chế linh hoạt trong đàm phán hợp đồng với nhà cung cấp SINOTRUK kết hợp với kiểm soát hàng hoá tồn kho hợp lý, Công ty đảm bảo nguồn vốn không bị ứ đọng và có thể linh hoạt giảm lượng hàng hoá nhập khẩu khi nhận thấy các yếu tố bất lợi từ thị trường.

Nhìn chung, với cơ chế tài trợ thương mại linh hoạt, quản trị dòng tiền chặt chẽ và chiến lược kiểm soát chi phí tài chính, hàng tồn kho chủ động, Công ty có đủ khả năng duy trì khả năng trả nợ và đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn ngay cả trong điều kiện lãi suất tăng và nhu cầu thị trường tạm thời suy giảm.

3.6 Rủi ro với hoạt động của Công ty khi phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn cung cấp hàng hóa từ 01 đối tác Trung Quốc

Việc nhập khẩu nguyên chiếc các dòng xe tải hạng trung, hạng nặng và các xe chuyên dụng từ một nhà cung cấp tại Trung Quốc khiến Công ty phụ thuộc vào nguồn cung này. Bất ổn thương mại, đứt gãy cung ứng hoặc biến động tỷ giá sẽ có thể tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhận thức rõ rủi ro tiềm ẩn từ sự phụ thuộc này, Công ty đã chủ động xây dựng chiến lược quản trị chuỗi cung ứng linh hoạt và an toàn, đảm bảo khả năng duy trì hoạt động ổn định ngay cả trong bối cảnh thị trường quốc tế biến động. Công ty thường xuyên theo dõi sát tình hình thương mại và tỷ giá, đồng thời duy trì mức dự trữ hàng tồn kho an toàn, giúp đảm bảo nguồn cung liên tục cho khách hàng ngay cả khi việc vận chuyển hoặc thông quan gặp khó khăn tạm thời hoặc đứt gãy nguồn cung. Song song đó, Công ty đã và đang tiếp tục phát triển hệ thống chuỗi trạm 3S (trung tâm dịch vụ đáp ứng đủ ba chức năng chính Sales – Services – Spare parts) và hướng tới nâng cấp đạt tiêu chuẩn 4S (Bán hàng (Sales), Dịch vụ sau bán hàng (After-sales Service), Phụ tùng (Spare parts), và Khảo sát (Survey)

hoặc Tư vấn (Consulting). Với đội ngũ kỹ thuật viên đông đảo và có tay nghề cao, cùng với kho phụ tùng chính hãng được đảm bảo, trong trường hợp thị trường xe tải bị ảnh hưởng với các rủi ro địa chính trị, rủi ro vĩ mô, Công ty vẫn có dòng tiền duy trì hoạt động của hệ thống từ lĩnh vực cung cấp dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng trên cơ sở các xe đã bán ra thị trường sẽ tiếp tục phát sinh các nhu cầu sửa chữa, thay thế phụ tùng trong suốt vòng đời xe.

Việc đảm bảo dịch vụ từ bán hàng tới hậu mãi này không chỉ giúp giảm rủi ro gián đoạn nhập khẩu mà còn mở ra cơ hội tối ưu giá vốn và cải thiện biên lợi nhuận trong trung và dài hạn. Ngoài ra, Công ty cũng duy trì quan hệ đối tác chiến lược dài hạn với nhà cung cấp hiện hữu tại Trung Quốc là SINOTRUK thông qua thiết lập hợp đồng nguyên tắc với nhà cung cấp kèm điều khoản linh hoạt, cho phép điều chỉnh thời hạn giao hàng, phương thức thanh toán và giá. Hiện tại, VIMID đã nhận được Giấy chứng nhận nhà phân phối chính thức của SINOTRUK có thời hạn tới 31/12/2027.

Được thành lập từ năm 1935, SINOTRUK tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước của Trung Quốc, đã có 90 năm uy tín trong ngành sản xuất xe tải hạng trung và hạng nặng không chỉ tại Trung Quốc mà còn trên thế giới. SINOTRUK cũng là doanh nghiệp sản xuất xe tải hạng nặng đầu tiên của Trung Quốc có cổ phiếu giao dịch quốc tế. Công ty đã niêm yết trên sàn chứng khoán Hồng Kông (HKSE) với mã chứng khoán 03808 từ năm 2007, thông qua thành lập công ty SINOTRUK (Hongkong) Ltd, qua đó chịu sự giám sát và yêu cầu công bố thông tin theo chuẩn quốc tế.

Trong năm 2024, SINOTRUK duy trì vị trí Top đầu tại thị trường Trung Quốc với doanh thu toàn hệ thống ước đạt 194 tỷ Nhân dân tệ tương đương 27,23 tỷ USD; tổng doanh số khoảng 370.000 xe, trong đó doanh số xe tải hạng nặng dự kiến đạt 105.000 chiếc, chiếm 20,2% thị phần, doanh số xe tải nhẹ ước tính đạt 95.000 chiếc, chiếm 18,5% thị phần. Ngoài ra, SINOTRUK đã có những bước tiến đáng kể trong lĩnh vực xe năng lượng mới (NEV) – xe tải thông minh chạy bằng điện. Doanh số xe tải điện hạng nặng dự kiến đạt 8.600 xe, tăng 280% so với 2023. Doanh số xe tải điện hạng nhẹ dự kiến đạt 3.300 xe, tăng 15% so với năm trước. SINOTRUK cũng đạt được thành tích xuất sắc trên thị trường toàn cầu với số lượng xe tải nặng xuất khẩu đạt 135.000 xe, doanh thu xuất khẩu dự kiến đạt 45,1 tỷ Nhân dân tệ tương đương 6,3 tỷ USD. Để củng cố sự hiện diện toàn cầu, SINOTRUK đã thành lập 29 nhà máy lắp ráp mới, phát triển 226 nhà phân phối/đại lý, 246 trạm dịch vụ và 217 mạng lưới cung cấp phụ tùng trên toàn thế giới. Hiện SINOTRUK xuất khẩu xe tải hạng trung và hạng nặng tới hơn 110 quốc gia và khu vực, chiếm hơn 50% tổng xuất khẩu xe tải hạng nặng của Trung Quốc, điều này phản ánh năng lực sản xuất và kinh doanh quốc tế vững chắc của tập đoàn.

Với những giải pháp đồng bộ, chủ động và sự uy tín của nhà cung cấp đến từ Trung Quốc, Công ty không chỉ kiểm soát tốt rủi ro chuỗi cung ứng mà còn củng cố năng lực cạnh tranh, thể hiện sự linh hoạt, bền vững và khả năng thích ứng cao trước mọi biến động của môi trường kinh doanh quốc tế.

4 Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do hai nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp lãnh đạo.

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của Công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, để mang lại hiệu quả quản trị tốt hơn, Công ty đã chuyển đổi sang mô hình quản trị có Ủy ban kiểm toán để việc kiểm tra và đánh giá hoạt động Công ty sâu sát nhất có thể. Do đó các hoạt động điều hành của Hội

đồng quản trị, Ban Giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành giúp đội ngũ quản trị của Công ty có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả.

5 Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai (hạn hán, bão lụt), dịch bệnh, hỏa hoạn. Các rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty làm giảm lợi nhuận và gây nên tình trạng bất ổn của các thị trường tiềm năng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã thường xuyên kiểm tra, bảo trì và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, tham gia mua bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên và tài sản.

Rủi ro thiên tai, dịch bệnh là những rủi ro bất khả kháng và nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Đối với những rủi ro này, Công ty theo dõi sâu sát diễn biến và đưa ra các biện pháp phòng chống kịp thời và hợp lý.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

III CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC	: Báo cáo tài chính
BGD	: Ban Giám đốc
CMND/CCCD	: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân
CBNV	: Cán bộ công nhân viên
Công ty/VVS/ Tổ Chức Niêm Yết/ VIMID:	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam
CTCP	: Công ty Cổ phần
CP	: Cổ phần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng Cổ đông
ĐKDN	: Đăng ký doanh nghiệp
GCNĐKDN	: Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
HOSE/ HSX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
SSI/Tổ Chức Tư Vấn	: Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI- Chi nhánh Hà Nội
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
VSDC	: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VĐL	: Vốn điều lệ
VND/VNĐ	: Việt Nam đồng

Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

IV TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1 Thông tin chung về tổ chức đăng ký niêm yết

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÁY VIỆT NAM
- Tên tiếng Anh: VIETNAM MACHINE INVESTMENT DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY
- Mã cổ phiếu: VVS
- Địa chỉ: BT1-07 Khu đô thị mới An Hưng, đường Tố Hữu, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (024) 6666 1788
- Trang web: www.vimid.vn
- Mã số thuế: 0104498100
- Vốn điều lệ hiện tại: 215.250.000.000 VND (Hai trăm mười lăm tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng)
- Vốn thực góp hiện tại: 215.250.000.000 VND (Hai trăm mười lăm tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng)
- GCNĐKDN: số 0104498100 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/03/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 cấp ngày 20/08/2025
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Vũ Trụ – Chủ tịch HĐQT
- Logo Công ty 
- Công ty đã hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 4726/UBCK-GSĐC ngày 22/07/2022 do UBCKNN cấp.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã Ngành
1	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4610 (Chính)
2	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4651
3	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức	4652

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã Ngành
	kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	
4	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; <p>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)</p>	4659
5	<p>Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)</p>	4741
6	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
7	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
8	<p>Quảng cáo</p> <p>(Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)</p>	7310
9	<p>Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); + Bán buôn xe có động cơ khác; - Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương. - Ô tô vận tải, kể cả các loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc. - Ô tô chuyên dụng: xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông. - Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cạp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa 	4511
10	<p>Đại lý ô tô và xe có động cơ khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); + Đại lý xe có động cơ khác; - Ô tô chở khách loại trên 9 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng cứu thương, xe chở tù, xe tang lễ; - Ô tô vận tải, kể cả các loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ- 	4513

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã Ngành
	<p>moóc và bán rơ-moóc;</p> <ul style="list-style-type: none"> Ô tô chuyên dụng: xe bồn, xe cứu hộ, xe cứu hỏa, xe chở rác, xe quét đường, xe phun tưới, xe trộn bê tông, xe chiếu chụp X-quang. <p>Các ngành, nghề chi tiết trên đều loại trừ hoạt động đầu giá</p> <p>Đại lý xe có động cơ khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dùng như xe cứu thương Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc Ô tô chuyên dụng: xe bồn, xe cứu hộ, xe cứu hỏa, xe chở rác, xe quét đường, xe phun tưới, xe trộn bê tông, xe chiếu chụp X-quang 	
11	<p>Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá) 	4530
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
14	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
15	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
16	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
17	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn, dịch vụ nổ mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
18	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)</p>	8299
19	<p>Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Các dịch vụ nhận ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (không bao gồm hoạt động tài chính, chứng khoán)</p>	6619
20	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
21	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã Ngành
22	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Trừ dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải. Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải và dịch vụ hoa tiêu hàng hải)</p>	5222
23	Bốc xếp hàng hóa	5224
24	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
25	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa; – Gửi hàng; – Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển – Giao nhận hàng hóa; – Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; – Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; – Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; – Môi giới thuê tàu biển và máy bay; – Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. Dịch vụ logistics (không bao gồm dịch vụ vận tải hàng không và dịch vụ bưu chính) (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)</p>	5229
26	Bán mô tô, xe máy	4541
27	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
28	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
29	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
30	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
31	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
32	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
33	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
34	<p>Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đầu</p>	2829

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã Ngành
35	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
36	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4653
37	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
38	Cho thuê xe có động cơ	7710
39	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; Dịch vụ thiết kế đồ thị; Hoạt động trang trí nội thất 	7410
40	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
41	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4661
42	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
43	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810
44	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới	6820
45	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa	6612
46	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm	6622
47	Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và bảo hiểm xã hội Chi tiết: Hoạt động hỗ trợ cho đại lý bảo hiểm	6629
48	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã Ngành
49	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
50	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Trừ quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư)	5221
51	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
52	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
53	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
54	Xây dựng nhà ở	4101
55	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
56	Sản xuất thân xe ô tô có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920

Nguồn: VVS

2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của tổ chức đăng ký niêm yết

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
Năm 2010:	<ul style="list-style-type: none"> Thành lập Công ty CP Đầu tư phát triển Máy Việt Nam (VIMID). Trụ sở chính tại: P105, nhà 5 tầng, TT.222D, phố Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Hà Nội. Vốn điều lệ của công ty thời điểm thành lập là 1,8 tỷ đồng. <p>Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh ô tô và xe có động cơ khác (như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc).</p>
Năm 2011:	Tháng 10/2011, Công ty thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên 10 tỷ đồng .
Năm 2013:	<p>Khai trương Chi nhánh Hồ Chí Minh tại: Số 2600/1B, Quốc lộ 1A, Khu phố 1, Phường An Phú Đông, Quận 12, TP Hồ Chí Minh.</p> <p>Tháng 9/2013, Công ty thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng.</p>
Năm 2014:	Khai trương Văn phòng Giới thiệu Sản phẩm, sau đổi thành CN Hải Phòng tại: Số 305 Lê Thánh Tông, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.
Năm 2015:	<p>Khai trương Chi nhánh Bình Định tại: Quốc lộ 1A, Thôn Mỹ Điện, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.</p> <p>Tháng 12/2015, Công ty thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng.</p>
Năm 2016:	Khai trương Chi nhánh Hà Nội đặt tại: Km23+500, Quốc lộ 6, Khu CN Phú Nghĩa, Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội.
Năm 2017:	<ul style="list-style-type: none"> Khai trương: - Chi nhánh Hà Nam: Thôn La Mát, TT. Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam. - Chi nhánh Nghệ An: Xóm 22, Xã Nghi Trung, Huyện Nghi Lộc, Nghệ An. - Chi nhánh Đà Nẵng: Km 800+40 – QL1A, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
Năm 2019:	Khai trương Chi nhánh Quảng Ninh: Km 7, QL18, Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
Năm 2020:	<ul style="list-style-type: none"> Khai trương: <ul style="list-style-type: none"> Chi nhánh Phú Thọ: Khu 4, xã Phú Ninh, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ. Chi nhánh Thanh Hóa: Thôn Quyết Thắng, xã Quảng Thịnh, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chi nhánh Đắk Lắk: Tổ 3, khối 4, đường 30/4, phường Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Chi nhánh Đồng Nai: Dốc 47, quốc lộ 51, khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chi nhánh Bắc Giang: Km 60 - Quốc lộ 1, thôn Riều, Xã Đình Trĩ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.
Năm 2021:	<ul style="list-style-type: none"> Khai trương: <ul style="list-style-type: none"> Chi nhánh Khánh Hòa: Số 85, Tổ 6, Thôn Như Xuân 2, Xã Vĩnh Phương, Nha Trang, Khánh Hòa. Chi nhánh Tây Đô: Khóm Đông Thuận, Phường Đông Thuận, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long. Tháng 3/2021, Công ty thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng. Tháng 6/2021, Công ty thực hiện chào bán cổ phần cho cán bộ nhân viên trong công ty, tăng vốn điều lệ của công ty lên 205 tỷ đồng.
Năm 2022:	<ul style="list-style-type: none"> Khai trương: <ul style="list-style-type: none"> Chi nhánh Đông Hà Nội: Tổ 9, ngõ 649, đường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chi nhánh Bình Dương: Thửa đất số 818-819, tờ bản đồ số 08-3, đường Mỹ Phước Tân Vạn, khu phố 7, Phường Định Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Chi nhánh Quảng Bình: Tổ dân phố 3 Phú Vinh, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Chi nhánh Quảng Ngãi Số 141, đường Đinh Tiên Hoàng (QL1), phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 22/07/2022: VIMID nhận được công văn chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đăng ký công ty đại chúng. Ngày 11/8/2022, Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán với mã CK: VVS. Ngày 15/11/2022, VIMID được vinh danh trong Top VNR500 – Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2022 (xếp hạng 374)
Năm 2023:	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 16/03/2023, VIMID được ghi danh trong FAST500 – Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2023 (Xếp hạng 43). Tháng 06/2023, Công ty thực hiện thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa lên mức 49%; Ngày 02/06/2023, VIMID vinh dự nhận bằng khen từ Bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội vì đã có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách nhà

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
	<p>nước và đầy đủ các quyền lợi cho người lao động trong công tác BHXH, BHYT, BHTN.</p> <ul style="list-style-type: none"> Tháng 11/2023, Công ty hoàn thành việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), tăng vốn điều lệ lên 215,25 tỷ đồng. Ngày 17/11/2023, VIMID được vinh danh trong bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2023 (xếp hạng 315)
Năm 2024:	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 18/1/2024, VIMID vinh dự nhận bằng khen từ Liên đoàn Lao động quận Hà Đông với danh hiệu "Công đoàn có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh 2023". Ngày 23/01/2024, Công ty đã được vinh danh và nhận cúp "Strategic Partners of Shandong Heavy Industry" - Đối tác chiến lược của Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông. Đồng thời, VIMID cũng được SINOTRUK vinh danh là "Dealer of the Year" - Nhà phân phối của năm. Ngày 12/08/2024, VIMID được ghi nhận trong Top 9 doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách Nhà nước lớn nhất lĩnh vực phân phối – bán lẻ năm 2023; bên cạnh đó, VIMID cũng được xếp hạng trong PRIVATE 100 – Top Doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam và VNTAX200 - Top 200 doanh nghiệp nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam (gồm cả Khối nhà nước, tư nhân và nước ngoài). Ngày 11/12/2024, VIMID được vinh danh trong Top 1 nhà tuyển dụng được yêu thích nhất Khối doanh nghiệp vừa nhóm ngành Cơ khí - Ô Tô - Tự động hóa và Top 20 nhà tuyển dụng được yêu thích nhất khối doanh nghiệp Vừa do CareerViet phối hợp cùng đơn vị nghiên cứu thị trường Amco Việt Nam nghiên cứu và công bố. Ngày 12/12/2024, VIMID vinh dự được vinh danh trong Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, Top 500 Nhà tuyển dụng tốt nhất Việt Nam do Viet Research và Báo Đầu tư nghiên cứu và công bố. Ngày 24/12/2024, Công ty đã xuất sắc lọt Top 100 của Giải thưởng Sao Vàng đất Việt năm 2024, giải thưởng tôn vinh thương hiệu tiêu biểu Việt Nam do Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Trung ương Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam tổ chức.
Năm 2025:	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 06/01/2025, VIMID nhận bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh Lạng Sơn vì đã có thành tích đóng góp lớn về số thu ngân sách nhà nước trong hoạt động xuất nhập khẩu năm 2024. Ngày 08/01/2025, Công ty lần thứ 3 liên tiếp được vinh danh trong Bảng xếp hạng VNR500 - Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2024 (xếp hạng 466); Ngày 09/01/2025, VIMID nhận Giấy khen từ Liên đoàn Lao động quận Hà Đông do đã tham gia tích cực phong trào thi đua, chăm lo đời sống người lao động, đóng góp sáng kiến thiết thực, tổ chức hoạt động an sinh xã hội, xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh và đạt thành tích tiêu biểu trong năm. Ngày 24/04/2025, VIMID tiếp tục vinh dự nhận giải FAST500 - Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (xếp hạng 179). Ngày 12/08/2025, VIMID được trao tặng giấy khen của Chủ tịch UBND Phường Dương Nội do đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống lực lượng Công An nhân dân và 20 năm Ngày hội toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc. Ngày 19/08/2025, VIMID lọt danh sách Top 10 doanh nghiệp nộp ngân sách nhà

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
	<p>nước lớn nhất trong ngành phân phối – bán lẻ năm 2024 theo công bố của CafeF (xếp hạng 7). Đây là bằng xếp hạng ghi nhận đóng góp tài chính nổi bật của các doanh nghiệp đầu ngành phân phối – bán lẻ cho sự phát triển kinh tế đất nước. Bên cạnh đó, VIMID cũng xuất sắc góp mặt trong danh sách PRIVATE 100 (Top 100 doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam) (xếp hạng 64) và VNTAX 200 - Leading Group (Top 200 doanh nghiệp nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam bao gồm cả khối nhà nước, tư nhân, FDI, liên doanh), với tổng nộp ngân sách gần 600 tỷ đồng trong năm 2024.</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày 20/08/2025, VIMID có tên trong danh sách 18 tập thể được Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội khen thưởng vì đã có thành tích trong phong trào thi đua và phát triển Hội doanh nghiệp trẻ Hà Nội năm 2025. Ngày 18/10/2025, VIMID tham dự Hội nghị Đối tác toàn cầu 2025 do Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông tổ chức, quy tụ hơn 300 đối tác chiến lược đến từ khắp các quốc gia và vùng lãnh thổ của Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông và SINOTRUK. Trong khuôn khổ sự kiện này, VIMID đã nhận cú đúp giải thưởng "Excellent Strategic Partner Award" (Đối tác chiến lược xuất sắc) của Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông và "Notable Contribution Award" (Cống hiến nổi bật) của Tập đoàn SINOTRUK. Ngày 28/10/2025, VIMID được vinh danh trong danh sách Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lợi nhuận tốt nhất (PROFIT500) (xếp hạng 432) do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietNamNet tổ chức.

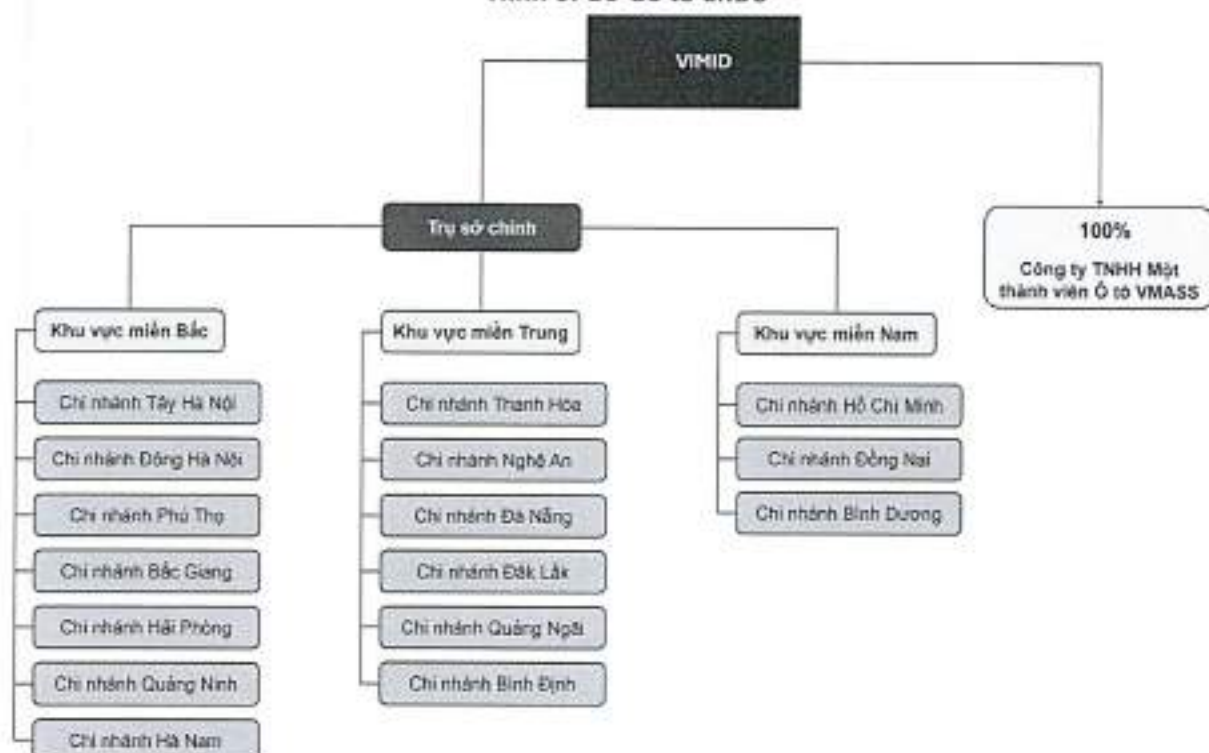
3 Cơ cấu tổ chức của tổ chức đăng ký niêm yết

Hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.

Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được ĐHĐCĐ thông qua. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty bao gồm Trụ sở chính và các chi nhánh trực thuộc, được diễn giải bằng Sơ đồ cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động sau đây:

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

Hình 3: Sơ đồ tổ chức



Nguồn: VVS

Thông tin về công ty con của Công ty được trình bày chi tiết tại mục IV.5.2

Thông tin các chi nhánh của Công ty như sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang	Km 60 - quốc lộ 1, tổ dân phố Riều, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	Khu 4, xã Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	Điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Tiên Phương, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương, phường Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Thôn La Mát, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Thôn Tiến Thành, xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	Bãi Trạc Đình Vũ, Đường 356 Đình Vũ Km2+100, phường Đông Hải 2, thành phố Hải Phòng
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	Km7 – QL18, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	Xóm 2, xã Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Km 800+40 quốc lộ 1A, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	Tổ 3, Khối 4, đường 30/4, phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	Thôn Mỹ Điện, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Quốc lộ 51, tổ 8, khu phố 3, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	2600/1B quốc lộ 1A, khu phố 1, phường An Phú Đông, thành phố Hồ Chí Minh
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	Số 173, đường Mỹ Phước Tân Vạn, Khu phố 7, phường Chánh Hiệp, TP Hồ Chí Minh
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Đồng Hà Nội	Tổ 9, ngõ 649, đường Lĩnh Nam, phường Lĩnh Nam, thành phố Hà Nội
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	Số 141, đường Đinh Tiên Hoàng (QL1), phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi

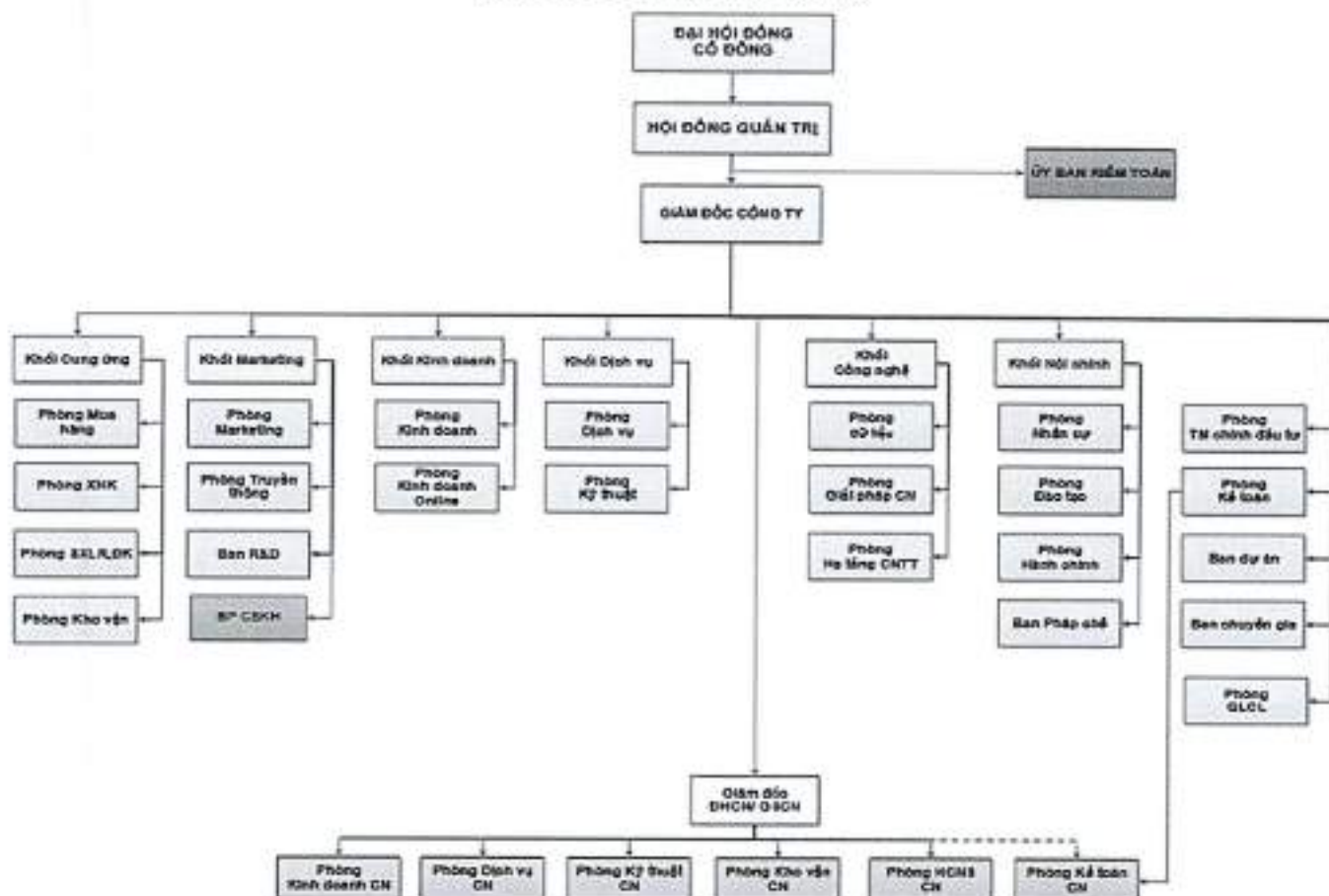
Nguồn: VVS

4 Cơ cấu bộ máy quản lý trị và bộ máy quản lý của tổ chức đăng ký niêm yết

Cơ cấu bộ máy quản lý nội bộ của Công ty được mô tả qua sơ đồ dưới đây:

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

Hình 4: Cơ cấu Bộ máy Quản lý



Nguồn: VVS

4.1 Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

ĐHCĐ quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. ĐHCĐ có các quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán của Công ty;
- Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp.
- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- Quyết định tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị;
- Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Công ty;

- Quyết định giải thể Công ty;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc các Cổ đông của Công ty;
- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định việc Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Quyết định việc Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch như được quy định tại khoản 3 Điều 41 của Điều lệ;
- Quyết định việc Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền;
- Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; và
- Quyết định các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ Công ty.

4.2 Hội đồng Quản trị (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định bởi pháp luật, Điều Lệ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ. Cụ thể, HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người quản lý đó;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền trình Đại Hội đồng Cổ đông quyết định;
- Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác hoặc các công cụ nợ khác;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức tạm ứng cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, tạm ứng cổ tức; quyết định xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty;
- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Cử, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; đề cử người ứng cử các chức danh quản lý trong các công ty đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý trong các công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- Thành lập các Công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp;
- Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm m, điểm o của khoản 1 Điều 14 và khoản 3 Điều 41 của Điều lệ;

- Việc thực hiện các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác của Công ty và việc thực hiện các khoản bồi thường khác của Công ty với mức giá trị bằng hoặc cao hơn mức giá trị như nêu tại điểm n khoản 2 Điều 27 Điều lệ;
- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị từ 01% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 41 của Điều lệ;
- Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam;
- Việc Công ty mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định giá mua lại cổ phần của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật;
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại Hội đồng Cổ đông;
- Xây dựng quy chế quản trị nội bộ của Công ty trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua; và
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Hội đồng quản trị bầu một thành viên làm Chủ tịch.

Bảng 1: Danh sách Hội đồng Quản trị của Công ty

1	Ông Nguyễn Vũ Trụ	Chủ tịch HĐQT điều hành
2	Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Phó Chủ tịch HĐQT không điều hành
3	Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Bà Hoàng Thị Vân	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Ông Chu Quang Huy	Thành viên độc lập HĐQT

Nguồn: VVS

4.3 Ủy ban kiểm toán (UBKT)

Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định.

Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông.
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty.

- Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng Quản trị thông qua trước khi trình lên Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt.
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.
- Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
- Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.
- Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.
- Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
- Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
- Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ.
- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Số lượng Ủy ban kiểm toán là 02 người. Nhiệm kỳ của Kiểm toán viên là 05 năm; Kiểm toán viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Bảng 2: Danh sách Ủy ban kiểm toán của Công ty

1	Ông Chu Quang Huy	Chủ tịch UBKT
2	Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên UBKT

Nguồn: VVS

4.4 Giám đốc và Kế toán trưởng

Công ty gồm có 01 Giám Đốc, và 01 Kế toán trưởng. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc.

✓ **Giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau:**

- Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị, Đại Hội đồng Cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, (trừ việc ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh công ty phải được sự ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật Công ty) tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (trừ những người lao động thuộc thẩm quyền bổ nhiệm

- của Hội đồng quản trị);
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - Xây dựng kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, báo cáo Hội đồng quản trị xem xét trình Đại hội đồng cổ đông thông qua làm cơ sở thực hiện;
 - Kiến nghị số lượng và các chức danh Phó Giám đốc mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với các chức danh này để Hội đồng quản trị quyết định;
 - Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; và
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, các quy chế của Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị
- ✓ **Kế toán trưởng có những quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:**
- Yêu cầu các đơn vị cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu kế toán để đảm bảo công tác ghi chép chính xác. Ký duyệt, xác nhận các chứng từ, báo cáo tài chính, đảm bảo tính hợp pháp và hợp lệ của thông tin kế toán.
 - Tổ chức, quản lý hệ thống kế toán trong đơn vị, phân công và hướng dẫn nghiệp vụ cho nhân sự kế toán.
 - Kiểm tra, giám sát việc hạch toán, ghi sổ kế toán đúng quy định pháp luật, tránh sai sót và gian lận.
 - Lập, trình báo cáo tài chính đúng thời hạn, phản ánh trung thực tình hình tài chính và kết quả kinh doanh.

Bảng 3: Danh sách Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

1	Ông Kiều Anh Đào	Giám đốc
2	Bà Nguyễn Thị Tâm	Kế toán trưởng

Nguồn: VVS

4.5 Chức năng và nhiệm vụ của các phòng/ban

- ✓ **Khởi kinh doanh**
- **Phòng Kinh doanh**
 - Xây dựng chi tiết các chính sách bán hàng và thiết lập kế hoạch bán hàng.
 - Xây dựng và phát triển nguồn khách hàng mới và duy trì khách hàng cũ.
 - Lập phương án kinh doanh, phân tích đơn hàng.
 - Theo dõi và đánh giá hiệu quả kinh doanh.
 - **Phòng Kinh doanh Online**
 - Tổ chức xây dựng và triển khai hoạt động bán hàng (xe, phụ tùng, dịch vụ) trên kênh online theo mục tiêu do ban lãnh đạo giao
 - Quản trị quan hệ khách hàng trên các nền tảng được giao
 - Triển khai hoạt động kinh doanh sản phẩm dịch vụ của công ty trên các nền tảng online
 - Theo dõi, đánh giá, đề xuất các giải pháp, chiến dịch kinh doanh hiệu quả.

✓ **Khối Marketing**

- **Phòng Marketing**

- Nghiên cứu thị trường và thu thập thông tin.
- Đưa ra dự báo nhu cầu của khách hàng.
- Xây dựng và triển khai chiến lược marketing.

- **Phòng Truyền thông**

- Quản trị hệ thống thương hiệu hệ thống
- Thiết lập, định vị, quảng bá, giám sát hệ thống thương hiệu, nhãn hiệu, hình ảnh
- Tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông theo mục tiêu mà BLĐ công ty giao
- Chủ trì xây dựng các chiến lược, kế hoạch chương trình hằng năm về truyền thông.
- Thực hiện công tác thông tin các hoạt động của Công ty trong nội bộ và ra công chúng.

- **Ban R&D**

- Tổ chức và triển khai nghiên cứu phát triển, cải tiến sản phẩm mới, dịch vụ mới
- Nghiên cứu xu hướng sử dụng sản phẩm dịch vụ
- Cải tiến phát triển sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu và thị hiếu khách hàng tương lai

- **Bộ phận chăm sóc khách hàng**

- Đo lường, nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm dịch vụ của công ty
- Xây dựng chiến lược, chính sách, chương trình, kịch bản chăm sóc khách hàng áp dụng trong hệ thống
- Thực hiện hoạt động chăm sóc khách hàng trước bán, trong bán và sau bán, xử lý hoạt động khiếu nại phát sinh.

✓ **Khối dịch vụ**

- **Phòng Dịch vụ**

- Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ, phụ tùng
- Xây dựng chi tiết các chính sách bán hàng và thiết lập kế hoạch bán hàng cho từng giai đoạn
- Xây dựng và phát triển nguồn khách hàng, quản trị dữ liệu khách hàng
- Mở rộng hệ thống khách hàng mới
- Lập phương án kinh doanh, phân tích, tính giá thành sản phẩm, giá bán sản phẩm theo từng mặt hàng mảng phụ trách
- Theo dõi và đánh giá hiệu quả kinh doanh phụ tùng, dịch vụ nhằm đưa ra cách thức cải tiến phù hợp và đảm bảo tối ưu chi phí.

- **Phòng Kỹ thuật**

- Quản lý kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất, vận hành.
- Sửa chữa, nghiên cứu khoa học, công nghệ và an toàn môi trường sản xuất.

- Xây dựng chi tiết các chính sách, tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật.
- Thiếp lập kế hoạch hoạt động của phòng kỹ thuật và chi nhánh.
- ✓ **Khởi công nghệ**
- **Phòng Dữ liệu**
 - Quản trị dữ liệu, nghiên cứu thiết kế hệ thống lưu trữ
 - Kết nối dữ liệu phục vụ việc khai thác sử dụng dữ liệu
 - Xây dựng và quản lý trung tâm dữ liệu, kết nối lưu trữ và bảo mật dữ liệu của hệ thống.
- **Phòng Giải pháp công nghệ**
 - Quản trị giải pháp công nghệ, Quản lý hệ thống ứng dụng công nghệ
 - Xây dựng, phát triển, vận hành hệ thống ứng dụng giải pháp công nghệ thông tin
- **Phòng Hạ tầng công nghệ thông tin**
 - Quản trị hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin
 - Thiết kế, xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng công nghệ, xây dựng chính sách an toàn an ninh thông tin
 - Triển khai bảo mật dữ liệu, an toàn thông tin.
- ✓ **Khởi cung ứng**
- **Phòng Mua hàng**
 - Tổ chức và triển khai hoạt động mua hàng trong và ngoài nước đảm bảo nguồn cung hàng hoá cho hệ thống
 - Quản lý dịch vụ thuê ngoài đảm bảo đồng bộ và hiệu quả trên toàn hệ thống
 - Quản trị nhà cung cấp và quản lý mối quan hệ đối tác trên hệ thống
 - Xây dựng chính sách, tiêu chuẩn quản trị và phát triển nhà cung cấp trong và ngoài nước
 - Chịu trách nhiệm bảo hành hàng hóa với nhà cung cấp.
 - Nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước
 - Thực hiện các nghiệp vụ mua hàng hóa xe, phụ tùng, hàng hóa, dịch vụ, máy móc trang thiết bị
- **Phòng Xuất nhập khẩu**
 - Quản trị hoạt động xuất/ nhập khẩu hàng hoá, phụ tùng, quản lý hoạt động tạm nhập tái xuất, thông quan hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn nghiệp vụ
 - Hoàn tất các thủ tục và chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa
 - Kết hợp thực hiện các hoạt động mở L/C, làm các bảo lãnh ngân hàng
 - Tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu, hồ sơ hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu với số lượng thực tế tại cửa khẩu trong quá trình làm hồ sơ thông quan hàng hóa
 - Quản lý, theo dõi các đơn hàng, hợp đồng
 - Phối hợp với các bộ phận có liên quan để đảm bảo đúng tiến độ giao hàng cũng như nhận hàng

- **Phòng Sản xuất lắp ráp, đăng kiểm**

- Tổ chức triển khai hoạt động đăng kiểm, thử nghiệm, hoàn cải, cải tạo và lĩnh vực Sản xuất lắp ráp sản phẩm theo tiêu chuẩn hiện hành
- Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật hiện hành
- Thực hiện các nghiệp vụ đăng kiểm, thử nghiệm sản phẩm xe, phụ tùng trên toàn công ty
- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động cải tạo, hoàn cải sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng

- **Phòng Kho vận**

- Quản trị hệ thống kho (xe, vật tư phụ tùng)
- Tổ chức hệ thống kho, quản lý, điều phối và xây dựng định mức kho nhằm tối ưu hoá hoạt động kho vận
- Xây dựng tiêu chuẩn định mức xuất, nhập tồn hàng hóa và tiêu chuẩn hàng hóa tại kho bãi
- Kiểm soát hoạt động xuất nhập hàng hóa trong hệ thống kho toàn công ty
- Thực hiện luân chuyển, vận chuyển, điều phối hàng hóa trong hệ thống kho toàn hệ thống

✓ **Khối nội chính**

- **Phòng Nhân sự**

- Quản trị nguồn nhân lực, xây dựng và triển khai chiến lược nhân sự
- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình nhân sự
- Quản trị ngân sách, định biên nhân sự cho toàn hệ thống

- Thực hiện các hoạt động tuyển dụng, chế độ tiền lương và phúc lợi, phát triển nhân tài và xử lý quan hệ lao động trong công ty

- **Phòng Đào tạo**

- Tổ chức quản trị tri thức doanh nghiệp, xây dựng quy chế, chính sách, quy trình, chương trình lộ trình đào tạo trên hệ thống
- Phát triển hoạt động tự học, xây dựng hệ thống giảng viên nội bộ cho công ty
- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình đào tạo và xác định nhu cầu đào tạo
- Thực hiện quản lý hoạt động đào tạo phát triển và đánh giá kết quả đào tạo của hệ thống nhân sự trong toàn công ty

- **Phòng Hành chính**

- Tổ chức và triển khai hoạt động hành chính quản trị trên hệ thống, cung cấp dịch vụ hành chính, quản lý quan hệ đối ngoại hành chính
- Thực hiện dịch vụ hậu cần, lễ tân, văn thư, lưu trữ, đưa đón CBNV, tạp vụ, bảo trì, bảo vệ, thủ tục hành chính
- Mua sắm và quản lý trang thiết bị, dụng cụ văn phòng, đồng phục, thiết bị IT
- Quản lý cơ sở vật chất văn phòng (đầu tư mới, duy trì, bảo dưỡng)

- Quản trị quan hệ đối ngoại hành chính, tổ chức sự kiện, hội thảo, hội nghị, công tác xã hội, văn nghệ, thể dục thể thao toàn Công ty

Ban Pháp chế

- Tổ chức xây dựng, điều chỉnh các chính sách, quy trình quy chế, quy định
- Quản lý hệ thống tri thức pháp luật của công ty
- Tư vấn và hỗ trợ pháp luật, đại diện pháp lý theo yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty
- Xây dựng, triển khai thực hiện, rà soát, đánh giá, đề xuất điều chỉnh các chính sách, quy định, quy trình

- Vận hành mảng pháp lý, quản lý hệ thống quyền sở hữu trí tuệ của công ty

✓ **Phòng Tài chính – Đầu tư**

- Chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn tài chính hiệu quả.
- Kiểm soát nguồn tài chính cần thiết.
- Dự trù ngân sách và đưa ra dự báo tài chính.
- Quản lý tất cả các dòng tiền, tài sản hiện có.
- Phân tích và đưa ra các lựa chọn các khoản đầu tư mới.

✓ **Phòng Kế toán**

- Tổ chức xây dựng và vận hành chính sách, quy trình hoạt động về chế độ kế toán
- Ghi chép, tính toán, phản ánh số hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn; quá trình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng vốn.
- Cung cấp số liệu báo cáo cho các cơ quan hữu quan theo chế độ báo cáo tài chính, kế toán hiệu hành.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho Giám đốc.

✓ **Phòng Quản lý chất lượng**

- Xây dựng và duy trì hệ thống quy trình, nghiệp vụ nhằm đảm bảo hệ thống chất lượng sản phẩm, dịch vụ
- Đảm bảo hoạt động vận hành của hệ thống theo các tiêu chuẩn tiên tiến về quản lý chất lượng
- Xây dựng và kiểm soát hệ thống các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm hàng hóa và hoạt động vận hành của hệ thống
- Quản lý và kiểm soát ban hành hệ thống văn bản, tài liệu và quản lý hệ thống tiêu chuẩn, nội quy, quy chế của công ty
- Nhận diện và đánh giá rủi ro từ đó xây dựng, giám sát các phương án khắc phục phòng ngừa rủi ro toàn công ty
- Thực hiện phòng chống tham nhũng và chống lãng phí mang phụ trách

✓ **Ban dự án**

- Tổ chức xây dựng quy trình, tiêu chuẩn, phương pháp, hệ thống đánh giá hiệu quả, triển khai, giám sát thực hiện các dự án của công ty.
- Xây dựng và kiểm soát hệ thống các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả của các dự án đầu

tư, dự án phục vụ hoạt động quản lý vận hành của hệ thống. Quản lý, ban hành hệ thống quy trình, phương pháp triển khai, đánh giá dự án, phương pháp kiểm soát tiến độ chất lượng dự án; nhận diện và đánh giá rủi ro của dự án, từ đó xây dựng, giám sát thực hiện các phương án khắc phục phòng ngừa rủi ro các dự án.

✓ **Ban chuyên gia**

- Tổ chức xây dựng hệ thống từ điển và tiêu chuẩn năng lực của các chuyên gia, xây dựng quy trình làm việc, cơ chế phối hợp, phát triển đội ngũ chuyên gia nội bộ của công ty.
- Triển khai xây dựng hệ thống từ điển, tiêu chuẩn năng lực, xây dựng quy trình đánh giá năng lực, phát triển đội ngũ chuyên gia. Đề xuất cơ chế, chính sách, cơ chế phối hợp nâng cao tính chủ động, hiệu quả làm việc, tăng khả năng sáng tạo của các chuyên gia.

Hệ thống các chi nhánh

- Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc Công ty, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty theo phân quyền trên địa bàn (tỉnh/vùng địa lý) được phân công
- Chi nhánh có nhiệm vụ lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại địa bàn được phân công
- Xây dựng đội ngũ nhân sự và tổ chức phân công công việc
- Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện công việc của nhân viên tại chi nhánh nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh tại chi nhánh đạt mục tiêu.

5 Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.

5.1 Danh sách những công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

5.2 Danh sách những công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Trong 2 năm 2023 và 2024 Công ty không sở hữu công ty con và không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với bất kỳ công ty nào.

Ngày 29/09/2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam thông quan nghị quyết Hội đồng quản trị số 18A/2025/QĐ-HĐQT-VIMID thông qua việc thành lập công ty con với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất ô tô và xe có động cơ khác. Ngày 15/10/2025, Công ty TNHH Một thành viên Ô tô VMASS được thành lập với số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 0202317955, do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp.

Công ty sở hữu 1 công ty con với thông tin chi tiết như sau:

Tên công ty	Công ty TNHH Một thành viên Ô tô VMASS
Ngày thành lập	15/10/2025
Địa chỉ trụ sở chính	Lô CN26-01 Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Số giấy CN ĐKDN	0202317955
Đại diện theo pháp luật	Ông Kiều Anh Đào
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác. Mã ngành (2910)
Vốn điều lệ đăng ký	50.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	50.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu, biểu quyết của VVS tại công ty con	100%
Tỷ lệ sở hữu, biểu quyết của công ty con tại VVS	0%

6 Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của tổ chức đăng ký niêm yết

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu của Công ty tại ngày 05/03/2010 là: 1.800.000.000 (Bằng chữ: Một tỷ tám trăm triệu đồng). Qua 6 lần tăng vốn điều lệ kể từ ngày thành lập Công ty, đến nay vốn điều lệ của Công ty là: 215.250.000.000 (Bằng chữ: Hai trăm mười lăm tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể:

Đợt	Thời điểm	VDL trước khi tăng (tr. đồng)	Giá trị tăng (triệu đồng)	VDL sau khi tăng (triệu đồng)	Căn cứ pháp lý
0	05/03/2010	0	1.800	1.800	Góp vốn thành lập Công ty cổ phần: - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100 cấp lần đầu ngày 05/3/2010.
1	29/09/2011	1.800	8.200	10.000	- Biên bản ĐHĐCĐ số 04/2011/BB-MVN về việc tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ của Công ty; - Quyết định ĐHĐCĐ số 04/2011/QĐ-MVN ngày 29/9/2011 thông qua việc tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ của Công ty; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/10/2011;
2	20/09/2013	10.000	10.000	20.000	- Biên bản ĐHĐCĐ số 09/2013/BB-MVN ngày 11/9/2013 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam; - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 10/2013/QĐ-MVN ngày 11/09/2013 thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20/9/2013;

Đợt	Thời điểm	VĐL trước khi tăng (tr. đồng)	Giá trị tăng (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng (triệu đồng)	Căn cứ pháp lý
3	31/12/2015	20.000	80.000	100.000	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản ĐHĐCĐ số 10/2015/BB-MVN ngày 24/12/2015 thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Quyết định ĐHĐCĐ số 10/2015/QĐ-MVN ngày 24/12/2015 thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Quyết định ĐHĐCĐ số 10B/2015/QĐ-MVN ngày 31/12/2015 thông qua việc gia hạn thời gian góp vốn cho cổ đông; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 31/12/2015.
4	08/03/2021	100.000	100.000	200.000	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2021/BB-ĐHĐCĐ-MVN ngày 07/02/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ Công ty thông qua chào bán cho cổ đông hiện hữu; - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-MVN ngày 07/2/2021 về việc tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam thông qua chào bán cho các cổ đông hiện hữu; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23/3/2021;
5	18/06/2021	200.000	5.000	205.000	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/BB-ĐHĐCĐTN-MVN ngày 29/05/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phần cho cán bộ nhân viên theo danh sách được Đại hội đồng cổ đông thông qua; - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐTN-MVN ngày 29/5/2021 thông qua chào bán cổ phần cho cán bộ nhân viên theo danh sách được đại hội đồng cổ đông thông qua;

Đợt	Thời điểm	VĐL trước khi tăng (tr. đồng)	Giá trị tăng (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng (triệu đồng)	Căn cứ pháp lý
					- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 30/6/2021.
6	03/11/2023	205.000	10.250	215.250	- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/BB-ĐHĐCĐTN-MVN ngày 22/04/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phần cho cán bộ nhân viên theo danh sách được Đại hội đồng cổ đông thông qua; - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐTN-MVN ngày 22/04/2023 thông qua chào bán cổ phần cho cán bộ nhân viên theo danh sách được Đại hội đồng cổ đông thông qua; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 21/11/2023

Chi tiết các đợt tăng vốn:**a) Đợt 1: Phát hành tăng vốn từ 1,8 tỷ đồng lên 10 tỷ đồng**

- Hình thức tăng vốn: Tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
- Kết quả đợt tăng vốn:
 - + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông.
 - + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/01 cổ phần.
 - + Số lượng cổ phần phát hành: 820.000 cổ phần.
 - + Giá phát hành: 10.000 đồng/01 cổ phần.
 - + Tổng mệnh giá phát hành: 8.200.000.000 đồng.
 - + Tổng giá trị phát hành: 8.200.000.000 đồng.
 - + Tổng số cổ đông mua cổ phần chào bán: 05 nhà đầu tư.
 - + Vốn điều lệ Công ty đã đăng ký: 1.800.000.000 đồng.
 - + Tổng số vốn điều lệ Công ty sau khi đăng ký thêm là: 10.000.000.000 đồng.
 - + Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn kinh doanh của công ty.
 - + Tình hình sử dụng vốn: Đã sử dụng toàn bộ nguồn vốn huy động bổ sung cho nguồn vốn lưu động của công ty để đặt hàng, thanh toán cho nhà cung cấp và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác.

b) Đợt 2: Phát hành tăng vốn từ 10 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng

- Hình thức tăng vốn: Tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

- Kết quả đợt tăng vốn:
- + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông.
- + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/01 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần phát hành: 1.000.000 cổ phần.
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/01 cổ phần.
- + Tổng mệnh giá phát hành: 10.000.000.000 đồng.
- + Tổng giá trị phát hành: 10.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ đông mua cổ phần chào bán: 05 nhà đầu tư.
- + Vốn điều lệ Công ty đã đăng ký: 10.000.000.000 đồng.
- + Tổng số vốn điều lệ Công ty sau khi đăng ký thêm là: 20.000.000.000 đồng.
- + Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn kinh doanh của công ty.
- + Tình hình sử dụng vốn: Đã sử dụng toàn bộ nguồn vốn huy động bổ sung cho nguồn vốn lưu động của công ty để đặt hàng, thanh toán cho nhà cung cấp và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác.

c) Đợt 3: Phát hành tăng vốn từ 20 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng

- Hình thức tăng vốn: Tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
- Kết quả đợt tăng vốn:
- + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông.
- + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/01 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần phát hành: 8.000.000 cổ phần.
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/01 cổ phần.
- + Tổng mệnh giá phát hành: 80.000.000.000 đồng.
- + Tổng giá trị phát hành: 80.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ đông mua cổ phần chào bán: 05 nhà đầu tư.
- + Vốn điều lệ Công ty đã đăng ký: 20.000.000.000 đồng.
- + Tổng số vốn điều lệ Công ty sau khi đăng ký thêm là: 100.000.000.000 đồng.
- + Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn kinh doanh của công ty.
- + Tình hình sử dụng vốn: Đã sử dụng toàn bộ nguồn vốn huy động bổ sung cho nguồn vốn lưu động của công ty để đặt hàng, thanh toán cho nhà cung cấp và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác.

d) Đợt 4: Phát hành tăng vốn từ 100 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng

- Hình thức tăng vốn: Tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
- Kết quả đợt tăng vốn:
- + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông.
- + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/01 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần phát hành: 10.000.000 cổ phần.
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/01 cổ phần.
- + Tổng mệnh giá phát hành: 100.000.000.000 đồng.
- + Tổng giá trị phát hành: 100.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ đông mua cổ phần chào bán: 05 nhà đầu tư.
- + Vốn điều lệ Công ty đã đăng ký: 100.000.000.000 đồng.
- + Tổng số vốn điều lệ Công ty sau khi đăng ký thêm là: 200.000.000.000 đồng.
- + Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn kinh doanh của công ty.
- + Tình hình sử dụng vốn: Đã sử dụng toàn bộ nguồn vốn huy động bổ sung cho nguồn vốn lưu động của công ty để đặt hàng, thanh toán cho nhà cung cấp và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác.

e) Đợt 5: Phát hành tăng vốn từ 200 tỷ đồng lên 205 tỷ đồng

- Hình thức tăng vốn: Tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên.
- Kết quả đợt tăng vốn:
 - + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông.
 - + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/01 cổ phần.
 - + Số lượng cổ phần phát hành: 500.000 cổ phần.
 - + Giá phát hành: 10.500 đồng/01 cổ phần.
 - + Tổng mệnh giá phát hành: 5.000.000.000 đồng.
 - + Tổng giá trị phát hành: 5.250.000.000 đồng (trong đó: Thặng dư vốn cổ phần: 250.000.000 đồng).
 - + Vốn điều lệ Công ty đã đăng ký: 200.000.000.000 đồng.
 - + Tổng số vốn điều lệ Công ty sau khi đăng ký thêm là: 205.000.000.000 đồng.
- + Mục đích chào bán: Tạo sự gắn bó giữa các cán bộ nhân viên và Công ty; khuyến khích các cán bộ nhân viên của Công ty tiếp tục làm việc, cống hiến lâu dài cho Công ty.
- + Mục đích sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ việc chào bán cổ phần cho CBNV (gồm cả thặng dư nếu có) Công ty dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh.
- + Tình hình sử dụng vốn: Đã sử dụng toàn bộ nguồn vốn huy động bổ sung cho nguồn vốn lưu động của công ty để đặt hàng, thanh toán cho nhà cung cấp và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác.

f) Đợt 6: Phát hành tăng vốn từ 205 tỷ đồng lên 215,25 tỷ đồng

- Hình thức tăng vốn: Tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên (ESOP).
- Kết quả đợt tăng vốn:
 - + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông.
 - + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/01 cổ phần.
 - + Số lượng cổ phần phát hành: 1.025.000 cổ phần.
 - + Giá phát hành: 14.000 đồng/01 cổ phần.
 - + Tổng mệnh giá phát hành: 10.250.000.000 đồng.
 - + Tổng giá trị phát hành: 14.350.000.000 đồng (trong đó: Thặng dư vốn cổ phần: 4.100.000.000 đồng).
 - + Vốn điều lệ Công ty đã đăng ký: 205.000.000.000 đồng.
 - + Tổng số vốn điều lệ Công ty sau khi đăng ký thêm là: 215.250.000.000 đồng.
- + Mục đích chào bán: Tạo sự gắn bó giữa các cán bộ nhân viên và Công ty; khuyến khích các cán bộ nhân viên của Công ty tiếp tục làm việc, cống hiến lâu dài cho Công ty.
- + Mục đích sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ việc chào bán cổ phần cho CBNV (gồm cả thặng dư nếu có) Công ty dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh.
- + Tình hình sử dụng vốn: Đã sử dụng toàn bộ nguồn vốn huy động bổ sung cho nguồn vốn lưu động của công ty để đặt hàng, thanh toán cho nhà cung cấp và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác.

7 Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác

Trong vòng 2 năm liên tục trước năm đăng ký chào bán (năm 2023, năm 2024) và đến thời điểm ký bản cáo bạch, VVS không thực hiện bất cứ khoản góp vốn, thoái vốn lớn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của tổ chức đăng ký niêm yết tại thời điểm thực hiện

8 Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1 Cổ phiếu phổ thông

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại ngày 21/08/2025

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Trong nước	393	21.522.700	99,989%
1.1	Tổ chức	02	1.850.000	8,594%
1.2	Cá nhân	391	19.672.700	91,395%
2	Nước ngoài	3	2.300	0,011%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	1	1.500	0,007%
2.2	Cá nhân	2	800	0,004%
	Tổng cộng	396	21.525.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông VVS tại ngày 21/08/2025 do VSDC cung cấp

8.2 Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3 Các loại chứng khoán khác

Không có

9 Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VVS theo Công văn số 3359/UBCK-PTTT của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, ngày 06/06/2023 là 49%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty: không có
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tại ngày 21/08/2025 là: 0,011%.

Công ty cam kết tuân thủ đúng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa sau khi được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh

10 Hoạt động kinh doanh

10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam được thành lập với mong muốn cung cấp các phương tiện vận tải đến các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có các nhu cầu vận tải hàng hóa. Là đơn vị nhập khẩu các loại xe tải, xe chuyên dụng cung cấp đến tận tay khách hàng với mong muốn mang đến cho khách hàng các sản phẩm chất lượng, giá cả tốt nhất đi cùng với dịch vụ chăm sóc khách hàng tận tâm cùng với dịch vụ bảo hành chuyên nghiệp, thay thế phụ tùng chính hãng...

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Nhập khẩu, phân phối, kinh doanh xe tải hạng trung, hạng nặng, các sản phẩm sợi mì - rơ moóc và xe chuyên dụng;
- Kinh doanh trạm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp phụ tùng; Nhận bảo dưỡng sửa chữa tận chân công trình, tại nhà khách hàng, với mục đích tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho khách hàng;

- Các dịch vụ hỗ trợ khác: Hỗ trợ kết nối khách hàng với các đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính; cung cấp dịch vụ hỗ trợ đăng ký – đăng kiểm và bán bảo hiểm xe cơ giới.

10.1.1 Sản phẩm, dịch vụ chính

a) Lĩnh vực nhập khẩu, phân phối, kinh doanh xe tải hạng trung, hạng nặng, các sản phẩm sơ mi – rơ moóc và xe chuyên dụng:

Các sản phẩm của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam rất đa dạng về mẫu mã, tải trọng, nhưng chủ yếu công ty tập trung vào các dòng xe tải hạng trung, hạng nặng và các xe chuyên dụng được nhập khẩu nguyên chiếc từ Trung Quốc. Ngoài ra Công ty cũng cung cấp các sản phẩm Sơ mi – Rơ moóc nhằm phục vụ tối đa nhu cầu của khách hàng.

Công ty là đại diện chính thức của SINOTRUK (Trung Quốc) về việc phân phối các dòng xe tải hạng trung, hạng nặng, các sản phẩm sơ mi – rơ moóc và xe chuyên dụng và dịch vụ bảo hành sản phẩm của SINOTRUK HOWO tại Việt Nam.

Các dòng xe công ty phân phối tại Việt Nam được công ty nhập khẩu trực tiếp (không qua các đơn vị nhập khẩu trung gian) qua đường bộ từ thị trường Trung Quốc qua Cửa khẩu Hữu Nghị, Cửa khẩu Chi Ma (Lạng Sơn), Cửa khẩu Hà Khẩu (Lào Cai) và Cửa khẩu Tà Lùng (Cao Bằng). Sau khi xe nhập khẩu về Việt Nam, Công ty thực hiện phân phối và kinh doanh thông qua hệ thống các chi nhánh, chuỗi trạm bảo hành sửa chữa do chính Công ty thành lập trải dài trên toàn quốc. Ngoài ra, Công ty cũng đang thiết lập quan hệ với một số đại lý bán lẻ xe ô tô tải hạng trung – hạng nặng, xe chuyên dụng để mở rộng thêm kênh phân phối.

Các sản phẩm xe tải và xe chuyên dụng của Công ty bao gồm:

- **Xe tải tự đổ:** Được sử dụng để vận chuyển vật liệu xây dựng (như cát, sỏi, đất, đá, khoáng sản....) dùng trong xây dựng hoặc trong các công trường, mỏ khai thác khoáng sản...
- **Xe đầu kéo:** Là sản phẩm được sử dụng để kéo Sơ mi rơ moóc vận chuyển đa dạng nhiều loại hàng hóa như nông sản, lâm sản, vật liệu xây dựng, container, hàng đông lạnh, nhiên liệu, hàng tiêu dùng, điện tử....
- **Xe tải thùng:** Cung cấp cho các đơn vị vận tải đường bộ, các doanh nghiệp có nhu cầu chuyên chở hàng hóa bao gồm đa dạng các loại như xe tải thùng khung mui, xe tải thùng kín, xe tải thùng lửng, xe tải thùng đông lạnh...
- **Xe chuyên dụng:** là loại xe tải được thiết kế hoặc cải tạo đặc biệt để thực hiện một chức năng chuyên biệt, khác với xe tải thông thường chỉ dùng để chở hàng, thường được lắp thêm thiết bị, cấu kiện chuyên dùng theo yêu cầu của từng lĩnh vực công việc cụ thể ví dụ như xe chở máy công trình, xe gắn cầu tự hành, xe gắn bồn (Téc) chở chất lỏng /nhiên liệu/ khí, hóa chất, xe chở/ép rác, xe hút bùn/chất thải....
- **Xe trộn bê tông:** là loại xe tải chuyên dụng, được thiết kế để vận chuyển và trộn bê tông tươi (bê tông trộn sẵn) đến công trình xây dựng.
- **Sơ mi – Rơ moóc (SMRM):** Là một loại rơ moóc không có động cơ, được thiết kế để kéo bởi xe đầu kéo, dùng để chở hàng hóa với khối lượng, trọng lượng vận tải lớn. Xe SMRM đa dạng gồm các loại: SMRM tải tự đổ, SMRM khung mui, SMRM sàn, SMRM chở container, SMRM chuyên dụng....



Xe Tải tự đổ



Xe đầu kéo



Xe tải thùng



Xe chuyên dụng



Xe trộn bê tông



Sơ mi – Rơ moóc

b) Kinh doanh trạm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp phụ tùng:

Công ty kinh doanh trạm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa với tiêu chuẩn 3S trên phạm vi toàn quốc, với độ phủ 1 trạm 3S trên mỗi 150km. Chuỗi trạm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng được thành lập tại ngay tại các chi nhánh của Công ty để tối ưu hóa việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng, hoàn thiện đồng bộ từ khâu bán hàng cho đến Customer Services (chăm sóc khách hàng). Tính đến hết ngày 30/06/2025, Công ty đã có hệ thống bao gồm 16 trạm trên toàn quốc.

Trạm dịch vụ VIMID được xây dựng theo tiêu chuẩn 3S: từ quy trình bán hàng (Sales) đến dịch vụ bảo hành, sửa chữa, chăm sóc khách hàng (Service) và dịch vụ cung cấp phụ tùng chính hãng (Spare Part) của SINOTRUK.

- Quy trình bán hàng: Chuyên nghiệp, tận tâm và nhiệt tình từ đội ngũ nhân viên sẽ mang đến cho khách hàng niềm tin tuyệt đối về chất lượng sản phẩm xe cũng như phụ tùng chính hãng của SINOTRUK.
- Dịch vụ bảo hành, sửa chữa: theo quy mô bài bản, dịch vụ chất lượng chuyên nghiệp mang lại sự an tâm về hiệu quả và kinh tế cho khách hàng. Gia công cơ khí, cải tạo, hoàn cải và lắp ráp xe tải, xe chuyên dụng.
- Phụ tùng chính hãng nhập khẩu của SINOTRUK được cung cấp đồng thời cùng với dịch vụ bảo hành, sửa chữa để đảm bảo vận hành tốt nhất cho các xe khách hàng mua của VIMID trong suốt vòng đời của sản phẩm. Các phụ tùng này luôn đảm bảo sẵn có để đáp ứng nhu cầu sửa chữa, bảo hành cho khách hàng theo đúng cam kết với thời gian nhanh nhất.

Các Sản Phẩm Dịch Vụ Của VIMID:

- Dịch vụ bảo dưỡng xe trước khi xuất xưởng, bảo dưỡng lần đầu.
- Dịch vụ gói bảo dưỡng tùy chọn với từng loại xe.
- Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa tại xưởng.
- Dịch vụ cung cấp phụ tùng chính hãng.
- Dịch vụ gia hạn thời gian bảo hành xe.
- Dịch vụ sửa chữa lưu động tại chân công trình.
- Dịch vụ cứu hộ cho xe gặp sự cố trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- Dịch vụ đại tu, trung tu xe tải cũ.

c) Các dịch vụ hỗ trợ:

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, sửa chữa, bảo dưỡng,... VIMID còn cung cấp dịch vụ hỗ trợ kết nối với các đơn vị dịch vụ tài chính; bán bảo hiểm xe cơ giới cho các khách hàng khi mua xe và các sản phẩm dịch vụ của Công ty như:

- VIMID đã ký các thỏa thuận hợp tác phát triển các sản phẩm tài chính để cung cấp dịch vụ cho các khách hàng mua xe với Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (Vpbank); Công ty Cho thuê tài chính BSL (BIDV – SumiTrust) và Công ty Cho thuê tài chính Chaillease.
- VIMID cũng hợp tác xây dựng và phát triển các sản phẩm bảo hiểm với Công ty cổ phần Bảo hiểm bưu điện (PTI) và Tổng CTCP Bảo hiểm Quân đội (MIC), hợp tác với các đơn vị bảo hiểm như Tổng Công ty Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (BSH) hướng đến nhóm khách hàng mua xe tải hạng trung và hạng nặng, hỗ trợ các triển khai thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khách hàng liên quan đến đăng ký, đăng kiểm xe.

10.1.2 Quy trình sản xuất kinh doanh

Quy trình hoạt động kinh doanh của Công ty trong việc nhập hàng hóa, thanh toán cho nhà cung cấp, bán hàng và việc thanh toán giao dịch với ngân hàng

Quy trình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam được triển khai theo chuỗi khép kín từ khâu đặt hàng, nhập khẩu, thanh toán cho nhà cung cấp, phân phối, bán hàng cho đến thanh toán và giao dịch với ngân hàng.

Trước hết, Công ty ghi nhận các đơn hàng của khách hàng có nhu cầu mua xe theo hợp đồng có điều khoản đặt cọc. Căn cứ theo (i) số lượng hàng hoá được đặt cọc của các khách hàng có nhu cầu thực tế, (ii) kết hợp với dự báo, điều nghiên nội bộ về nhu cầu và dung lượng thị trường cho từng dòng xe trong năm, Công ty tiến hành việc ký hợp đồng và đặt cọc cho nhà cung cấp với chu kỳ nhập hàng theo tháng. Nhà cung cấp căn cứ đơn hàng để sản xuất.

Khi hàng hoá được nhà cung cấp đưa tới cửa khẩu, Công ty trực tiếp nhập khẩu xe tải hạng trung,

hạng nặng, sơ mi – rơ moóc và xe chuyên dụng mới 100% nguyên chiếc từ Trung Quốc qua các cửa khẩu đường bộ, không thông qua trung gian. Quá trình nhập khẩu thường gắn liền với các hợp đồng ngoại thương có giá trị lớn, chủ yếu thông phương thức thanh toán quốc tế mở L/C.

Sau khi xe về đến Việt Nam, Công ty tiến hành phân phối thông qua hệ thống chi nhánh, chuỗi trạm dịch vụ 3S cũng như một số đại lý bán lẻ trên toàn quốc. Khách hàng chủ yếu là doanh nghiệp vận tải, xây dựng, khai khoáng hoặc cá nhân có nhu cầu, với các hình thức thanh toán linh hoạt: trả ngay, mua qua công ty cho thuê tài chính hoặc vay vốn ngân hàng mà Công ty hỗ trợ kết nối. Điều này giúp mở rộng tập khách hàng và thúc đẩy doanh số.

Đối với khách hàng trả ngay, Công ty chỉ giao xe khi khách hàng thanh toán 100% tiền hàng.

Đối với chu kỳ thu hồi vốn đối với trường hợp khách hàng vay qua ngân hàng, thời gian từ khi giao xe cho tới khi nhận được thanh toán toàn bộ (theo thời gian giải ngân của ngân hàng cho khách hàng vay mua xe) thường kéo dài khoảng 20 ngày.

- + Sau khi Công ty thông báo tới khách hàng đã có xe theo yêu cầu, khách hàng cần thanh toán trước phần đối ứng theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nơi khách hàng vay vốn. Sau khi khách hàng nhận được thông báo tín dụng của ngân hàng về việc giải ngân phần còn lại, công ty thực hiện rút hồ sơ xe gửi cho Khách hàng.
- + Sau khi ngân hàng xử lý bộ hồ sơ tín dụng với khách hàng, ngân hàng tiến hành giải ngân vào tài khoản công ty, hoặc tài khoản chi nhánh công ty, thông thường khoảng 15 ngày.

Trong suốt quá trình kinh doanh, ngân hàng giữ vai trò trung tâm khi vừa là đơn vị trung gian thanh toán quốc tế, vừa cung cấp vốn vay ngắn hạn phục vụ nhập khẩu, đồng thời cung cấp tín dụng để hỗ trợ khách hàng vay mua xe. Các khoản thu từ khách hàng sau đó được tập trung về tài khoản ngân hàng, giúp Công ty cân đối dòng tiền, trả nợ vay, bổ sung tài sản (mua trái phiếu hoặc/và mở hợp đồng tiền gửi) làm tài sản đảm bảo thanh toán nghĩa vụ trong tương lai và tiếp tục nhập khẩu lô hàng mới.

Với quy trình cân đối từ việc đặt nhập tới tiêu thụ theo từng tháng phát sinh, Công ty chủ động được việc cân đối dòng tiền, đáp ứng nhu cầu thanh toán nghĩa vụ trong ngắn hạn, kiểm soát rủi ro thanh toán và rủi ro tín dụng một cách triệt để. Trong trường hợp có những bất lợi từ thị trường, từ nguồn vốn tín dụng tài trợ, Công ty hoàn toàn chủ động trong việc tạm dừng, giãn tiến độ nhập hàng để phù hợp với tình hình thực tế. Bên cạnh đó, với quan hệ lâu năm với nhà cung cấp, Công ty được ưu tiên tăng số lượng hàng hoá đặt nhập khi cần thiết vào thời điểm nhu cầu thị trường gia tăng. Đây là mô hình kinh doanh giúp công ty tối ưu chi phí, quản trị rủi ro, được xây dựng trên cơ sở uy tín lâu năm với nhà cung cấp nước ngoài và các ngân hàng thương mại trong nước. Trong suốt 15 năm hoạt động, công ty chưa phát sinh các khoản nợ chậm trả, nợ quá hạn với ngân hàng và nhà cung cấp.

10.1.3 Công nghệ áp dụng

VVS đặc biệt chú trọng tới việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhằm nâng cao công tác quản lý cũng như hiệu quả công việc. Cụ thể, Công ty đã đầu tư hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ cùng một số sản phẩm phần mềm chính như:

- **Hệ thống ERP:** Nền tảng ERP (hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp) được sử dụng làm xương sống cho hoạt động quản trị của VIMID.
- **Hệ thống CRM:** Hệ thống Quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management) do VIMID tự phát triển. Đến nay CRM đã hoàn thành triển khai giai đoạn 1 (đưa vào sử dụng trang web nội bộ CRM) và đang được duy trì, phát triển tiếp giai đoạn 2.
- **Cổng thông tin nội bộ (Intranet):** VIMID Portal Central – một cổng thông tin tập trung phục vụ quản trị, tra cứu và phối hợp công việc nội bộ. Hệ thống Intranet này giúp nhân viên truy cập các thông tin, tài liệu và quy trình nội bộ một cách tập trung
- **Nền tảng Digital Workplace:** Nhằm tăng cường môi trường làm việc số, VIMID đã triển khai

các công cụ công tác và quản trị hiện đại. Tiêu biểu, hệ thống quản trị dự án Jira và kho mã nguồn Bitbucket đã được thiết lập phục vụ quy trình phát triển phần mềm. Bên cạnh đó, công ty cũng triển khai Microsoft Teams cho toàn bộ nhân viên và SharePoint Online cho các khối nghiệp vụ, tích hợp cùng nền tảng Microsoft Viva cho mạng nội bộ. Những công cụ này tạo nên một **Digital Workplace** giúp nâng cao hiệu suất làm việc nhóm và quản lý tri thức nội bộ.

- **Hệ thống Loyalty và trải nghiệm khách hàng:** VIMID đang phát triển nền tảng khách hàng thân thiết (VIMID Loyalty), nhằm cung cấp thông tin sản phẩm cho Khách hàng, thông tin bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa của khách hàng.
- **Nền tảng Thương mại điện tử (E-Commerce):** Đây là hạng mục tiềm năng trong hệ sinh thái VIMID, hiện trạng dự án đang ở giai đoạn khảo sát, phân tích nghiệp vụ.
- **Trung tâm dữ liệu (Data Center):** VIMID phát triển trung tâm dữ liệu đảm nhiệm việc lưu trữ dữ liệu và vận hành hầu hết các hệ thống công nghệ của doanh nghiệp.

Nhìn chung, hệ sinh thái công nghệ của VIMID đã hình thành các mảnh ghép quan trọng như ERP, CRM, Intranet, Digital Workplace, Loyalty,... ở mức độ hoàn thiện của từng hệ thống còn khác nhau. Một số hệ thống đã đi vào vận hành (ERP, CRM, Portal Central), một số đang triển khai (Loyalty, Jira/Bitbucket, CI/CD) và có hệ thống mới ở bước định hướng (E-Commerce, HRM, AI, Agent automiton...)

10.1.4 Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

VVS hoạt động trong lĩnh vực là đại lý, môi giới và bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ tại Việt Nam, các hoạt động kinh doanh mang tính chu kỳ, song hành với sự phát triển kinh tế của cả nước nói chung. Bên cạnh đó, các hoạt động này cũng chịu ảnh hưởng lớn từ chính sách quản lý của nhà nước. Do đó doanh thu của các mảng này sẽ biến động theo sự thay đổi cung cầu thị trường, nền kinh tế nói chung và sự thay đổi chính sách của các cơ quan quản lý.

10.1.5 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

a) Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp

Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp theo các mảng kinh doanh của Công ty gồm:

Đơn vị: Triệu đồng

Hoạt động kinh doanh	Doanh thu thuần				Tỷ trọng doanh thu thuần (%)		
	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm	9T2025	Năm 2023	Năm 2024	9T2025
Doanh thu thuần về bán hàng hoá (*)	2.259.272	3.888.488	72,1%	5.440.266	99,7%	99,9%	99,9%
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	5.760	2.622	(54,5%)	4.038	0,3%	0,1%	0,1%
Tổng	2.265.032	3.891.110	71,8%	5.444.305	100,0%	100,0%	100,0%

Hoạt động kinh doanh	Lợi nhuận gộp				Tỷ trọng lợi nhuận gộp (%)		
	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ (giảm)	9T2025	Năm 2023	Năm 2024	9T2025
Lợi nhuận gộp bán hàng hoá (*)	212.898	280.099	32.4%	336.768	98,0%	99,6%	99,7%

Hoạt động kinh doanh	Lợi nhuận gộp				Tỷ trọng lợi nhuận gộp (%)		
	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ (giảm)	9T2025	Năm 2023	Năm 2024	9T2025
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	4.235	1.214	(71,3%)	1.016	2,0%	0,4%	0,3%
Tổng	217.133	281.313	29,6%	337.784	100,0%	100,0%	100,0%

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC tự lập Quý III/2025

Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp đạt 2.265 tỷ đồng trong năm 2023, tăng mạnh lên 3.891 tỷ đồng trong năm 2024 (tăng khoảng 71,79%), và đạt 5.444 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu của việc tăng doanh thu trong giai đoạn 2024 và 9 tháng đầu năm 2025 đến từ việc nhu cầu vận tải hàng hóa, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng, khai thác khoáng sản, logistics và nông sản tại Việt Nam gia tăng, kéo theo nhu cầu về xe tải hạng trung, hạng nặng và sơ mi-rơ moóc. Đồng thời, Công ty là đại diện uỷ quyền phân phối chính thức của SINOTRUK tại Việt Nam cung cấp các sản phẩm xe ô tô tải, xe đầu kéo, xe tải tự đổ, xe chuyên dụng và phụ tùng chính hãng, nhờ vậy Công ty được khách hàng tin cậy về chất lượng sản phẩm, dịch vụ bảo hành, phụ tùng chính hãng, qua đó củng cố uy tín và gia tăng doanh số bán hàng. Ngoài ra, Công ty đã phát huy được công tác dự báo nhu cầu thị trường đúng đắn từ cuối năm 2023, vì vậy đã tích lũy nguồn lực và tăng số lượng đặt nhập khẩu hàng hoá, đi trước đón đầu nhu cầu thị trường tăng trưởng mạnh trong năm 2024 và nửa đầu năm 2025.

Trong giai đoạn từ năm 2023 đến kết thúc 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần của doanh nghiệp có sự tăng trưởng tích cực, song cơ cấu doanh thu theo hoạt động kinh doanh vẫn giữ được tính ổn định.

- Doanh thu thuần từ bán hàng hóa tiếp tục chiếm tỷ trọng cao, lần lượt đạt 2.259 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 99,69%) vào năm 2023, tăng mạnh lên 3.888 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 99,9%) vào năm 2024, tăng 72,11% so với năm 2023. Trong 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần từ bán hàng hoá đã đạt 5.440 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 99,9%).
- Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ là mảng cung cấp các dịch vụ bảo hành, sửa chữa, bảo dưỡng có quy mô nhỏ so với tổng doanh thu. Cụ thể, doanh thu từ dịch vụ năm 2023 đạt 5,76 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 0,31%), 2,62 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 0,1%) trong năm 2024; và có xu hướng tăng trưởng trở lại về giá trị tuyệt đối khi chỉ trong 9 tháng đầu năm 2025 đã đạt gần 4,04 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 0,1%).

Tổng lợi nhuận gộp của Công ty tăng từ 217 tỷ đồng trong năm 2023 lên 281 tỷ đồng vào năm 2024, tương ứng mức tăng khoảng 29,56%. Trong 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận gộp đạt gần 338 tỷ đồng. Tương ứng với việc doanh thu tăng, biên lợi nhuận gộp cũng được cải thiện, giúp lợi nhuận gộp tăng trưởng theo trong giai đoạn 2024 và 9 tháng đầu năm 2025. Nguyên nhân của lợi nhuận gộp tăng là do công ty đã tích cực đàm phán với nhà cung cấp, tăng lượng hàng hoá nhập khẩu đi đôi với việc chiết khấu, giảm giá ngay từ khi ký kết hợp đồng, từ đó góp phần giảm giá vốn hàng bán.

(*) Trong doanh thu thuần về bán hàng hóa, bao gồm (i) doanh thu bán xe và (ii) doanh thu bán phụ tùng, chi tiết thể hiện ở bảng sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm	9T2025
Doanh thu thuần về bán xe	2.122.440	3.746.314	76,5%	5.309.235
Doanh thu thuần về bán phụ tùng	136.832	142.174	3,9%	131.031
Tổng cộng	2.259.272	3.888.488	72,1%	5.440.266
Lợi nhuận gộp về bán xe	162.074	225.514	39,1%	295.751
Lợi nhuận gộp về bán phụ tùng	50.824	54.585	7,4%	41.016
Tổng cộng	212.898	280.099	31,6%	336.767

b) Chi phí sản xuất

Bảng 5: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi phí	2023		2024		% tăng giảm	9T2025	
	Giá trị	Tỷ lệ trên Doanh thu	Giá trị	Tỷ lệ trên Doanh thu		Giá trị	Tỷ lệ trên Doanh thu
Giá vốn hàng bán	2.047.899	90,41%	3.609.796	92,77%	76,3%	5.106.521	93,80%
Chi phí tài chính	225.122	9,94%	125.994	3,24%	-44,0%	93.913	1,72%
Chi phí bán hàng	64.387	2,84%	96.149	2,47%	49,3%	74.139	1,36%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	63.550	2,81%	72.147	1,85%	13,5%	70.019	1,29%
Chi phí khác	658	0,03%	2.996	0,08%	355,3%	1.040	0,02%
Tổng cộng	2.401.616	106,03%	3.907.082	100,41%	62,7%	5.345.632	98,19%
Doanh thu thuần	2.265.032	100,00%	3.891.110	100,00%	71,8%	5.444.305	100,00%

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC tự lập Quý III/2025

Trong giai đoạn từ năm 2023 đến 9 tháng đầu năm 2025, cơ cấu chi phí của Công ty tập trung chủ yếu vào giá vốn hàng bán, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chi phí và so với doanh thu thuần. Cụ thể, giá vốn hàng bán năm 2023 đạt 2.047,9 tỷ đồng, chiếm 90,41% doanh thu thuần; năm 2024 tăng lên 3.609,8 tỷ đồng, chiếm 92,77%; và trong 9 tháng đầu năm 2025 đạt 5.106,5 tỷ đồng, tương ứng 93,8%. Điều này phản ánh đặc thù hoạt động kinh doanh chủ yếu dựa trên hàng hóa nhập khẩu nguyên chiếc, với biên lợi nhuận gộp thấp. Bên cạnh đó, vì VVS là công ty thương mại, nên việc mở rộng tăng trưởng doanh thu cũng sẽ đi kèm theo giá vốn hàng bán tăng lên.

Chi phí tài chính có xu hướng giảm mạnh qua các năm, từ 225,1 tỷ đồng (chiếm 9,94% doanh thu thuần) năm 2023, xuống còn 125,99 tỷ đồng (3,24% doanh thu thuần) năm 2024, và tiếp tục giảm còn 93,9 tỷ đồng (1,73% doanh thu thuần) trong 9 tháng đầu năm 2025. Xu hướng giảm này là do công ty đã linh hoạt trong việc sử dụng phương thức thanh toán các đơn hàng, chuyển từ hình thức LC UPAS có kỳ hạn tối đa 359

ngày sang LC trả chậm có kỳ hạn đến 360 ngày với chi phí rẻ hơn. Phí LC UPAS được tính trên có sở lãi suất SOFR (Secured Overnight Financing Rate) theo tháng cộng với biên chi phí của ngân hàng tài trợ (ngân hàng nước ngoài) và ngân hàng mở LC (ngân hàng trong nước). SOFR là một lãi suất chuẩn cho các khoản vay và công cụ phái sinh bằng đồng đô la Mỹ (USD) vì vậy SOFR theo tháng biến động mạnh trong năm 2024 do FED duy trì nền lãi suất cao. Trong khi đó, LC trả chậm thông thường thì chỉ chịu phí LC trả chậm của các ngân hàng thương mại trong nước quy định cho từng kỳ hạn. Bên cạnh đó, trong năm 2024 và 2025, Công ty đã cẩn trọng hơn trong việc quản trị tỷ giá bằng việc sử dụng các hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn (forward), lựa chọn các thời điểm tỷ giá xuống thấp để mua tỷ giá cho các nghĩa vụ phải thanh toán trong tương lai, nhờ vậy giảm mạnh chi phí tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp duy trì ở mức ổn định và thấp, với xu hướng đang giảm dần, chỉ chiếm từ 1,5% đến dưới 3% doanh thu thuần trong cả ba giai đoạn, thể hiện hiệu quả quản trị và cơ cấu vận hành gọn nhẹ. Chi phí khác không đáng kể.

10.2 Tài sản

Bảng 6: Danh sách tài sản của Công ty

Tên	Nguyên giá (VND)	Giá trị còn lại tại 31/12/2023 (VND)	Giá trị còn lại tại 31/12/2024 (VND)	Giá trị còn lại tại 30/09/2025
Ghi nhận tăng NG nhà làm việc, xưởng chữa chữa tại Quảng Ninh, HĐ 0000001	3.363.636.364	2.578.787.852	2.410.606.028	2.284.469.660
Ghi nhận chi phí lắp đặt nội thất VP, HĐ 0001024	3.220.103.991	1.386.433.644	849.749.640	447.236.637
Hạng mục thi công nhà xưởng + văn phòng làm việc CN Đà Nẵng, HĐ 0000040	8.934.562.000	7.048.376.672	6.750.557.936	6.527.193.884
Ghi nhận mua 03 bộ máy chủ; HĐ: 0000727	570.000.000	275.500.000	161.500.000	0
Xe ô tô tải Ford Ranger (Pickup cabin kép) màu bạc bạch kim, SK: 80NJR21126, HĐ: 00000198	596.636.364	449.081.119	349.641.715	275.062.162
Xe ô tô tải Ford Ranger (Pickup cabin kép) màu bạc bạch kim, SK: 80NUR22970 BKS	594.772.727	447.678.385	348.549.589	274.202.992

Tên	Nguyên giá (VND)	Giá trị còn lại tại 31/12/2023 (VND)	Giá trị còn lại tại 31/12/2024 (VND)	Giá trị còn lại tại 30/09/2025
29H-620.32, HĐ: 00000689				
Xe ô tô tải Ford Ranger (Pickup cabin kép) màu bạc bạch kim, SK: 80NTR20460, HĐ: 00000690	594.772.727	448.111.315	349.094.899	274.832.587
Xe ô tô tải Ford Ranger (Pickup cabin kép) màu bạc bạch kim, SK: 80NUR22747, HĐ: 00000691	594.772.727	447.944.860	348.816.064	274.469.467
Xe ô tô tải Ford Ranger (Pickup cabin kép) màu bạc bạch kim, SK: 80NUR22971, HĐ: 00005571	601.136.364	453.006.869	352.817.465	277.675.412
Xe ô tô con hiệu JAC , HĐ 0000047	1.100.545.455	493.207.389	309.783.141	172.214.955
Xe ô tô con 7 chỗ ngồi hiệu KIA (màu Đen) SK: 6MC222840; BKS: 30H-104.95	1.555.916.364	902.575.542	643.256.142	448.766.592
Hệ thống Camera theo HĐKT số 2022-02/22 VIMID- TVN và PLHĐ số 2022-07/PLHĐ-01, HĐ: 1, 2	931.141.500	529.371.181	218.990.677	0
Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số AB 143538	18.250.000.000	14.888.157.880	14.407.894.720	14.047.697.350
Phần mềm quản trị thông minh	1.165.700.000	-	1.036.177.776	744.752.772

Tên	Nguyên giá (VND)	Giá trị còn lại tại 31/12/2023 (VND)	Giá trị còn lại tại 31/12/2024 (VND)	Giá trị còn lại tại 30/09/2025
Xe ô tô 07 chỗ hiệu KIA màu trắng SK C358477, BKS 29C-285.03	1.561.370.909			1.480.410.936
Xe Ford Everest SK 36073, BKS 30M-803.76, HD 00013473	1.097.334.545			1.090.222.191

Nguồn: VVS, số liệu được cập nhật tới 30/09/2025.

Bảng 7: Danh sách tài sản đất đai của Công ty

Tên	Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hình thức sở hữu	Thời gian sở hữu còn lại	Ghi chú
Trụ sở Công ty	383,2 m ²	Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội	Thuê	14/04/2028	Đất sử dụng làm trụ sở công ty
Chi nhánh Tây Hà Nội	12.983,8 m ²	Phường Chương Mỹ, TP Hà Nội	Thuê	26/05/2035	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
Chi nhánh Đà Nẵng	5.040 m ²	Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng	Đất thuộc sở hữu công ty	10/01/2055	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
Chi nhánh Quảng Ninh	2.400 m ²	Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh	Đất thuộc sở hữu công ty	14/01/2054	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
Kho LOG Bắc Giang	32.956 m ²	Phường Tiên Phong, Tỉnh Bắc Ninh	Thuê	01/05/2035	Đất sử dụng làm bãi chứa xe
Chi nhánh Bắc Giang	2.002,9 m ²	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	Hợp tác kinh doanh	01/10/2030	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
Chi nhánh Thanh Hóa	2.800 m ²	Xã Hoàng Lộc, Tỉnh Thanh Hóa	Hợp tác kinh doanh	14/11/2027	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
Chi nhánh Hồ Chí Minh	3.696,7 m ²	Phường An Phú Đông, TP HCM	Thuê	01/08/2030	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
Chi nhánh Phú Thọ	1.040,8 m ²	Xã Phú Ninh, Tỉnh Phú Thọ	Thuê	14/5/2027	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi

Tên	Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hình thức sở hữu	Thời gian sở hữu còn lại	Ghi chú
Chi nhánh Nghệ An	2.057,8 m ²	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	Hợp tác kinh doanh	31/12/2027	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
Chi nhánh Hà Nam	500 m ²	Phường Châu Sơn, Tỉnh Ninh Bình	Hợp tác kinh doanh	31/12/2026	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
Chi nhánh Đông Hà Nội	5.500 m ²	Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	Hợp tác kinh doanh	31/12/2025	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
Chi nhánh Bình Định	1.178 m ²	Xã Tuy Phước, Tỉnh Gia Lai	Thuê	06/11/2025	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
Chi nhánh Hải Phòng	1.680 m ²	Phường Đồng Hải, TP Hải Phòng	Hợp tác kinh doanh	31/12/2024	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
Chi nhánh Đồng Nai	3.228 m ²	Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai	Hợp tác kinh doanh	01/01/2029	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
Chi nhánh Quảng Ngãi	442 m ²	Phường Cẩm Thành, Tỉnh Quảng Ngãi	Hợp tác kinh doanh	01/07/2026	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
Chi nhánh Bình Dương	2.000 m ²	Phường Chánh Hiệp, TP HCM	Thuê	31/12/2026	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
Chi nhánh Đắk Lắk	2.237 m ²	Phường Ea Kao, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp tác kinh doanh	14/05/2028	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi

Nguồn: VVS, số liệu được cập nhật tới 30/09/2025

Bảng 8: Tình hình Tài sản cố định của Công ty

- Tài sản cố định hữu hình:

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	TÊN TÀI SẢN	31/12/2023			31/12/2024			30/09/2025		
		Nguyên giá	GTCL	Tỷ lệ GTCL (%)	Nguyên giá	GTCL	Tỷ lệ GTCL (%)	Nguyên giá	GTCL	Tỷ lệ GTCL (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	22.035	11.089	50,3%	22.035	9.952	45,2%	22.116	9.230	41,73%
2	Máy móc thiết bị	3.024	719	23,8%	3.024	502	16,6%	2.615	413	15,8%

S T T	TÊN TÀI SẢN	31/12/2023			31/12/2024			30/09/2025		
		Nguyên giá	GTCL	Tỷ lệ GTCL (%)	Nguyên giá	GTCL	Tỷ lệ GTCL (%)	Nguyên giá	GTCL	Tỷ lệ GTCL (%)
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	22.594	5.528	24,5%	22.594	4.070	18,0%	25,253	5.563	22.02%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	303	-	-	303	-	-	303	-	-
5	Khác	2.426	580	23,9%	2.426	245	10,1%	2.542	113	4.44%
	Tổng	50.382	17.916	35,6%	50.382	14.769	29,3%	52.830	15.319	29,0%

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC tự lập Quý III/2025

- Tài sản cố định vô hình:

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	TÊN TÀI SẢN	31/12/2023			31/12/2024			30/09/2025		
		Nguyên giá	GTCL	Tỷ lệ GTCL (%)	Nguyên giá	GTCL	Tỷ lệ GTCL (%)	Nguyên giá	GTCL	Tỷ lệ GTCL (%)
1	Quyền sử dụng đất	18.250	14.888	81,6%	18.250	14.408	78,9%	18.250	14.048	77,0%
2	Phần mềm máy tính	1.335	-	-	2.501	1.036	41,4%	2.501	745	29,7%
3	TSCĐ vô hình khác	1.010	842	83,4%	1.010	505	50,0%	1.010	253	25,0%
	Tổng	20.595	15.730	76,4%	21.761	15.949	73,3%	21.760	15.045	69,1%

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC tự lập Quý III/2025

10.3 Thị trường hoạt động

Hoạt động kinh doanh và các sản phẩm dịch vụ của Công ty chỉ cung cấp cho các khách hàng trong nước tại Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không chịu tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý. Theo đó, Công ty nhận định chỉ có một thị trường hoạt động theo khu vực địa lý.

10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp đạt 2.265 tỷ đồng trong năm 2023, tăng mạnh lên 3.891 tỷ đồng trong năm 2024 (tăng khoảng 71,79%), và đạt 5.444 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2025. Tổng lợi nhuận gộp của Công ty tăng từ 217 tỷ đồng trong năm 2023 lên 281 tỷ đồng vào năm 2024, tương ứng mức tăng khoảng 29,56%. Trong 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận gộp đạt gần 338 tỷ đồng.

Năm 2024 là một năm tương đối thuận lợi với lĩnh vực kinh doanh xe ô tô, đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh xe tải hạng trung và nặng do ảnh hưởng tích cực đến từ các chính sách liên quan đến đầu tư công, xây dựng cơ sở hạ tầng và sự tăng trưởng đáng kể của ngành Logistics. Năm bắt được những lợi thế đó, Công ty ghi nhận mức doanh thu thuần đạt 3.891 tỷ đồng, vượt 29.7% so với kế hoạch đề ra đầu năm và tăng 71.11% so với năm 2023. Đối với lợi nhuận trước thuế, Công ty ghi nhận 88,361 tỷ đồng tại thời điểm kết thúc năm 2024, đồng thời vượt kế hoạch 216% và ghi nhận mức tăng 306% so với năm 2023.

Với kết quả trên, VIMID đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh đề ra vào đầu mỗi năm tài chính. Từ đó cho thấy, Ban Giám đốc Công ty đã đưa ra các chính sách phù hợp, kịp thời nắm bắt những cơ hội và không ngừng nỗ lực để đạt được kết quả khởi sắc trong những năm vừa qua.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

10.5 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9: Danh sách các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Tên đối tác	Tên hợp đồng	Nội dung hợp đồng (sản phẩm, mặt hàng...)	Ngày ký Hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị hiện tại (đồng)	Tình trạng	Giá trị đã thực hiện
1	CÔNG TY TNHH THÀNH THẮNG	0097/109/HDMB2025	10 XE ĐẦU KÉO và 10 SƠ MI RƠ MOOC	22/04/2025	30/05/2025	17.150.000.000	Đã thực hiện	17.150.000.000
2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP ĐÔNG Á	0147/114/HDMB202505	05 XE TRỌN	21/03/2025	02/04/2025	7.450.000.000	Đã thực hiện	7.450.000.000
3	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬN TẢI T&T	0089/114/HDMB202505	05 XE ĐẦU KÉO	25/02/2025	21/05/2025	6.750.000.000	Đã thực hiện	6.750.000.000
4	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA ĐỨC	0097/104/HDMB2025	05 XE BEN (XE TẢI TỰ ĐÓ)	15/05/2025	02/06/2025	7.650.000.000	Đã thực hiện	7.650.000.000
5	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG HOÀNG LỘC	0052/104/HDMB2025	05 XE TRỌN	08/04/2025	09/05/2025	7.450.000.000	Đã thực hiện	7.450.000.000
6	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI QUANG BP	0194/119/HDMB2025	10 XE ĐẦU KÉO và 10 SƠ MI RƠ MOOC	11/06/2025	Tháng 07+08/2025	15.150.000.000	Đã thực hiện	15.150.000.000
7	CÔNG TY TNHH ICE FLAMINGO	0027/103/HDMB202501	06 XE ĐẦU KÉO	15/02/2025	31/03/2025	7.605.000.000	Đã thực hiện	7.605.000.000
8	CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI KỶ LÂN	0062/103/HDMB2025	05 XE ĐẦU KÉO	12/03/2025	01/04/2025	5.800.000.000	Đã thực hiện	5.800.000.000

STT	Tên đối tác	Tên hợp đồng	Nội dung hợp đồng (sản phẩm, mặt hàng...)	Ngày ký Hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị hiện tại (đồng)	Tình trạng	Giá trị đã thực hiện
9	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BẢO KHANG	0120/103/HDMB2025	06 XE ĐẦU KÉO	24/04/2025	28/05/2025	7.020.000.000	Đã thực hiện	7.020.000.000
10	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THƯƠNG MẠI NGỌC GIÀU	0029/105/HDMB2025	07 XE ĐẦU KÉO	04/02/2025	08/07/2025	8.610.000.000	Đã thực hiện	8.610.000.000
11	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN VẠN THỊNH PHÁT	0012/122/HDMB2025	10 XE ĐẦU KÉO	28/03/2025	02/04/2025	11.850.000.000	Đã thực hiện	11.850.000.000
12	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 6A	0125/113/HDMB202502	10 XE ĐẦU KÉO	26/04/2025	09/05/2025	11.700.000.000	Đã thực hiện	11.700.000.000
13	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BÁCH LỢI	0173/113/HDMB202504	10 XE ĐẦU KÉO	27/05/2025	16/06/2025	11.700.000.000	Đã thực hiện	11.700.000.000
14	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 6A	0155/113/HDMB202501	10 XE ĐẦU KÉO	15/05/2025	20/05/2025	11.700.000.000	Đã thực hiện	11.700.000.000
15	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHUNG NGUYỄN	0005/111/HDMB2025	06 XE TRỌN	09/01/2025	03/02/2025	8.100.000.000	Đã thực hiện	8.100.000.000
16	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AN PHÚC VÀ HOÀNG THANH	0185/118/HDMB2025	05 XE TRỌN	04/04/2025	09/05/2025	7.200.000.000	Đã thực hiện	7.200.000.000

STT	Tên đối tác	Tên hợp đồng	Nội dung hợp đồng (sản phẩm, mặt hàng...)	Ngày ký Hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị hiện tại (đồng)	Tình trạng	Giá trị đã thực hiện
17	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN PHÁT	0125/118/HDMB2025	10 XE ĐẦU KÉO	11/03/2025	09/05/2025	12.400.000.000	Đã thực hiện	12.400.000.000
18	CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HƯNG LOGISTICS	0141/111/HDMB2024	05 XE ĐẦU KÉO	17/12/2024	12/03/2025	6.050.000.000	Đã thực hiện	6.050.000.000
19	CÔNG TY TNHH TM VẬN TẢI AN SINH	0033/113/HDMB202501	04 XE ĐẦU KÉO	19/02/2025	05/03/2025	4.820.000.000	Đã thực hiện	4.820.000.000
20	CÔNG TY TNHH KHO VẬN BÌNH DƯƠNG	0139/118/HDMB2025	06 XE ĐẦU KÉO	18/03/2025	Tháng 6+7/2025	5.100.000.000	Đã thực hiện	5.100.000.000
21	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI YUNYI VIỆT NAM	0106/101/HDMB2025	153 XE TẢI THÙNG CỔNG	26/08/2025	Tháng 9+10+11/20 25	114.444.000.000	Đang thực hiện	37.400.000.000
22	CÔNG TY CP DV VẬN TẢI VÀ XE DU LỊCH BẮC NINH FC	0483/114/HDMB2025	150 XE BEN (XE TẢI TỰ ĐÓ)	29/07/2025	Tháng 9+10+11/20 25	240.750.000.000	Đang thực hiện : Đã giao 50 xe	80.250.000.000

Nguồn: VVS

Các đối tác thực hiện các hợp đồng lớn nêu trên không phải là người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng, Thành viên Ủy ban kiểm toán, cổ đông lớn của Công ty.

10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 10: Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn

Khách hàng/ nhà cung cấp	Giá trị giao dịch/ doanh thu (triệu đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ (*)
Khách hàng				
Các thành viên của Tập đoàn Chailese (Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease và Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Chailease)	76.886.540.000	2023	Xe ô tô tải (Đơn vị cho thuê tài chính tài trợ cho khách hàng mua xe)	Không
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST	48.275.000.000	2023	Xe ô tô tải (Đơn vị cho thuê tài chính tài trợ cho khách hàng mua xe)	Không
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH Sài Gòn Thương Tín – CN Đà Nẵng	31.872.000.000	2023	Xe ô tô tải (Đơn vị cho thuê tài chính tài trợ cho khách hàng mua xe)	Không
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	11.704.000.000	2023	Xe ô tô tải	Không
Công ty CP Khoáng sản Marble Việt Nam	22.960.000.000	2023	Xe ô tô tải	Không
Công ty CP Phát triển Công nghệ Tùng Anh	20.709.000.000	2023	Xe ô tô tải	Không
Công ty CP Đầu tư Sản xuất và Thương Mại Xuân Thịnh	24.450.000.000	2023	Xe ô tô tải	Không
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST	46.481.000.000	2024	Xe ô tô tải (Đơn vị cho thuê tài chính tài trợ cho khách hàng mua xe)	Không
Các thành viên của Tập đoàn Chailese (Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease và Công ty TNHH	46.314.000.000	2024	Xe ô tô tải (Đơn vị cho thuê tài chính tài trợ	Không

Khách hàng/ nhà cung cấp	Giá trị giao dịch/ doanh thu (triệu đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ (*)
Thương mại Quốc tế Chailease)			cho khách hàng mua xe)	
Công ty CP Kiến Hưng Logistics	35.530.000.000	2024	Xe ô tô tải	Không
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH Sài Gòn Thương Tín – CN Đà Nẵng	37.325.000.000	2024	Xe ô tô tải (Đơn vị cho thuê tài chính tài trợ cho khách hàng mua xe)	Không
Công ty CP Thương mại Khai thác khoáng sản 782 Hải Phòng	15.675.000.000	2024	Xe ô tô tải	Không
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Khải An	18.315.000.000	2024	Xe ô tô tải	Không
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST	42.795.000.000	2025	Xe ô tô tải (Đơn vị cho thuê tài chính tài trợ cho khách hàng mua xe)	Không
Các thành viên của Tập đoàn Chailese (Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease và Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Chailease)	154.957.000.000	2025	Xe ô tô tải (Đơn vị cho thuê tài chính tài trợ cho khách hàng mua xe)	Không
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH Sài Gòn Thương Tín – CN Đà Nẵng	57.977.000.000	2025	Xe ô tô tải (Đơn vị cho thuê tài chính tài trợ cho khách hàng mua xe)	Không
Công ty CP Dịch vụ Vận tải và Xe du lịch Bắc Ninh FC	80.250.000.000	2025	Xe ô tô tải	Không
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam	39.840.000.000	2025	Xe ô tô tải (Đơn vị cho thuê tài chính tài trợ cho khách hàng mua xe)	Không
Công ty TNHH Thành Thắng	45.450.000.000	2025	Xe ô tô tải	Không

Khách hàng/ nhà cung cấp	Giá trị giao dịch/ doanh thu (triệu đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ (*)
Nhà cung cấp				
Sinotruk International	1.532.733.088.806	2023	Xe ô tô tải, Đầu kéo, Sơ mi Rơ moóc, Xe chuyên dụng	Không
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ T-TECH VIỆT NAM	17.474.000.000	2023	Dịch vụ đóng thùng cho xe ô tô tải	Không
SHANDONG WALTZ INTERNATIONAL TRADE CO., LTD	22.840.532.900	2023	Sơ mi Rơ moóc	Không
GUANGXI NANNING ZHIHE INTERNATIONAL TRADE CO., LTD	31.133.686.000	2023	Sơ mi Rơ moóc	Không
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI PHƯƠNG HOÀNG	10.456.630.200	2024	Dịch vụ vận tải (chuyển xe từ cửa khẩu tới các địa điểm kho)	Không
Công ty CP thương mại và Dịch vụ Vận tải Hoàng Hà Phương	11.624.472.000	2024	Dịch vụ vận tải (chuyển xe từ cửa khẩu tới các địa điểm kho)	Không
Sinotruk International	3.246.857.340.580	2024	Xe ô tô tải, Đầu kéo, Sơ mi Rơ moóc, Xe chuyên dụng	Không
Trung tâm thử nghiệm khí thải Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (Cục đăng kiểm)	7.258.975.002	2024	Đăng ký đăng kiểm	Không
GUANGXI NANNING ZHIHE INTERNATIONAL TRADE CO., LTD	43.599.497.700	2024	Sơ mi Rơ moóc	Không
LIUZHOU HONGWEI TRADE CO., LTD	7.469.125.720	2024	Sơ mi Rơ moóc	Không
LIUZHOU CHENGLONG SPECIAL PURPOSE VEHICLE CO.,LTD	18.457.764.510	2025	Sơ mi Rơ moóc	Không
Công ty CP thương mại và DVVT Hoàng Hà Phương	17.281.935.360	2025	Dịch vụ vận tải (chuyển xe từ cửa	Không

Khách hàng/ nhà cung cấp	Giá trị giao dịch/ doanh thu (triệu đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ (*)
			khẩu tới các địa điểm kho)	
Sinotruk International	4.617.674.523.693	2025	Xe ô tô tải, Đầu kéo, Sơ mi Rơ moóc, Xe chuyên dụng	Không
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI	21.754.648.148	2025	Dịch vụ đóng thùng cho xe ô tô tải	Không
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại và vận tải Việt Hải	39.100.055.556	2025	Dịch vụ vận tải (chuyển xe từ cửa khẩu tới các địa điểm kho)	Không
Công ty CP thương mại và cơ khí giao thông	18.892.814.814	2025	Dịch vụ đóng thùng cho xe ô tô tải	Không
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI TRUNG CHUYÊN HP	15.044.961.600	2025	Dịch vụ vận tải (chuyển xe từ cửa khẩu tới các địa điểm kho)	Không
XINHONG CHANG SPECIAL VEHICLE CO., LTD. OF SANHE CITY	84.150.990.300	2025	Sơ mi Rơ moóc	Không

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam

(*) Mối quan hệ với Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng, Thành viên Ủy ban kiểm toán, cổ đông lớn của Công ty.

[Phần cuối của trang này được cô tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

10.7 Vị thế của tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành**10.7.1 Vị thế của Công ty trong ngành****a) Ngành hoạt động của tổ chức đăng ký niêm yết**

Với 15 năm kinh nghiệm kinh doanh các dòng xe tải hạng trung, hạng nặng của lãnh đạo Công ty cùng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư ô tô được đào tạo chính quy trong nước và tại chính hãng SINOTRUK, VIMID đã khẳng định được thương hiệu của mình trong lĩnh vực cung cấp các dòng xe tải hạng nặng, xe chuyên dụng trên thị trường trong nước.

VIMID được Tập đoàn SINOTRUK lựa chọn là đại lý ủy quyền chính thức phân phối các sản phẩm tại thị trường Việt Nam vì năng lực tài chính tốt, mạng lưới phân phối rộng khắp, chú trọng đầu tư bài bản và chuyên nghiệp không chỉ trong việc phân phối sản phẩm mà cả về dịch vụ sau bán hàng, liên tục R&D phát triển sản phẩm nâng cao vị thế, thương hiệu SINOTRUK (CNHTC) tại Việt Nam.

Thương hiệu VIMID hiện đang được khách hàng tin nhiệm, đánh giá cao về uy tín, chất lượng sản phẩm và tinh thần phục vụ khách hàng. Với kế hoạch tăng trưởng thị phần bán xe SINOTRUK trong tương lai gần, VIMID đã và đang thực hiện chiến lược mở rộng mạng lưới phân phối toàn quốc, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh xây dựng các chi nhánh với quy mô và chất lượng đạt chuẩn để phục vụ khách hàng trên toàn quốc.

Công ty quản trị theo mô hình Trụ sở chính - Chi nhánh trực thuộc. Trong năm 2024, Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam (VIMID) đã thực hiện điều chỉnh và phân bổ lại mật độ các chi nhánh trên toàn quốc nhằm phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, theo đó, hiện nay, Công ty có 16 chi nhánh trải dài trên toàn quốc.

b) Các bên tham gia và mức độ cạnh tranh, vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**• Vị thế của thương hiệu SINOTRUK (CNHTC) – với nhãn hiệu xe HOWO nổi tiếng - trong ngành xe tải**

Xe ô tô hạng nặng SINOTRUK là các sản phẩm thuộc tập đoàn xe tải nặng của Trung Quốc có tên là: CHINA NATIONAL HEAVY DUTY TRUCK GROUP CO., LTD (Tập đoàn Xe tải Hạng Nặng Quốc Gia Trung Quốc), viết tắt: SINOTRUK hoặc CNHTC.

Được thành lập năm 1935, SINOTRUK tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước của Trung Quốc, nổi tiếng với việc phát triển và sản xuất dòng xe tải hạng nặng đầu tiên của Trung Quốc. Nhãn hiệu SINOTRUK (CNHTC) được biết đến là thương hiệu cung cấp các dòng xe hạng nặng – hạng trung với những tính năng mạnh mẽ, bền bỉ và hiệu quả, tiện nghi, an toàn và thân thiện với môi trường. Tập đoàn SINOTRUK đã có một số công ty con đã được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán, bao gồm:

1. Sinotruk (Hong Kong) Limited: niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông (HKEX) với mã cổ phiếu là 3808.HK.
2. Sinotruk Jinan Truck Co., Ltd.: niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thâm Quyển (SZSE), Trung Quốc, với mã cổ phiếu là 000951.SZ.
3. Zhongtong Bus Co., Ltd.: niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thâm Quyển (SZSE).

Trong năm 2024, SINOTRUK duy trì vị trí Top đầu tại thị trường Trung Quốc với doanh thu toàn hệ thống ước đạt 194 tỷ Nhân dân tệ tương đương 27,23 tỷ USD; tổng doanh số khoảng 370.000 xe, trong đó doanh số xe tải hạng nặng dự kiến đạt 105.000 chiếc, chiếm 20,2% thị phần, doanh số xe tải nhẹ ước tính đạt 95.000 chiếc, chiếm 18,5% thị phần. Ngoài ra, SINOTRUK đã có những bước tiến đáng kể trong lĩnh vực xe năng lượng mới (NEV) – xe tải thông minh chạy bằng điện. Doanh số xe tải điện hạng nặng dự kiến đạt 8.600 xe, tăng 280% so với 2023. Doanh số xe tải điện hạng nhẹ dự kiến

đạt 3.300 xe, tăng 15% so với năm trước.

Bên cạnh đó, SINOTRUK cũng đạt được thành tích xuất sắc trên thị trường toàn cầu với số lượng xe tải nặng xuất khẩu đạt 135.000 xe, doanh thu xuất khẩu dự kiến đạt 45,1 tỷ Nhân dân tệ tương đương 6,3 tỷ USD. Để củng cố sự hiện diện toàn cầu, SINOTRUK đã thành lập 29 nhà máy lắp ráp mới, phát triển 226 nhà phân phối/đại lý, 246 trạm dịch vụ và 217 mạng lưới cung cấp phụ tùng trên toàn thế giới. Hiện SINOTRUK xuất khẩu xe tải hạng trung và hạng nặng tới hơn 110 quốc gia và khu vực, chiếm hơn 50% tổng xuất khẩu xe tải hạng nặng của Trung Quốc, điều này phản ánh năng lực sản xuất và kinh doanh quốc tế vững chắc của SINOTRUK. Năm 2025, SINOTRUK đặt kế hoạch doanh số 450.000 xe, tăng trưởng 20%.

SINOTRUK – Phát triển đột phá dưới sự hỗ trợ của Tập đoàn mẹ - Tập đoàn công nghiệp nặng Sơn Đông

Năm 2019, Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông (Shandong Heavy Industry Group - SHIG) mua cổ phần chi phối của SINOTRUK. Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông, có trụ sở chính tại Tế Nam, Trung Quốc, là tập đoàn thiết bị công nghiệp toàn cầu với doanh thu hàng năm là 72 tỷ USD. Năm 2024, Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông đạt doanh thu 550 tỷ Nhân dân tệ (77,25 tỷ USD); lợi nhuận đạt 28,1 tỷ Nhân dân tệ (3,95 tỷ USD), doanh thu xuất khẩu 92,13 tỷ Nhân dân tệ (12,94 tỷ USD).

Tập đoàn này sở hữu Weichai Power, SINOTRUK, Shacman, Lovol Intelligence Agriculture, Shantui Construction Machinery, Zhongtong Bus, và nắm giữ cổ phần lớn tại các tổ chức quốc tế nổi tiếng như Ferretti (Italy), KION (Đức), Linde Hydraulics (Đức), Dematic, PSI (Hoa Kỳ), Moteurs Baudouin (Pháp). Hoạt động kinh doanh chính bao gồm hệ thống truyền động, xe thương mại, thiết bị nông nghiệp, máy móc xây dựng, logistics thông minh và giải pháp vận chuyển hàng hải, Tập đoàn này đã thành lập các trung tâm đổi mới khoa học và công nghệ tại hơn 10 quốc gia trên thế giới vì mục tiêu cung cấp giải pháp sản phẩm và dịch vụ cho hơn 150 quốc gia và khu vực.

Các công ty niêm yết chính của Tập đoàn SHIG bao gồm:

- + Weichai Power: niêm yết trên cả Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông (HKEX) với mã 2338.HK và Sở giao dịch chứng khoán Thâm Quyển (SZSE) với mã 000338.SZ.
- + Sinotruk (Hong Kong) Limited: niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông (HKEX).
- + Weichai Heavy Machinery: niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thâm Quyển (SZSE) với mã 000880.SZ.
- + Shantui Construction Machinery: Công ty này niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thâm Quyển (SZSE) với mã 000680.SZ.
- + Yaxing Bus: niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thượng Hải (SSE) với mã 600213.SH.
- + KION Group: Công ty sản xuất xe nâng nổi tiếng của Đức, với mã niêm yết là KGX tại Sở giao dịch chứng khoán Frankfurt (Frankfurt Stock Exchange).
- + Ferretti Group: Nhà sản xuất du thuyền nổi tiếng của Ý, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Milan (Euronext Milan): Mã giao dịch là YACHT; trên Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông (HKEX): Mã giao dịch là 9638.HK.

SINOTRUK hưởng lợi rất lớn từ việc là một phần của hệ sinh thái Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông (SHIG), đặc biệt là với sự hỗ trợ của Weichai Power, nhà sản xuất động cơ diesel lớn nhất Trung Quốc. Sự kết hợp này mang lại lợi thế lớn cho SINOTRUK khi được tích hợp các công nghệ động cơ, hộp số và hệ thống truyền động tiên tiến nhất, đảm bảo hiệu suất, độ bền và tiết kiệm nhiên liệu cho xe tải.

Đối với thị trường Việt Nam, SINOTRUK đã bắt đầu thâm nhập từ đầu những năm 2000. Dòng xe tải HOWO của SINOTRUK đã trở nên phổ biến tại Việt Nam và được sử dụng rộng rãi trong các ngành xây

dựng, vận tải và khai thác mỏ trong suốt thời gian đó tới nay.

- **Vị thế của VIMID trong lĩnh vực nhập khẩu và kinh doanh, phân phối xe tải trung và hạng nặng**
VIMID hiện là nhà nhập khẩu và phân phối chính thức dòng xe tải nhãn hiệu SINOTRUK tại Việt Nam trong suốt 15 năm qua.

Ngày 23/1/2024, VIMID vinh dự được nhận cúp “Strategic Partners of Shandong Heavy Industry” - Đối tác chiến lược của Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông (công ty mẹ của SINOTRUK) tại Hội nghị Đối tác toàn cầu lần thứ 3 của Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông tổ chức tại Jakarta, Indonesia. Cũng trong khuôn khổ sự kiện này, VIMID cũng được SINOTRUK vinh danh là “Dealer of the Year” - Nhà phân phối của năm. Đây là những chiếc cúp danh giá, xác lập vị thế vững chắc của VIMID đối với các đối tác là tập đoàn lớn tại khu vực trong lĩnh vực kinh doanh thiết bị vận tải.

Liên tiếp trong ba năm từ 2022 đến 2024, VIMID lọt TOP 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500). Đặc biệt, năm 2024 VIMID đã vào TOP 100 Sao Vàng Đất Việt, giải thưởng do Trung Ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam phối hợp với Trung ương Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam tổ chức hàng năm. Ngày 24/4/2025, VIMID tiếp tục nhận được giải thưởng FAST500 - Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (xếp hạng 179). Ngày 18/10/2025, VIMID tham dự Hội nghị Đối tác toàn cầu 2025 do Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông tổ chức tại Trung Quốc, quy tụ hơn 300 đối tác chiến lược đến từ khắp các quốc gia và vùng lãnh thổ của Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông và SINOTRUK. Trong khuôn khổ sự kiện này, VIMID đã nhận cú đúp giải thưởng “Excellent Strategic Partner Award” (Đối tác chiến lược xuất sắc) của Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông và “Notable Contribution Award” (Cống hiến nổi bật) của Tập đoàn SINOTRUK. Ngày 28/10/2025, VIMID được vinh danh trong danh sách Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lợi nhuận tốt nhất (PROFIT500) (xếp hạng 432) do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietNamNet tổ chức.

VIMID đã và đang khẳng định năng lực thương mại và vận hành qua các hợp đồng phân phối quy mô lớn đối với các xe tải hạng trung và hạng nặng, gần đây công ty ký kết hợp đồng cung cấp loạt xe tải tự đổ HOWO V7X với quy mô lớn (ví dụ hợp đồng 300 xe, đã bàn giao giai đoạn 1) với Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Xe Du lịch Bắc Ninh FC; và 153 xe tải thùng kín cho đơn vị logistics đa quốc gia J&T Express (thông qua công ty Yunyi Việt Nam). Những hợp đồng dạng này củng cố vị thế VIMID trong phân khúc xe tải hạng trung và hạng nặng và tạo ra dòng doanh thu lặp lại từ cung cấp phương tiện và dịch vụ hậu mãi.

So với các nhóm doanh nghiệp lớn trong ngành cơ giới và xe thương mại (ví dụ các nhà phân phối/nhà sản xuất có mạng lưới rộng như THACO), VIMID tập trung khác biệt vào phân khúc xe tải trung và hạng nặng nhập khẩu mới 100% là các xe chuyên dụng, xe ben, xe đầu kéo cho ngành công trình, tức là những sản phẩm có nhu cầu ổn định từ ngành xây dựng, logistics và khai thác khoáng sản.

Mặc dù không có số liệu thống kê cụ thể để xác định vị thế của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh xe tải hạng trung và hạng nặng, tuy nhiên, Công ty xác định được lợi thế cạnh tranh của VIMID nằm ở (i) mối quan hệ phân phối lâu năm với nhà sản xuất (SINOTRUK), (ii) năng lực bán hàng và thực hiện hợp đồng theo lô lớn, và (iii) hệ sinh thái dịch vụ, bao gồm giải pháp tài chính (hỗ trợ làm việc với các đơn vị cho thuê tài chính, ngân hàng thương mại để giúp khách hàng mua xe có thể tiếp cận nguồn vốn phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính), giao nhận và hậu cần. Những yếu tố này giúp VIMID đứng vững và phát triển bên cạnh các nhà cung cấp/đại lý lớn khác trên thị trường.

- **So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh đại lý, môi giới và bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ do đó các công ty được lựa chọn để so sánh về hiệu quả hoạt động kinh doanh và

tình hình tài chính với VVS đều là những doanh nghiệp có thương hiệu trong ngành hiện đang niêm yết hoặc đã đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Các doanh nghiệp được lựa chọn bao gồm: (1) Công ty Cổ phần G-AutoMobile; (2) Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long; (3) Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh; (4) Công ty Cổ phần City Auto.

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

Tên doanh nghiệp	Mã cổ phiếu	Vốn điều lệ	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	LNST / Doanh thu thuần (%)	LNST / VCSH (ROE) (%)
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam	VVS	215	2.316	353	3.891	68	1,75%	21,5%
Công ty Cổ phần G-AutoMobile	GMA	200	1.496	477	2.812	15	0,53%	3,2%
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	HTL	120	266	180	477	23	4,82%	10,6%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HAX	1.074	2.409	1.491	5.513	204	3,70%	15,37%
Công ty Cổ phần City Auto	CTF	957	3.918	1.123	8.174	48	0,59%	4,37%

Nguồn: BCTC năm 2024 của các công ty được so sánh

Dựa vào các số liệu trên, VIMID không chỉ là một thương hiệu uy tín trong ngành môi giới và bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ mà còn thể hiện năng lực tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh vững mạnh. Tính đến 9 tháng đầu năm 2025 của Công ty, vốn điều lệ đạt 215 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 5.201 tỷ đồng, doanh thu thuần đạt 5.444 tỷ và lợi nhuận sau thuế đạt 170.28 tỷ đồng. Xét về vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu, VIMID không phải là công ty lớn nhất, tuy nhiên về các chỉ tiêu khác VIMID ghi nhận cao và hiệu quả so với các công ty trong ngành.

10.7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2024 nền kinh tế có sự tăng trưởng ấn tượng với mức tăng trưởng GDP cả năm đạt 7,09%, chỉ thấp hơn các năm 2018, 2019 và 2022. Khu vực sản xuất công nghiệp và xây dựng tiếp tục là điểm sáng với tốc độ tăng giá trị tăng thêm đạt 8,24% so với cùng kỳ năm trước. Cùng với đó, hoạt động thương mại, vận tải trong nước, khách du lịch quốc tế tiếp tục đã phục hồi. So với 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,0%; vận chuyển hành khách tăng 8,3%, luân chuyển hành khách tăng 11,6% và vận chuyển hàng hóa tăng 31,8%, luân chuyển hàng hóa tăng 14,0%; khách quốc tế đến nước ta tăng 39,7% và đạt 97,6% năm 2019. Do đó, tiềm năng phát triển ngành xe tải rất cao.

Tuy nhiên, do điều kiện cơ sở hạ tầng, dù đã nâng cấp và xây dựng mới nhiều, vẫn còn hạn chế và chưa đủ đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa tăng quá nhanh của nền kinh tế. Thị trường xe tải Việt Nam vì thế hiện vẫn chưa thể phát triển ở mức tương xứng với tiềm năng tăng trưởng cao trong trung và dài hạn.

Với những chính sách kích thích tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, giải ngân đầu tư công và FDI lớn, hoạt

động xuất nhập khẩu phát triển mạnh đã góp phần vào việc tăng trưởng nhu cầu xe tải trong các năm qua. Đặc biệt, phân khúc xe tải nặng đang cho thấy dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ sau hơn 3 năm sụt giảm liên tục và gần như đã chạm đáy. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong năm 2024, lượng ô tô nguyên chiếc các loại nhập khẩu đạt 173.561 xe, tăng 45,8% so với năm trước; trong đó, ô tô vận tải, trên 9 chỗ và khác đạt 157.781 xe, tăng 42,2%. Đáng chú ý trong năm 2024 là lượng xe nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc, đạt 28.739 xe, tăng 2,8 lần về lượng. Trong vài năm trở lại đây, lượng xe nhập từ Trung Quốc ngày càng tăng, chủ yếu là xe chuyên dụng, xe tải. Như vậy, nhu cầu về các loại xe như đầu kéo, xe ben nặng, xe tải thùng hạng nặng là rất lớn.

Bên cạnh đó, lĩnh vực đường bộ của Việt Nam đã có nhiều đột phá. Tính tới năm 2024, toàn bộ hệ thống đường cao tốc Việt Nam đạt khoảng 2.021km và mạng lưới quốc lộ đạt 25.551km. Trong đó, khu vực phía Bắc đã hoàn thành các tuyến hướng tâm tới Thủ đô Hà Nội gồm Nhật Tân - Nội Bài, Nội Bài - Lào Cai, Hà Nội - Thái Nguyên, Hà Nội - Bắc Giang, Hà Nội - Hải Phòng, Pháp Vân - Giẽ - Ninh Bình, Hòa Lạc - Hòa Bình. Đồng thời, tuyến đường cao tốc ven biển Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn đã hoàn thành.

Theo định hướng, Bộ Giao thông vận tải đã được chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ trong việc đẩy nhanh tiến độ thi công cao tốc Bắc – Nam phía Đông trong giai đoạn 2021 – 2025, song thúc đẩy tới năm 2025 cả nước có khoảng 3.000km và đến năm 2030 cả nước có khoảng 5.000km đường cao tốc. Điều này sẽ hứa hẹn thúc đẩy việc sử dụng dòng xe tải cao cấp – loại xe có thể đáp ứng khả năng chạy tốc độ cao và ít hỏng hóc giữa đường. Vì thế các dòng xe tải cao cấp SINOTRUK mà VIMID đang cung cấp sẽ có nhu cầu nhiều hơn trong những năm tới.

Bên cạnh đó, dự án đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, với tổng vốn 203.231 tỷ đồng, tương đương 8,37 tỷ USD, phân đầu hoàn thành chậm nhất năm 2030. Điểm đầu dự án tại vị trí nối ray qua biên giới (tỉnh Lào Cai), điểm cuối tại ga Lạch Huyện (Hải Phòng), dài gần 391 km; chiều dài tuyến nhánh 27,9 km, đi qua 9 tỉnh, thành phố gồm Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương và Hải Phòng. Tuyến đường sắt được đầu tư mới đường đơn, khổ 1.435 m, vận chuyển chung hành khách, hàng hóa; tốc độ thiết kế 160 km/h với tuyến chính từ ga Lào Cai mới đến ga Nam Hải Phòng; 120 km/h với đoạn qua khu vực đầu mỗi TP. Hà Nội; tốc độ 80 km/h với các đoạn tuyến còn lại.

10.7.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

- Hiện VIMID đang tập trung vào thế mạnh chính là nhập khẩu và phân phối các dòng xe hạng trung, hạng nặng. Các sản phẩm của VIMID cung cấp rất đa dạng từ xe tải thùng, xe ben, xe trộn bê tông, đầu kéo, sơmi rơ-mooc đến các loại xe chuyên dụng ... đáp ứng đầy đủ nhu cầu vận chuyển hàng hóa, phục vụ công trình, xây dựng, hạ tầng.
- Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và phát triển, Chính phủ Việt Nam xem việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và tăng trưởng xuất khẩu là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, được dành cho nhiều ưu đãi.
- Việt Nam là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định trong khu vực và trên thế giới. Đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao và cải thiện, kéo theo nhu cầu lưu thông hàng hóa, chuyên chở nguyên, nhiên vật liệu ngày càng tăng. Việt Nam đã và đang trở thành điểm đến của các tập đoàn lớn trên thế giới đầu tư trực tiếp vào Việt Nam, biến Việt Nam trở thành một trong những địa điểm cung ứng hàng hóa quan trọng cho chuỗi cung ứng quốc tế.
- Những cơ sở chính yếu trên sẽ là nền tảng vững chắc cho mọi hoạt động logistics của Việt Nam phát triển ổn định, tăng trưởng bền vững. Chiến lược phát triển của VIMID là hoàn toàn phù hợp với xu hướng trên và có cơ hội phát triển mạnh mẽ, bền vững trong những năm tới.

- Ngoài ra, song song với việc phát triển kinh tế thì bảo vệ môi trường cũng là vấn đề quan tâm hàng đầu của nhà nước Việt Nam và là xu hướng chung trên toàn thế giới. Các dòng xe do VIMID cung cấp đều là các sản phẩm đạt tiêu chuẩn Euro 5, thiết kế tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện với môi trường. Cùng với đó VIMID có hệ thống các chi nhánh đảm bảo việc bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế phụ tùng chính hãng trải đều trên toàn quốc sẵn sàng đáp ứng nhu cầu khách hàng, đảm bảo duy trì cho các phương tiện của khách hàng vận hành ổn định, hiệu quả và phát thải ở mức thấp.

Trên cơ sở đánh giá đầy đủ năng lực, điều kiện của Công ty, đặc điểm tình hình có liên quan đến lĩnh vực hoạt động, mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty là phù hợp với định hướng của ngành du lịch, chính sách của Chính phủ

10.8 Hoạt động Marketing

a. Hoạt động Truyền thông - Marketing

Các hoạt động Truyền thông - Marketing của VIMID được tiến hành thường xuyên và chú trọng dưới nhiều hình thức.

✓ Về hoạt động Truyền thông:

- Hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu VIMID theo hướng ngày càng chuyên nghiệp hóa và giám sát liên tục tính tuân thủ trong việc xây dựng hình ảnh thương hiệu cả trong nội bộ và bên ngoài VIMID. Cụ thể, VIMID đã đăng ký nhãn hiệu/logo công ty với Cục Sở hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu từ năm 2016 với thời hạn 10 năm (có thể gia hạn);
- Xây dựng nội dung nhiều bài viết, tư liệu hình ảnh, video hữu ích cho cộng đồng khách hàng để truyền thông trên các kênh online như Website, Youtube, Zalo, Facebook, Tiktok...;
- Xây dựng đầy đủ các bộ tài liệu truyền thông hỗ trợ phòng kinh doanh truyền thông, bán hàng;
- Tổ chức các kế hoạch, chiến dịch truyền thông nội bộ nhằm nâng cao nhận thức của CBNV về văn hoá doanh nghiệp;
- Hoạt động trách nhiệm xã hội, cộng đồng: Ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, VIMID luôn dành thời gian và ngân sách đáng kể và thường xuyên cho các hoạt động từ thiện và hoạt động xã hội, như: Ủng hộ đồng bào gặp thiên tai, lũ lụt; Tài trợ học bổng cho các sinh viên hoàn cảnh khó khăn có thành tích học tập tốt; Ủng hộ các quỹ hỗ trợ phòng chống dịch bệnh, mua vaccine Covid-19...

✓ Về hoạt động Marketing:

- Thu thập thông tin, đánh giá về thị trường vĩ mô, thị trường ngành, về các đối thủ cạnh tranh (các chính sách giá, chính sách khuyến mại, chính sách xúc tiến và thúc đẩy bán hàng,...);
- Liên tục nghiên cứu, phát triển sản phẩm đem lại những sản phẩm - dịch vụ có công năng phù hợp nhất với nhu cầu sử dụng, thị hiếu đặc thù của khách hàng, tạo sự khác biệt và lợi thế cạnh tranh trên thị trường;
- Tham gia các hội chợ về ô tô và hội chợ thương mại để giới thiệu sản phẩm - dịch vụ;
- Thiết kế và in các ấn phẩm, catalogue về sản phẩm - dịch vụ;
- Tổ chức các hoạt động giới thiệu dự án và sản phẩm - dịch vụ mới;
- Nắm bắt các phản hồi từ các Chi nhánh, khách hàng để có ý kiến phản hồi tới ban lãnh đạo (về chất lượng sản phẩm, mẫu mã, các chính sách bán hàng,...);
- Phối hợp với Nhà cung cấp SINOTRUK tổ chức các buổi roadshow giới thiệu sản phẩm mới trên phạm vi toàn quốc bao gồm cả chiến dịch trải nghiệm sản phẩm mới cho khách hàng;

- Ngoài ra, VIMID còn tổ chức các chương trình khuyến mãi trong năm như: Hỗ trợ thuê trước bạ, hỗ trợ bảo dưỡng, chiết khấu phụ tùng, các chương trình rút thăm may mắn Công ty cũng có chính sách ưu đãi về giá, chế độ chăm sóc, bảo hành ... cho khách hàng dự án, khách hàng trung thành;
- Các hoạt động Truyền thông - Marketing đã mang đến hiệu quả tích cực, giúp thương hiệu VIMID ngày càng lớn mạnh, uy tín, đi sâu vào tâm thức khách hàng, góp phần không nhỏ trong việc phát triển doanh thu đều đặn qua các năm, tạo vị thế vững chắc dẫn đầu về thị phần trong phân khúc xe tải hạng trung và hạng nặng mới 100% tại Việt Nam cho doanh nghiệp.

b. Hoạt động chăm sóc khách hàng

- Công ty thành lập bộ phận chăm sóc khách hàng để tiếp nhận phản ánh, xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng, thông qua các báo cáo hàng tháng để có thể kịp thời khắc phục các khuyết điểm, cải tiến sản phẩm và dịch vụ nhằm mục đích phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn;
- Tổ chức chiến dịch tri ân khách hàng, tư vấn, miễn phí tiền công, hỗ trợ giá, tặng phụ tùng...;
- Tổ chức thường xuyên các chương trình thăm khám miễn phí tận chân công trình trên phạm vi cả nước;
- Tổ chức dịch vụ sửa chữa, cứu hộ lưu động 24/7;
- Quà tặng khách hàng nhân các dịp kỷ niệm.

10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Năm 2016, VIMID đã đăng ký thành công nhãn hiệu thương mại của Công ty với Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ (theo Quyết định số 12143/QĐ-SHTT, ngày 02/03/2016). Với mẫu nhãn hiệu chính sau:



Màu sắc nhãn hiệu: Xanh dương, xanh cỏm, trắng

Loại nhãn hiệu: thông thường

Nội dung: Nhãn hiệu điều bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng hình bản đồ Việt Nam, hình địa cầu

VIMID

10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh, VVS luôn chú trọng vào việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm phù hợp với nhu cầu và xu hướng phát triển của thị trường. Công ty không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng tốt nhất các yêu cầu khắt khe về hiệu suất, an toàn và độ bền, phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Sản phẩm của VIMID luôn hướng tới việc tối ưu hóa giá trị sử dụng, giúp khách hàng tiết kiệm chi phí vận hành và đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Để thực hiện công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm hiệu quả, sát với nhu cầu khách hàng, thị trường, VIMID luôn phối hợp với phòng nghiên cứu phát triển của Tập đoàn SINOTRUK tổ chức thường xuyên các hoạt động điều nghiên thị trường, đánh giá thực tế nhu cầu, trải nghiệm của các khách hàng trên khắp Việt Nam, cũng như đánh giá về tính năng, hiệu suất của sản phẩm khi đưa vào vận hành. Ngoài ra, VIMID còn tập trung nghiên cứu các xu hướng về quy định pháp luật, xu hướng công nghệ, và các xu hướng phát triển của thị trường để phát triển các sản phẩm ưu việt, có lợi thế cạnh tranh tốt hơn.

Tính tới hết 2024, Vimid đã nghiên cứu phát triển và đưa ra thị trường đa dạng các loại sản phẩm như: các sản phẩm cao cấp SITRAK C7, C9, G7, sản phẩm xe HOWO thế hệ mới V7X, TH7, T7H, NX, MAX,

TX, TS7...; sản phẩm HOWO phổ thông với đa dạng các cấu hình chủng loại cho xe tải tự đổ, xe đầu kéo, xe tải thùng, xe trộn bê tông, xe chuyên dùng...

Trong thời gian tới, ngoài các thế mạnh về xe tải hạng trung, hạng nặng, Công ty đặc biệt chú trọng vào việc phát triển các sản phẩm xe tải hạng nhẹ và các sản phẩm xe tải xanh, thân thiện với môi trường, nhằm đáp ứng đa dạng các yêu cầu của khách hàng, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. VIMID sẽ tiếp tục đổi mới và sáng tạo để không chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn tạo ra những sản phẩm đột phá trong tương lai

10.11 Chiến lược kinh doanh

a. Tổng quan về các chiến lược

Công ty sẽ tập trung vào các thế mạnh sẵn có về sản phẩm, đó là các dòng xe mà Công ty đang bán chạy bao gồm xe đầu kéo, xe ben, xe tải hạng trung, hạng nặng, xe chuyên dụng phục vụ dự án. VIMID sẽ liên tục Nghiên cứu và Phát triển (R&D) để phát triển về chủng loại sản phẩm hàng hóa, mở rộng về thị trường để đáp ứng ngày một hoàn thiện hơn nhu cầu của khách hàng:

- Đa dạng hóa và củng cố thế mạnh về sản phẩm cho phân khúc sản phẩm chủ lực là các sản phẩm xe tải hạng trung, hạng nặng đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa khối lượng lớn, khai thác nguyên nhiên vật liệu, phục vụ công trình giao thông, cơ sở hạ tầng.
- Hợp tác mạnh mẽ với các đối tác cung ứng sản phẩm bán kèm, đáp ứng đầy đủ nhu cầu khách hàng đối với xe sơ mi rơ moóc, các sản phẩm dịch vụ giá trị gia tăng như: Ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, thiết bị giám sát, định vị ...
- Khảo sát nghiên cứu về hoạt động sản xuất và lắp ráp xe trong nước để triển khai trong tương lai gần nhằm hạ giá thành, tăng cường sức mạnh cạnh tranh. Đặc biệt là đi tiên phong nghiên cứu các xu hướng phát triển các sản phẩm xe tải điện, công nghệ mới phù hợp với đặc thù thị trường Việt Nam.
- Tiếp tục phát triển mạng lưới chi nhánh/trạm dịch vụ đảm bảo cự ly 100 km/trạm để phục vụ khách hàng kịp thời, nhanh chóng và thuận tiện nhất cho khách hàng.
- Triển khai mạnh mẽ hệ thống ứng dụng, nền tảng thương mại điện tử để nâng cao hiệu quả bán hàng, khai thác triệt để hơn nhu cầu thị trường, xây dựng cộng đồng khách hàng sử dụng xe VIMID làm nền tảng cho việc xây dựng và phát triển hệ sinh thái hướng tới mục tiêu mang lại cho khách hàng Giải pháp vận tải toàn diện nhất.

b. Thời gian dự kiến thực hiện:

Dự kiến từ năm 2025 định hướng đến năm năm 2030

c. Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến

Nguồn vốn dự kiến cho các hoạt động này đến từ dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời, Công ty cũng dự kiến sẽ huy động vốn để thực hiện chiến lược kinh doanh từ các nguồn vốn và nguồn lực sau:

- Từ vốn chủ sở hữu của Công ty: Công ty sẽ có kế hoạch phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ khi có nhu cầu về vốn;
- Công ty huy động vốn vay từ các Tổ chức tín dụng; và/hoặc
- Phát hành trái phiếu huy động vốn từ các Nhà đầu tư

10.12 Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Không có

10.13 Nguyên vật liệu

Công ty có hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực đại lý, môi giới và bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ. Các sản phẩm kinh doanh của Công ty chủ yếu bao gồm ô tô nguyên chiếc,

tất cả hàng hoá đều được nhập khẩu mới 100% nguyên chiếc từ nước ngoài, không qua bất kỳ công đoạn sản xuất, gia công hay lắp ráp nào trong nước. Vì vậy, đối với mảng kinh doanh hàng hoá và dịch vụ, Công ty không phát sinh nguyên vật liệu đầu vào trong quá trình hoạt động, mà chỉ thực hiện các thủ tục nhập khẩu, lưu kho và phân phối trực tiếp đến khách hàng hoặc đại lý.

Các chi phí liên quan đến chi phí nguyên vật liệu của Công ty thể hiện trên Báo cáo tài chính là các chi phí trang thiết bị, công cụ dụng cụ, văn phòng phẩm,... và các chi phí hành chính khác, không liên quan đến chi phí nguyên vật liệu đầu vào cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

10.14 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/ dịch vụ

Công ty đã hoàn thiện chính sách quản lý chất lượng theo những chương trình hoạt động cụ thể sau:

- Đảm bảo thực hiện tốt công tác đào tạo để đảm bảo đội ngũ nhân viên có đầy đủ năng lực và kỹ thuật hoàn thành công việc được giao.
- Công ty luôn quan tâm cải tiến chất lượng dịch vụ cung ứng, hướng đến các tiêu chí: an toàn, chính xác và hiệu quả.
- Sự phát triển bền vững của Công ty luôn gắn với lợi ích của khách hàng, không ngừng nâng cao lợi ích cho CBCNV và cổ đông của Công ty.
- Công ty luôn chú trọng thực hiện đầu tư trang thiết bị, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý.

Công ty đã xây dựng quy trình quản lý chất lượng dịch vụ chặt chẽ, bao gồm các tiểu quy trình để quản lý ngân sách, chi phí, tiến độ, chất lượng dịch vụ và đáp ứng các yêu cầu pháp lý. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty có trách nhiệm kiểm tra và quản lý chất lượng các hàng hoá, đảm bảo tiêu chí chất lượng bán giao lên hàng đầu.

Hàng hóa của Công ty là xe cơ giới nhập khẩu 100% nguyên chiếc từ Trung Quốc, nên toàn bộ quy trình nhập khẩu và kiểm tra chất lượng đều được thực hiện theo cơ chế kiểm soát khép kín của Cục Hải quan và Cục Đăng kiểm Việt Nam. Trước khi mở tờ khai hải quan, Công ty phải đăng ký kiểm tra chất lượng và xin cấp chứng chỉ chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới nhập khẩu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam theo quy định tại Thông tư 31/2011/TT-BGTVT, Thông tư 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư 16/2022/TT-BGTVT. Chỉ khi hồ sơ được Cục Đăng kiểm chấp thuận, hàng hóa mới được phép mở tờ khai hải quan để làm thủ tục nhập khẩu.

Sau khi hoàn tất nghĩa vụ thuế (thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu), hàng hóa chỉ ở trạng thái tạm thông quan. Xe chỉ được chính thức thông quan và đủ điều kiện lưu hành tại Việt Nam khi Cục Đăng kiểm hoàn tất việc kiểm tra thực tế và cấp Giấy chứng chỉ chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho từng số khung, số máy. Quy trình này được áp dụng thống nhất cho tất cả các loại xe cơ giới nhập khẩu nguyên chiếc.

Do đó, rủi ro về chất lượng hàng hóa hầu như không phát sinh, bởi hàng hóa của Công ty chỉ được phép nhập khẩu, thông quan và lưu hành khi đã đạt đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật và môi trường do cơ quan quản lý Nhà nước Việt Nam thẩm định và phê duyệt. Toàn bộ quy trình kiểm định được thực hiện bởi cơ quan chuyên ngành, đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ pháp luật.

11 Chính sách đối với người lao động

11.1 Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty

Tổng số lao động của toàn Công ty đến thời điểm 31/12/2024 là 310 người và 30/9/2025 là 358 người với cơ cấu như sau:

Bảng 11: Tình hình lao động của Công ty

Cơ cấu lao động	Số lượng 31/12/2023 (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng 31/12/2024 (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng 30/09/2025 (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết
Phân loại theo trình độ chuyên môn	319	100%	310	100%	358	100%	315
• Đại học, trên Đại học	90	28,2%	157	50,6%	146	41%	124
• Kỹ sư, cử nhân	69	21,6%	12	3,9%	53	15%	41
• Cao đẳng	76	23,8%	55	17,7%	68	19%	66
• Sơ cấp, trung cấp	66	20,7%	63	20,3%	21	6%	65
• Lao động khác	18	5,6%	23	7,4%	70	20%	21
Phân loại theo hợp đồng lao động	319	100%	310	100%	358	100%	315
• Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	8	2,5%	16	5,2%	9	2,5%	12
• Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	191	59,9%	96	31,0%	112	31,3%	144
• Lao động làm việc theo HĐLĐ từ đủ 12 tháng đến dưới 36 tháng	106	33,2%	153	49,4%	236	65,9%	130
• Lao động làm việc thời hạn dưới 12 tháng	14	4,4%	45	14,5%	1	0,3%	30

Nguồn: VVS

Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý nhiều kinh nghiệm, đã trưởng thành qua nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và phân phối xe. Có đội ngũ nhân viên rất nhiệt huyết và nhiều kinh nghiệm, được đào tạo và trang bị những kiến thức, kỹ năng tối ưu để đáp ứng với thị hiếu, nhu cầu của khách hàng và thị trường cạnh tranh khốc liệt hiện nay.

11.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp**a. Chế độ làm việc:**

Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động với thời gian làm việc 8h/ngày và 24 ngày làm việc/tháng. Người lao động được nghỉ cuối tuần Chiều Thứ 7 và ngày Chủ nhật để nghỉ ngơi tái tạo sức lao động.

Điều kiện làm việc: văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp thì công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Ban Giám đốc Công ty nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty. Chính vì thế, Công ty luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng, đào tạo và tái đào tạo nhân lực, đồng thời có chính sách ưu đãi đối với CBCNV chủ chốt để đảm bảo và ngày càng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Công ty. Cụ thể như sau:

- Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.
- Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

c. Chính sách lương thưởng, phúc lợi

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương theo cơ sở thang bảng lương dựa trên quy định chung của Nhà nước và tham khảo các đơn vị cùng ngành, hệ suất năng suất của từng cá nhân và dựa trên tình hình kinh doanh của Công ty.
- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên sự gia tăng hiệu quả đóng góp, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, cán bộ công nhân viên chủ chốt trong Công ty còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công ty và do Đại hội Cổ đông quy định.
- Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

d. Tổ chức đoàn thể

- Công ty rất quan tâm và có các chính sách khuyến khích các hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi, đời sống tinh thần của toàn thể nhân viên.
- Tất cả CBCNV của Công ty đều được ký kết hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn theo quy định.
- Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty xây dựng chính sách thưởng định kỳ hàng năm và chính sách thưởng nóng, thưởng theo kết quả kinh doanh và mức độ cống hiến cho CBCNV vào các dịp lễ, tết.
- Ngoài ra, hàng năm Công ty luôn có các chương trình giúp đỡ những CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn và chương trình hỗ trợ cho nhân viên có thu nhập thấp hoặc tạm ứng lương để giải quyết khó khăn.

11.3 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Công ty không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động. Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị quyết định và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động cho từng đợt phát hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật

12 Chính sách cổ tức

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Sau khi Công ty đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính đầy đủ cho Nhà nước và người lao động theo quy định, thì phần lợi nhuận còn lại sẽ được Công ty giữ lại để tái đầu tư và chi trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt (hoặc chuyển khoản) tùy thuộc vào điều kiện thực tế hàng năm phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Từ năm 2021 đến năm 2023, Công ty không chia lợi nhuận để lại, thể hiện sự cam kết của các cổ đông cũ trong việc tiếp tục đầu tư cho công ty phát triển; không chi trả cổ tức nhằm bổ sung vốn lưu động nhằm đáp ứng đủ nguồn vốn cho kế hoạch tăng trưởng kinh doanh. Sau khoảng thời gian không ngừng đầu tư và phát triển, năm 2025 Công ty dự kiến sẽ chia cổ tức tỷ lệ 10% bằng tiền mặt theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2025/NQ-ĐHCĐTN-VIMID ngày 19 tháng 04 năm 2025 về phân phối lợi nhuận năm 2024. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10% theo thông báo số 48/2025/TB-VIMID ngày 30/07/2025, với ngày thực hiện thanh toán là 28/08/2025.

13 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

14 Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu

Không có

15 Thông tin về cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Không có

16 Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15

Không có

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

V KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH**1 Kết quả hoạt động kinh doanh****1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật Kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty*Đơn vị tính: Triệu Đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng giảm	9T2025
1	Tổng giá trị tài sản	1.870.801	2.315.626	23,8%	5.200.955
2	Vốn chủ sở hữu	284.095	352.531	24,1%	501.292
3	Doanh thu thuần	2.265.032	3.891.110	71,8%	5.444.305
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22.281	91.285	309,7%	213.354
5	Lợi nhuận khác	(504)	(2.924)	-	(476)
6	Lợi nhuận trước thuế	21.778	88.361	305,7%	212.878
7	Lợi nhuận sau thuế	17.272	68.436	296,2%	170.286
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Vốn điều lệ	-	-	-	10%
9	Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	10%
10	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	6,08%	21,50%	-	-

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC 9 tháng năm 2025

Trong giai đoạn từ năm 2023 đến kết thúc 9 tháng đầu năm 2025, tình hình tài chính của doanh nghiệp đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tổng giá trị tài sản tăng từ 1.870.801 triệu đồng vào năm 2023 lên 2.315.626 triệu đồng trong năm 2024 (tăng 23,8%) và đạt 5.200.955 triệu đồng trong 9 tháng đầu năm 2025, nhờ nhu cầu gia tăng tích cực của thị trường và khách hàng làm động lực cho Công ty tăng cường vốn lưu động tại các hạng mục phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho để cung ứng sản phẩm. Vốn chủ sở hữu cũng tăng trưởng ổn định, từ 284.095 triệu đồng lên 352.531 triệu đồng (tăng 24,1%) và tiếp tục đạt 501.292 triệu đồng trong 9 tháng đầu năm 2025 nhờ nguồn lợi nhuận Công ty cải thiện rõ rệt góp phần gia tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) cải thiện đáng kể, từ 6,08% năm 2023 lên 21,50% trong năm 2024, cho thấy doanh nghiệp đang sử dụng hiệu quả nguồn vốn để tạo ra lợi nhuận.

Xét riêng về chỉ tiêu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp, trong năm 2023, Công ty có sự sụt giảm lần lượt là 55,3% và 18,9% so với cùng kỳ (năm 2022 đạt lần lượt 4.094 tỷ VNĐ và 267 tỷ VNĐ) trong bối cảnh có nhiều bất ổn của tình hình kinh tế thế giới, lạm phát tăng cao cùng với sự bất ổn của tỉ giá USD/VND ảnh hưởng tới nhu cầu xe tải, sửa chữa, bảo hành, bảo trì và cung cấp phụ tùng mà Công

ty cung cấp. Mặc dù vậy, nhờ công tác kiểm soát chi phí đặc biệt là giá vốn và chi phí lãi vay (đảm phân giảm giá chiết khấu với nhà cung cấp để giảm giá vốn; sử dụng linh hoạt dòng tiền từ kinh doanh để tích cực thu nợ trước hạn để kiểm soát chi phí lãi vay), cùng với các chính sách bán hàng (khách hàng (i) phải đặt cọc ngay khi ký hợp đồng, (ii) đối ứng bằng tiền mặt khi rút hồ sơ xe, (iii) sau đó ngân hàng giải ngân phần còn lại) nhằm thúc đẩy tiêu thụ, mặc dù doanh thu thu hẹp nhưng biên lợi nhuận được cải thiện đáng kể so với năm 2022, trong đó biên lợi nhuận gộp đạt 9,59% trong năm 2023 (năm 2022 đạt 6,53%), và biên lợi nhuận ròng đạt 0,76% trong năm 2023 (năm 2022: 0,69%).

a) Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng mạnh qua các năm (từ năm 2023 đến nay)

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2023, 2024 và 9 tháng đầu năm 2025 ghi nhận lần lượt là 28 tỷ đồng, (tăng 62,73% so với năm 2022), 68 tỷ đồng (tăng 296,2% so với năm 2023) và 170 tỷ đồng (tăng 173,70% so với cùng kỳ năm 2024). Nguyên nhân xuất phát từ hai lý do chính:

(i) Doanh thu thuần tăng mạnh:

Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp đạt 2.265 tỷ đồng trong năm 2023, tăng mạnh lên 3.891 tỷ đồng trong năm 2024 (tăng khoảng 71,79%), và đạt 5.444 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu của việc tăng doanh thu trong giai đoạn 2023 đến nay do nhu cầu vận tải hàng hóa, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng, khai thác khoáng sản, logistics và nông sản tại Việt Nam gia tăng tăng, kéo theo nhu cầu về xe tải hạng trung, hạng nặng và sơ mi-rơ moóc. Đồng thời, Công ty là đại diện uỷ quyền phân phối chính thức của SINOTRUK tại Việt Nam cung cấp các sản phẩm xe ô tô tải, xe đầu kéo, xe tải tự đổ, xe chuyên dụng và phụ tùng chính hãng, nhờ vậy Công ty được khách hàng tin cậy về chất lượng sản phẩm, dịch vụ bảo hành, phụ tùng chính hãng, qua đó củng cố uy tín và gia tăng doanh số bán hàng. Ngoài ra, Công ty đã phát huy được công tác dự báo nhu cầu thị trường đúng đắn, vì vậy đã tích lũy nguồn lực và tăng số lượng đặt nhập khẩu hàng hoá, đi trước đón đầu nhu cầu thị trường tăng trưởng mạnh từ nửa cuối năm 2023 đến nay, kết quả VVS đã ký kết các hợp đồng phân phối quy mô lớn đối với các xe tải hạng trung và hạng nặng, trong đó, đã bàn giao 1.999 xe trong năm 2023, 3.412 xe trong năm 2024 và 4.650 xe trong 9 tháng đầu năm 2025, ghi nhận mức doanh thu lần lượt 2.265 tỷ đồng, 3.891 tỷ đồng và 5.444 tỷ đồng.

(ii) Chi phí được kiểm soát và có xu hướng giảm

Chi phí tài chính có xu hướng giảm mạnh qua các năm, từ 225,1 tỷ đồng (chiếm 9,94% doanh thu thuần) năm 2023, xuống còn 125,99 tỷ đồng (3,24% doanh thu thuần) năm 2024, và tiếp tục giảm còn 93,9 tỷ đồng (1,72% doanh thu thuần) trong 9 tháng đầu năm 2025.

Đặc biệt, nhờ vào việc Công ty đã linh hoạt trong việc sử dụng phương thức thanh toán các đơn hàng, chuyển từ hình thức LC UPAS có kỳ hạn tối đa 359 ngày sang LC trả chậm có kỳ hạn từ 90 đến 360 ngày với chi phí rẻ hơn. Phí LC UPAS được tính trên cơ sở lãi suất SOFR (Secured Overnight Financing Rate) theo tháng cộng với biên chi phí của ngân hàng tài trợ (ngân hàng nước ngoài) và ngân hàng mở LC (ngân hàng trong nước). SOFR là một lãi suất chuẩn cho các khoản vay và công cụ phái sinh bằng đồng đô la Mỹ (USD) vì vậy SOFR tháng biến động mạnh trong năm 2024 do FED duy trì nền lãi suất cao. Trong khi đó, LC trả chậm thông thường thì chỉ chịu phí LC trả chậm của các ngân hàng thương mại trong nước quy định cho từng kỳ hạn.

Bên cạnh đó, từ năm 2023 đến nay, Công ty đã cẩn trọng hơn trong việc quản trị tỷ giá bằng việc sử dụng các hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn (forward), lựa chọn các thời điểm tỷ giá xuống thấp để mua tỷ giá cho các nghĩa vụ phải thanh toán trong tương lai, nhờ vậy giảm mạnh chi phí tài chính. Việc gia tăng các nguồn doanh thu và giảm các chi phí khiến lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng lên tương ứng.

b) Cơ sở tạo ra doanh thu hoạt động chính từ năm 2023 đến nay

Cơ chế tạo doanh thu hoạt động chính của Công ty được vận hành theo mô hình thương mại khép kín, trong đó nguồn hàng được nhập khẩu thông qua các hợp đồng LC (UPAS và LC trả chậm) có kỳ hạn từ 90 đến 360 ngày, giúp Công ty chủ động dòng vốn lưu động và tối ưu hiệu quả tài chính.

Sau khi ngân hàng tài trợ mở LC, Công ty tiến hành nhập khẩu xe, đồng thời duy trì tỷ lệ kỷ quỹ và các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn (không quá 12 tháng) dùng làm tài sản thế chấp tại ngân hàng từ nguồn tiền bán hàng thu về song song với từng nghĩa vụ LC, vừa đảm bảo thanh toán khi đến hạn vừa tạo thêm nguồn thu lãi tiền gửi.

Về bán hàng, Công ty áp dụng chính sách "thu tiền trước – giao xe sau", theo đó khách hàng (cá nhân, hộ kinh doanh hoặc/và doanh nghiệp) thanh toán tối thiểu từ 25% giá trị xe bằng tiền mặt (tùy thuộc vào tỷ lệ tài trợ mua xe của từng ngân hàng), phần còn lại do ngân hàng của khách hàng giải ngân trực tiếp vào tài khoản của Công ty. Chỉ khi nhận đủ 100% giá trị hợp đồng, Công ty mới thực hiện giao xe, qua đó đảm bảo dòng tiền thu về an toàn, hạn chế rủi ro công nợ và tạo tính minh bạch trong ghi nhận doanh thu. Do đặc thù giá trị xe lớn (trung bình khoảng 1,2 tỷ đồng/xe), khoảng 80% khách hàng mua xe sử dụng tín dụng ngân hàng, nên toàn bộ quy trình từ nhập khẩu – thanh toán – giao hàng đều được kiểm soát chặt chẽ thông qua các ngân hàng thương mại.

Song song đó, Công ty chú trọng quản trị hàng tồn kho và kế hoạch bán hàng theo hướng linh hoạt, bảo đảm mỗi lô hàng nhập khẩu có tối thiểu 30% xe đã được khách hàng đặt cọc, duy trì lượng tồn kho khoảng 1.500–2.000 xe đủ để đáp ứng nhu cầu bán trong 3 – 4 tháng.

Như vậy, doanh thu của Công ty hình thành trên cơ sở hoạt động thương mại nhập khẩu – phân phối xe tái kết hợp với cơ chế tài trợ thương mại qua LC, chính sách bán hàng thu tiền trước, quản trị hàng tồn kho hợp lý và hệ thống phân phối toàn quốc. Các yếu tố này giúp Công ty duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu bền vững, đảm bảo thanh khoản và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn trong suốt giai đoạn 2023 đến nay.

c) Thông tin về hoạt động bảo hiểm tỷ giá

Để chủ động quản trị rủi ro tỷ giá phát sinh từ các nghĩa vụ thanh toán nhập khẩu theo hợp đồng LC trả chậm, Công ty đã triển khai sử dụng Hợp đồng bảo hiểm tỷ giá (Forward) với các ngân hàng thương mại. Đây là công cụ tài chính cho phép Công ty mua ngoại tệ với tỷ giá được ấn định trước tại thời điểm ngân hàng phát hành LC chấp nhận thanh toán cho bộ chứng từ của từng hợp đồng nhập khẩu theo hình thức LC, nhưng việc thanh toán được thực hiện vào một thời điểm xác định trong tương lai (từ 2 đến 365 ngày). Trong thực tế, nghĩa vụ thanh toán của Công ty thường phát sinh vào ngày $(T+n)$, do đó khi nhận định tỷ giá tại ngày T đang ở mức thấp và có khả năng tăng trong thời gian tới, Công ty sẽ mua hợp đồng bảo hiểm tỷ giá với tỷ giá forward = tỷ giá giao ngay (spot) + biên độ forward (gap) do ngân hàng thông báo. Việc thực hiện hợp đồng này giúp Công ty cố định giá mua ngoại tệ trong tương lai, bảo vệ biên lợi nhuận và tránh rủi ro biến động tỷ giá bất lợi. Hiện tại, Công ty đã hoàn thành mua hợp đồng bảo hiểm tỷ giá (FW) toàn bộ cho các món thanh toán LC trong năm 2025 với các ngân hàng mở LC. Các hợp đồng này có tính ràng buộc cao, thường không được phép hủy ngang. Công ty luôn chủ động theo dõi biến động tỷ giá và lên kế hoạch mua FW phù hợp cho năm tài chính tiếp theo, đảm bảo duy trì hiệu quả sử dụng vốn và ổn định chi phí ngoại tệ trong toàn bộ chu kỳ nhập khẩu.

Ý kiến của kiểm toán viên tại Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số 26/2024/BCTC/AASCN.PB ngày 18/03/2024 do Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt thực hiện):

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp."

Ý kiến của kiểm toán viên tại Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 (đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số 200325.031/BCTC.KT1 ngày 20/03/2025 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện):

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp."

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Những nhân tố thuận lợi

- Trong năm 2024, Chính phủ Việt Nam đã có những chính sách thúc đẩy việc sản xuất, lắp ráp và kinh doanh đối với toàn ngành ô tô và phụ tùng nói chung, đặc biệt là những ưu đãi về việc giảm 50% lệ phí trước bạ hay miễn đăng kiểm lần đầu, kéo dài chu kỳ kiểm định nhiều loại xe đã giúp cho thị trường xe tại Việt Nam có những bước phát triển tốt hơn bao giờ hết.
- Vào ngày 29/08/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2024/NĐ-CP có thời hạn đến hết ngày 30/11/2024, quy định về việc hạ 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi sơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước đã giúp thị trường xe ô tô nói chung và thị trường ngành xe tải hạng trung – nặng nói riêng đón nhận nhiều tin hiệu khởi sắc, góp phần thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận quý III/2024 và Quý IV/2024 của nhiều doanh nghiệp ngành ô tô trong đó có VIMID.
- Cùng với đó, ảnh hưởng tích cực của Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT ngày 21 tháng 03 năm 2023 quy định miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới chưa qua sử dụng; điều chỉnh chu kỳ kiểm định tăng thêm 6 tháng đối với nhóm ô tô tải các loại, ô tô đầu kéo so với quy định chu kỳ kiểm định trước đây đã tạo tiền đề kích cầu từ phía người tiêu dùng và các doanh nghiệp kinh doanh, khiến cho đã phục hồi ngành xe ô tô trở nên vô cùng sôi động và rõ ràng, đặc biệt là trong Quý 3 năm 2024.
- Các dự án phát triển hạ tầng dần ảm lại trên toàn quốc, bắt đầu từ khu vực phía Bắc bao gồm Bắc Giang, Hà Nam, Ninh Bình... sau một năm 2023 đình trệ. Các dự án đầu tư công tích cực được giải ngân giúp cho các doanh nghiệp, nhà thầu hoạt động trong lĩnh vực xây dựng – xây lắp dần có nguồn lực tài chính để đầu tư vào đội xe phục vụ san lấp, vận chuyển, logistics, trộn bê tông... Đây là yếu tố lớn nhất ảnh hưởng tích cực tới hoạt động của VIMID trong năm 2024.
- Trong 9 tháng đầu năm 2025, theo báo cáo của Bộ Tài chính, lũy kế giải ngân vốn đầu tư công từ đầu năm tới hết ngày 30/9/2025 đạt khoảng 440.402,3 tỷ đồng, đạt khoảng 50% kế hoạch năm do Chính phủ Việt Nam giao, cao hơn cùng kỳ năm trước khoảng 4,5 điểm phần trăm (tương đương lớn hơn khoảng 132.564,6 tỷ đồng). Giải ngân vốn đầu tư công tiếp tục đóng vai trò là một trong những động lực chính của nền kinh tế, khi các dự án trọng điểm được tập trung đẩy nhanh tiến độ, tạo ra sức lan tỏa tới các ngành cơ khí, vận tải và logistics, điều này có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của Công ty. Đến nay, cả nước đã hoàn thành, đưa vào khai thác 16 tuyến cao tốc, nâng tổng số đường bộ cao tốc từ 1.327 km lên 2.268 km, đảm bảo hoàn thành mục tiêu 3.000 km đường cao tốc trong năm 2025. Trong bối cảnh đất nước sắp xếp lại kể từ 1/7/2025, Bộ Tài chính cho biết sẽ quyết liệt chỉ đạo, tổ chức triển khai bảo đảm không để xảy ra tình trạng đứt gãy, gián đoạn trong việc thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công trong giai đoạn sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp; phối hợp với các bộ, ngành, địa phương cùng nỗ lực để đảm bảo tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 đạt 100% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đóng góp tích cực vào mục tiêu tăng trưởng GDP 8%. Theo đó, các nhóm công ty đầu tư công là khách hàng của VIMID hiện có triển vọng sáng, tăng trưởng bền vững, đi lên theo đà tăng tốc của giải ngân vốn đầu tư công; là nền tảng để củng cố kết quả kinh doanh của VIMID trong năm 2025.

Những nhân tố khó khăn

- Bước vào đầu năm 2024, các doanh nghiệp nói riêng và toàn nền kinh tế nói chung tiếp tục phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức đến từ cả yếu tố trong và ngoài nước. Suy thoái toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, cùng với căng thẳng địa chính trị kéo dài, xu hướng toàn cầu hoá đảo ngược, các kịch bản xoay quanh cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ cùng nhiều sự kiện kinh tế - chính trị khác đã khiến bức tranh kinh tế vốn đã phân hoá lại trở nên ngày càng phức tạp hơn. Với Việt Nam, nền kinh tế vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn như tiêu dùng bán lẻ phục hồi chậm hơn dự kiến khiến cho lĩnh vực logistics phát triển chậm lại, thị trường tiêu dùng hàng nhập khẩu gặp nhiều trở ngại do cặp tỷ giá USD-VND biến động khó lường.
- Lạm phát và tỷ giá tăng cao đẩy giá nhập khẩu, chi phí bán hàng và chi phí quản lý tăng, buộc Công ty cổ thời điểm phải tăng giá bán để bảo vệ biên lợi nhuận, dẫn đến căng thẳng khi đối phó với áp lực cạnh tranh khi các đối thủ cạnh tranh đưa ra các chính sách giảm giá để dành thị phần.
- Ảnh hưởng từ việc thị trường bất động sản đóng băng và chậm trễ trong giải ngân đầu tư công khiến cho nhiều nhà thầu không có khả năng tiếp tục dự án, dự án bị đình trệ kéo dài dẫn đến nhu cầu về sử dụng, thay mới các xe phục vụ cho việc xây dựng như xe tải, xe ben, xe trộn bê tông sụt giảm. Tuy nhiên các yếu tố này đã giảm bớt tính bất lợi vào nửa cuối năm 2024.
- Tính đến hết ngày 30/9/2025, tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ở mức 25.187 VND/USD, tăng so với đầu năm. Mặc dù chỉ số đồng USD (DXY) có xu hướng giảm trên thị trường quốc tế, nhưng VND vẫn chịu áp lực mất giá so với nhiều ngoại tệ trong khu vực. Tỷ giá tăng cao ảnh hưởng trực tiếp tới giá thành sản phẩm của Công ty, đặt ra yêu cầu quản lý chi phí tài chính, chi phí hoạt động một cách chặt chẽ hơn để đảm bảo giá bán sản phẩm duy trì được sức cạnh tranh, đồng thời bảo đảm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty theo kế hoạch.

Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Không có

2 Tình hình tài chính**2.1 Các chỉ tiêu cơ bản**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của VIMID trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo. Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100 cấp lần đầu ngày 05/03/2010, thay đổi lần thứ 17 ngày 20/08/2025. Vốn điều lệ tại 30/09/2025 của Công ty là 215.250.000.000 đồng.

Nguồn vốn kinh doanh và vốn điều lệ của Công ty đã được sử dụng một cách hợp lý và hiệu quả vào hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã tăng vốn điều lệ và sử dụng vốn vay để tăng quy mô vốn hoạt động, mở rộng năng lực kinh doanh với các hợp đồng có giá trị lớn, đồng thời bổ sung vốn cho các hoạt động kinh doanh hợp pháp khác của Công ty.

Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính bao gồm:

Bảng 13. Vốn kinh doanh của Công ty giai đoạn 2023 đến nay

Đơn vị: triệu đồng

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
1	Vay ngắn hạn	340.251	276.345	547.125
2	Vay dài hạn	0	0	0
3	Vốn chủ sở hữu	284.095	352.531	501.292
	<i>Trong đó:</i>			
	Vốn góp của chủ sở hữu	215.250	215.250	215.250
	Thặng dư vốn cổ phần	4.325	4.325	4.325
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	64.520	132.956	281.717

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý III năm 2025 của Công ty

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại theo đúng quy định.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp. Đồng thời, Công ty không có sự thay đổi trong chính sách khấu hao từ năm 2021 đến nay. Tài sản cố định được khấu hao cụ thể như sau:

Bảng 14. Khấu hao TSCĐ

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 năm
+ Máy móc và thiết bị	03 - 05 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 05 năm
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	38 năm
+ Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

2.1.3. Mức lương bình quân

Bảng 15. Số lượng lao động và mức thu nhập bình quân

Năm	2023	2024	9T2025
Lao động bình quân (người)	319	310	358
Mức thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12.388.210	17.232.884	16.775.681

Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam

Tất cả CBCNV của Công ty đều được ký kết hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn theo quy định. Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty còn có thưởng thêm cho CBCNV vào các dịp lễ, tết. Ngoài ra, hàng năm Công ty trích một phần lợi nhuận xây dựng quỹ phúc lợi để giúp đỡ những CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn và chương trình hỗ trợ cho nhân viên có thu nhập thấp hoặc tạm ứng lương để giải quyết khó khăn.

Mức thu nhập bình quân của Công ty cao hơn so với mức thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam năm 2023 và 2024, theo đó, căn cứ theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam, thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam năm 2023 và 2024 lần lượt là 4,96 triệu đồng/người/tháng và 7,7 triệu đồng/người/tháng.

Theo số liệu từ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP. Hà Nội, mức lương bình quân năm 2024 của người lao động trên địa bàn thành phố có chiều hướng tăng đồng đều ở tất cả các loại hình doanh nghiệp:

STT	Khu vực	Lương trung bình năm 2024
1	Khu vực Hà Nội & TP.HCM (thị trường lao động lớn)	Lương trung bình: 12 – 15 triệu VNĐ/người/tháng.
2	Khu vực tỉnh/thành phố khác	Lương trung bình: 8 – 12 triệu VNĐ/người/tháng (tùy ngành nghề)

Mức lương trung bình của VIMID năm 2024 là 17,23 triệu VNĐ/người/tháng, cao hơn đáng kể so với mức trung bình của các loại hình doanh nghiệp tại Hà Nội.

Công ty không có thông tin so sánh với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

2.1.4. Tình hình công nợ

Bảng 16. Tình hình công nợ hợp nhất của Công ty giai đoạn 2023; 2024 và Quý 3 năm 2025

Đơn vị: triệu đồng

Năm	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/giảm	30/09/2025
Nợ phải thu	1.268.358	1.406.937	10,93%	3.766.925
Nợ phải trả	1.586.706	1.963.094	23,72%	4.699.662

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý III năm 2025 của Công ty

2.1.5. Các khoản phải thu

Bảng 17. Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
1	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.267.347	1.405.927	3.760.249
-	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	153.165	183.010	323.885
-	Trả trước người bán ngắn hạn	28.683	30.500	1.352
-	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-
-	Phải thu ngắn hạn khác (*)	1.085.499	1.192.417	3.435.013
2	Các khoản phải thu dài hạn	1.011	1.011	6.676

-	Phải thu dài hạn khác	1.011	1.011	6.676
Tổng cộng		1.268.358	1.406.938	3.676.925

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC tự lập Quý III/2025

(*) Phải thu ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn tối đa 01 năm tại các ngân hàng thương mại, đang được thế chấp đảm bảo cho các hợp đồng hạn mức tín dụng, với mục đích chủ yếu là để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán quốc tế của công ty (thanh toán LC UPAS, LC trả chậm), lãi suất tiền gửi từ 0,5%/năm đến 6,00%/năm, tùy kỳ hạn.

❖ Kế hoạch thu tiền trong ngắn hạn

Căn cứ vào đặc thù hoạt động kinh doanh và cơ cấu tài sản ngắn hạn tại ngày 30/9/2025, kế hoạch thu tiền trong ngắn hạn của Công ty được xây dựng trên cơ sở luân chuyển vốn từ các khoản phải thu và hàng tồn kho. Trong thời gian tới, Công ty dự kiến thu hồi các khoản ký quỹ mở LC bằng hợp đồng tiền gửi và hợp đồng tiền gửi thế chấp khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán với ngân hàng và nhà cung cấp (dự kiến 3.346 tỷ đồng) và khoản lãi từ hợp đồng tiền gửi (dự kiến 54 tỷ đồng), qua đó chuyển hóa các khoản phải thu khác thành tiền. Bên cạnh đó, các khoản phải thu từ khách hàng sẽ tiếp tục được thu hồi đúng hạn do hầu hết khách hàng đều có đặt cọc và đang trong thời gian chờ ngân hàng giải ngân cho khoản thanh toán mua xe, hạn chế rủi ro nợ quá hạn. Với chu kỳ nhập khẩu, bán hàng thường kéo dài 3-6 tháng, lượng hàng tồn kho tăng vào giữa năm sẽ được tiêu thụ trong các tháng cuối năm, tạo dòng tiền thu về ổn định, phục vụ cho hoạt động kinh doanh và nghĩa vụ thanh toán ngắn hạn của Công ty.

❖ Tỷ lệ nợ quá hạn; Nợ xấu; Chính sách trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Tính đến thời điểm lập 30/09/2025, Công ty không có các khoản nợ quá hạn hoặc nợ xấu phát sinh. Điều này xuất phát từ chính sách bán hàng thận trọng của Công ty: chỉ thực hiện xuất bán khi khách hàng đã có đủ nguồn tiền đối ứng. Nguồn tiền đối ứng này đến từ hai hình thức chính:

- Tiền mặt hoặc chuyển khoản trực tiếp từ khách hàng;
- Khoản giải ngân từ ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng dành cho người mua xe.

Nhờ cơ chế này, rủi ro phát sinh công nợ khó đòi gần như không xảy ra, do doanh thu chỉ được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán của khách hàng đã được đảm bảo. Vì vậy, Công ty không phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại kỳ báo cáo, phù hợp với chuẩn mực kế toán và tình hình thực tế hoạt động kinh doanh.

Mặc dù thực tế không phát sinh các khoản nợ quá hạn hoặc nợ xấu, tuy nhiên, Công ty vẫn đảm bảo tuân thủ các chính sách trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn hiện hành trong trường hợp có phát sinh.

Chi tiết về các khoản nợ phải thu có giá trị lớn:

(I) Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiết	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	153.165	183.010	323.885
CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG HUY HÙNG	3.900	-	-
CÔNG TY TNHH MINH SÁNG	1.720	-	-

Chi tiết	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VẬT LIỆU MIPECONS	2.240	-	-
CÔNG TY CP cộng đồng xe tải Việt Nam	97.400	148.620	204.002
CÔNG TY TNHH VẬN TẢI LONG DƯƠNG	2.275	-	-
CÔNG TY TNHH TM&DV LUẬN TRIỀU PHÁT	1.060	-	-
NGUYỄN XUÂN LỰC	1.500	-	-
NGUYỄN VĂN LỢI	1.100	-	-
NGÔ VIỆT HƯNG	1.030	-	-
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ CHAILEASE	-	2.178	-
TRẦN VĂN LUẬT	-	1.990	-
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGUYỄN HƯNG	-	1.904	-
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC AN HƯNG YẾN	-	1.550	-
NGUYỄN NGỌC HOÀNG YẾN	-	1.235	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Phúc Thịnh	-	1.240	-
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI MTK	-	1.175	-
TRẦN THỊ DUYẾN	-	1.140	-
CÔNG TY TNHH KHO VẬN BÌNH DƯƠNG	-	1.080	-
CÔNG TY TNHH HƯNG KHANG NGHĨA	-	1.099	-
CÔNG TY TNHH VẬN TẢI XUÂN TÙNG			5.565
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH			2.050
CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI CHÂU HẠ			4.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ và xây dựng Dũng Bích			2.580
CÔNG TY TNHH NDP LOGISTICS			2.580
PHẠM NGỌC SƠN			2.987
CÔNG TY TNHH NTL GROUP			2.975
Các khách hàng khác	40.940	19.799	97.146

(iii) Các khoản phải thu khác:

Các khoản phải thu khác bao gồm các khoản tiền gửi thế chấp đảm bảo khoản vay được chi tiết tại bảng sau:

- Chi tiết theo nội dung

	30/09/2025	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi thế chấp đảm bảo khoản vay	3.317.188.630.137	1.148.200.000.000	987.853.519.863

- Chi tiết theo đối tượng

Đơn vị tính: đồng

	30/09/2025	31/12/2024	31/12/2023
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - PGD Giảng Võ	391.500.000.000	137.500.000.000	157.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Thăng Long	379.188.630.137	178.800.000.000	142.671.369.863
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – CN Đồng Đô	1.250.000.000.000	448.400.000.000	309.135.300.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Hà Nội	541.000.000.000	217.800.000.000	139.210.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoài Đức	40.000.000.000	75.200.000.000	141.350.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ	193.700.000.000	55.500.000.000	19.100.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	267.800.000.000	35.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	254.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN Hà Nội	-	-	74.686.850.000
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	-	-	4.700.000.000
Tổng cộng	3.317.188.630.137	1.148.200.000.000	987.853.519.863

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại đang được thế chấp để bảo đảm cho các hợp đồng hạn mức tín dụng, lãi suất tiền gửi từ 3,40%/năm đến 6,00%/năm. Tiền gốc của các hợp đồng tiền gửi này tất toán khi đến hạn sẽ được Ngân hàng phong toả lại, và chỉ giải toả cho mục đích thanh toán các nghĩa vụ LC.

2.1.6. Các khoản phải trả

Bảng 18. Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
1	Nợ ngắn hạn	1.566.272	1.945.827	4.699.622
-	Phải trả người bán ngắn hạn	248.658	1.354.484	3.684.441
-	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.308	9.953	75.890
-	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.298	30.615	42.716
-	Phải trả người lao động	7.696	16.086	6.497
-	Chi phí phải trả ngắn hạn	18.638	5.792	4.470
-	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	1.195	1.006
-	Phải trả ngắn hạn khác	942.422	251.377	337.507
-	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	340.251	276.345	547.125
2	Nợ dài hạn	20.434	17.267	-
-	Phải trả người bán dài hạn	20.434	17.267	-
Tổng cộng		1.586.706	1.963.094	4.699.662

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC tự lập Quý III/2025

Chi tiết các khoản nợ phải trả có giá trị lớn

- Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiết	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Phải trả người bán ngắn hạn	248.658	1.354.464	3.684.441
SINOTRUK INTERNATIONAL	245.886	1.340.063	3.635.322
LIUZHOU CHENGLONG SPECIAL PURPOSE VEHICLE CO.,LTD			7.069
GUANGXI NANNING ZHIHE INTERNATIONAL TRADE CO., LTD	-	8.313	-
XINHONG CHANG SPECIAL VEHICLE CO., LTD. OF SANHE CITY	-	-	17.298
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI PHƯƠNG HOÀNG	834	793	1.515
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI	470	470	4.704

Công ty CP thương mại và cơ khí giao thông	344	558	3.945
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI TRUNG CHUYÊN HP	526	606	2.708
Công ty CP thương mại và DVVT Hoàng Hà Phương	248	1.014	1.679
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại và vận tải Việt Hải	169	1.492	3.509
CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP AN NHIÊN	-	822	34
Nhà cung cấp khác	181	333	6.658

- Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.308	9.953	75.890
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HẢI ANH	1.100	-	-
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ VŨ LINH	806	-	2.049
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TRƯỜNG PHÚC	580	-	-
NGUYỄN KIM TRUNG	500	-	-
CÔNG TY TNHH VŨ ĐỨC PHÁT	500	-	-
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÊ TÔNG HIỆP HƯNG	-	1.340	-
Lê Trọng Kiên	-	660	-
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU LỊCH VÀ VẬN TẢI TRUNG THÀNH	-	433	-
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Bắc Hải Nam	-	413	-
PHẠM VĂN ĐỨC	-	410	-
CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ CƠ GIỚI SỐ 8	-	400	-
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SƠN OANH	-	390	-
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VẬN TẢI THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU BÍCH THUY			2.740
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ XE DU LỊCH BẮC NINH FC			9.900

CÔNG TY TNHH HKD VẠN XUÂN			1.950
CÔNG TY TNHH VẠN TÀI YUNYI VIỆT NAM			11.444
CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH TNHH MTV QUỐC TẾ CHAILEASE - CHI NHÁNH HÀ NỘI			3.889
CÔNG TY TNHH TMDV VẠN TÀI PHÁT ĐẠT			2.020
Khách hàng khác	3.822	5.907	41.898

- Phải trả ngắn hạn khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Phải trả ngắn hạn khác	942.422	251.377	337.507
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoài Đức	212.233	45.457	74.390
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Đông Đô (SHB)	183.903	83.579	50.200
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – PGD Giảng Võ	173.767	41.858	109.849
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long	135.214	63.301	74.561
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Tây Hồ	13.101	16.848	22.670
Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN – CN Hà Nội	139.938	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM – CN Hà Nội	70.801	-	-
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	13.402	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)	-	-	5.435
Các đối tượng khác	63	334	403

❖ *Đánh giá khả năng thanh toán đối với các khoản nợ phải trả*

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) tại thời điểm 30/09/2025 như sau:

Đơn vị tính: đồng

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Vay và nợ ngắn hạn	547.124.619.917	-	-	547.124.619.917
Phải trả người bán ngắn hạn	4.021.948.941.855	-	-	4.021.948.941.855
Chi phí phải trả	4.470.029.413			4.470.029.413
Tổng cộng	4.573.543.591.185	-	-	4.573.543.591.185

Công ty đánh giá mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được do cơ chế cân

đổi tài sản thế chấp tại ngân hàng. Theo đó, khi mở LC để nhập khẩu xe tải, Công ty thực hiện ký quỹ tài sản tại ngân hàng với giá trị tương ứng từng lô hàng, bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán quốc tế. Sau khi hàng về và được bán ra, Công ty tiếp tục sử dụng các hợp đồng tiền gửi làm tài sản thế chấp để được ngân hàng cho phép rút hồ sơ xe giao cho khách hàng. Các hợp đồng tiền gửi này được mở với kỳ hạn tương ứng với thời điểm đáo hạn của từng nghĩa vụ LC (tối đa 12 tháng), tạo sự cân đối giữa tài sản đảm bảo và nghĩa vụ phải trả. Khi Công ty thu tiền bán hàng, dòng tiền này sẽ được dùng để tắt toán hợp đồng tiền gửi và thanh toán LC đến hạn, đây là chu trình khép kín. Nhờ cơ chế này, Công ty duy trì được khả năng thanh toán ổn định, hạn chế rủi ro thanh khoản và tối ưu hóa việc sử dụng vốn lưu động trong hoạt động nhập khẩu xe tải.

Bên cạnh đó, Công ty cũng triển khai các giải pháp chủ động nhằm duy trì khả năng thanh toán và bảo toàn dòng tiền, gồm:

- Tối ưu cấu trúc nguồn vốn; phần lớn nghĩa vụ nhập khẩu được thanh toán theo hạn mức trả chậm từ SINOTRUK và các LC trả chậm do ngân hàng trong nước tài trợ, giúp giảm chi phí vốn vay ngắn hạn và hạn chế ảnh hưởng khi lãi suất tăng. Khoản vay và nợ ngân hàng của công ty chủ yếu là khoản vay thanh toán thuế nhập khẩu của các lô hàng, với kỳ hạn dưới 6 tháng để tận dụng lãi suất thấp; đồng thời công ty cũng luôn linh hoạt thu nợ trước hạn các khoản vay và nợ ngân hàng này để kiểm soát chi phí lãi vay.
- Chính sách bán hàng “thu tiền trước, giao xe sau” giúp loại bỏ rủi ro nợ xấu và giữ vững dòng tiền kinh doanh ngay cả trong điều kiện nhu cầu giảm.
- Duy trì danh mục tiền gửi ngắn hạn tương đương nghĩa vụ nợ đến hạn, vừa đảm bảo thanh toán đúng hạn, vừa tạo thêm thu nhập tài chính, hỗ trợ lợi nhuận.
- Quản trị hàng tồn kho linh hoạt với cơ chế nhập hàng gỏi đầu và khả năng điều tiết lượng hàng tồn phù hợp theo tình hình thị trường, VVS hạn chế tồn kho dài ngày và giảm rủi ro suy giảm giá trị hàng hóa.
- Tăng cường hợp tác tín dụng với các ngân hàng thương mại có quan hệ lâu năm, qua đó chủ động được hạn mức tín dụng, tận dụng các gói ưu đãi lãi suất từng thời kỳ, tỷ lệ ký quỹ và phương án tái cấp vốn khi cần.

Nhờ các giải pháp trên, Công ty đảm bảo luôn duy trì khả năng thanh toán ngắn hạn và dài hạn ổn định, không để phát sinh tình trạng mất khả năng trả nợ ngay cả trong trường hợp lãi suất tăng cao hoặc thị trường xe tải tạm thời suy giảm.

❖ *Kế hoạch của Công ty về việc giảm nợ ngắn hạn*

Việc duy trì mức nợ ngắn hạn cao của Công ty là phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh và không phản ánh rủi ro tài chính hay nhu cầu phải giảm nợ. Toàn bộ các khoản nợ ngắn hạn chủ yếu phát sinh từ các nghĩa vụ thanh toán theo hình thức LC (UPAS và LC trả chậm) phục vụ hoạt động nhập khẩu xe tải, đây là cơ chế tài trợ thương mại phổ biến, giúp Công ty kéo dài thời hạn thanh toán từ 90–360 ngày mà không phát sinh áp lực dòng tiền ngay lập tức. Song song đó, Công ty luôn duy trì cơ chế cân đối tài sản thế chấp tại ngân hàng: khi mở LC, Công ty ký quỹ bằng tiền có giá trị tương ứng; khi bán hàng, dòng tiền thu được được sử dụng để mở hợp đồng tiền gửi, thế chấp cho ngân hàng và tắt toán khi LC đến hạn. Nhờ vậy, các khoản phải thu và phải trả luôn được đối ứng và luân chuyển theo từng lô hàng, không tạo ra rủi ro mất cân đối tài chính. Việc duy trì nợ ngắn hạn vì thế là một phần tất yếu trong mô hình tài trợ thương mại của Công ty, giúp tối ưu hóa vốn lưu động, duy trì tính thanh khoản và hỗ trợ tăng trưởng doanh thu. Do đó, việc giảm nợ ngắn hạn là không cần thiết và thậm chí có thể làm giảm hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động nhập khẩu, phân phối xe tải của Công ty.

❖ *Tình hình thanh toán các khoản nợ*

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua. Tính đến 30/09/2025, Công ty không có bất kỳ các khoản nợ phải trả quá hạn. Công ty luôn thanh toán đúng hạn các khoản nợ, đảm bảo uy tín của Công ty. Việc thanh toán các khoản nợ được thực hiện đúng hạn và đầy đủ.

Công ty không vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết (bao gồm các vi phạm của Tổ chức phát hành và công ty con)

2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.

Bảng 19. Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: Triệu Đồng*

TT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
1	Thuế giá trị gia tăng	12	4.403	-
2	Thuế nhập khẩu	-	8.046	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.286	18.111	42.592
4	Thuế thu nhập cá nhân	-	54	0.124
Tổng cộng		1.298	30.615	42.716

*Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC tư lập Quý III/2025***2.1.8. Trích lập các quỹ**

Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ và pháp luật. Tính tới thời điểm 30/09/2025, Công ty chưa có quỹ nào trích lập vì tập trung sử dụng lợi nhuận để phục vụ tái đầu tư, mở rộng hoạt động và làm vốn lưu động.

Đối với trích lập giảm giá hàng tồn kho, đặc thù hàng hoá của Công ty là các mặt hàng không có hạn sử dụng. Do đó, Công ty thực hiện kiểm kê định kỳ hàng tháng đồng thời tiến hành bảo dưỡng hàng tồn kho nhằm đảm bảo hàng hóa luôn giữ được chất lượng 100%.

Về giá trị hàng tồn kho, Công ty đánh giá rằng giá trị ghi sổ không thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập báo cáo tài chính, tức là hàng tồn kho không bị giảm giá trị so với giá thị trường. Vì vậy, căn cứ thực tế đặc thù hàng tồn kho nói trên và theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC cùng các chuẩn mực kế toán hiện hành, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có

2.1.10. Hàng tồn kho**Bảng 20. Tình hình Hàng tồn kho của Công ty***Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	9T2025
1	Nguyên liệu, vật liệu	-	145	-

2	Hàng hóa	506.472	751.278	1.213,852
Tổng cộng		480.105	751.423	1.213,852

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC tự lập Quý III/2025

Đối với xe tồn kho lâu, Công ty có quy định rõ về phương án xử lý, các xe tồn quá 2 năm sẽ được xem là hàng tồn cần thanh lý, và với riêng hàng tồn là xe tải, Công ty sẽ áp dụng chiết khấu khoảng 10% kèm dịch vụ hậu mãi (bảo hành, bảo trì) là có thể thanh lý được ngay. Nhờ vậy, vốn bị đóng trong xe tồn không bán được lâu được giải phóng, rủi ro giảm giá, mất giá do mẫu mã lỗi thời hoặc nhập khẩu lâu được kiểm soát tốt.

Căn cứ quy định tại Điều 4 của Thông tư 48/2019/TT-BTC, doanh nghiệp chỉ phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn vì các lý do sau:

- Theo thuyết minh 2.10 báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ năm 2025 quy định về hàng tồn kho, theo đó, hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được, do đó, không xảy ra trường hợp giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, và không cần trích lập dự phòng.
- Công ty xác định giá bán của hàng tồn kho dựa trên giá nhập khẩu ghi trên tờ khai hải quan cộng với các chi phí đăng kiểm, chi phí kho bãi và các chi phí hợp lý hợp lệ khác. Trong kỳ báo cáo, Công ty không thực hiện bán hàng thấp hơn giá nhập khẩu trên tờ khai hải quan. Điều này cho thấy giá vốn nhập kho cộng với các chi phí phát sinh đã được bù đắp và không xảy ra trường hợp giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, nghĩa là không có chênh lệch giảm giá cần dự phòng.
- Do đặc thù của sản phẩm kinh doanh của Công ty là xe tải (chủ yếu hạng trung và nặng) cũng hỗ trợ cho việc không trích lập dự phòng. Vì mỗi dòng xe có thể có tên gọi giống nhau nhưng động cơ khác nhau, nội thất khác nhau, màu sắc khác nhau nên không có giá tham chiếu chung trên thị trường để so sánh. Công ty dựa trên giá nhập khẩu thực tế và chi phí liên quan để xác định giá bán và giá trị thu hồi, chứ không dựa vào một thị trường tham chiếu chung. Điều này giúp Công ty chứng minh rằng khả năng thu hồi là sát với giá vốn nhập. Số liệu ghi nhận thực tế tại Công ty cho thấy, trung bình giá bán xe tại ngày 30/06/2025 là 1.154 tỷ đồng/xe, trong khi giá gốc trung bình là 1.086 tỷ đồng/xe, chênh lệch giữa trung bình giá bán xe và giá gốc là 68 triệu đồng/xe. Do đó, không có dấu hiệu giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được để phải trích lập.
- Kết hợp với các chính sách quản lý hàng tồn kho tốt, Công ty đã giảm thời gian tồn kho trung bình từ 86 ngày xuống 62 ngày nhờ tăng vòng quay tồn kho và có kế hoạch nhập khẩu, tồn kho rõ ràng, đảm bảo mỗi lô hàng có phần đặt cọc của khách hàng và quản lý tồn kho tối đa để tránh xe nằm kho lâu. Những yếu tố này làm giảm rủi ro hàng tồn kho bị mất giá hoặc khó bán, nên giá trị thu hồi thực tế có khả năng cao và sát với giá vốn nhập.

2.1.11. Tổng dư nợ vay

Bảng 21. Số dư khoản vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
1	Vay ngắn hạn	340.251	276.345	547.125
-	Vay ngân hàng	340.251	276.345	508.125
+	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – PGD Giảng Võ	69.450	83.188	37.341
+	Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Thăng Long	52.791	52.486	52.617
+	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tây Hồ	34.998	6.196	119.619
+	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Đông Đô	-	8.452	9.370
+	Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	-	-	-
+	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	6.222	23.501	23.421
+	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hà Nội	-	-	-
+	Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hoài Đức	176.788	98.323	139.129
+	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	91.558
+	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)	-	4.199	35.070
-	Vay đối tượng khác	-	-	39.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-
Tổng cộng		359.709	276.345	547.125

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC tự lập Quý III/2025

- Nợ quá hạn: Không có.
- Dư nợ bảo lãnh: Không có.
- Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay hiện tại.

Trong bối cảnh lãi suất trong nước dự kiến có xu hướng tăng trong Quý IV/2025, chi phí vốn vay ngắn hạn của VVS có thể chịu tác động nhất định. Tuy nhiên, ảnh hưởng này được Công ty đánh giá là không đáng kể và nằm trong khả năng kiểm soát của Công ty. Phần lớn các nghĩa vụ ngắn hạn của VVS phát sinh từ các hợp đồng sử dụng phương thức thanh toán LC (UPAS và LC trả chậm), đặc trưng của các Hợp đồng LC này là có lãi suất, kỳ hạn và hạn mức đã được cố định ngay tại thời điểm mở LC, do đó không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi biến động lãi suất trong ngắn hạn. Đồng thời, Công ty chủ động duy trì tỷ lệ kỳ quỹ và hợp đồng tiền gửi ngắn hạn song song với từng nghĩa vụ LC, qua đó

tạo nguồn bù đắp chi phí lãi vay phát sinh. Ngoài ra, nhờ đặc thù dòng tiền bán hàng quay vòng nhanh và khả năng dự báo chính xác lịch thanh toán LC, Công ty có thể tối ưu cơ cấu nguồn vốn lưu động, hạn chế tối đa nhu cầu vay bổ sung khi lãi suất tăng. Do vậy, dù mặt bằng lãi suất tăng có thể làm chi phí tài chính chung tăng nhẹ, Công ty vẫn duy trì được khả năng thanh toán và hiệu quả sử dụng vốn ổn định nhờ cơ chế tài trợ thương mại linh hoạt và chính sách quản trị dòng tiền chặt chẽ. Công ty luôn duy trì lịch sử tín dụng tốt và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với ngân hàng trong suốt quá trình vay vốn, qua đó giữ trạng thái nợ ở mức an toàn.

• **Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Công ty:**

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – PGD Giảng Võ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2024/HMTD/VPB-VIMID ngày 29 tháng 02 năm 2024 cùng Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 28/02/2025 gia hạn đến 28/05/2025, và Hợp đồng hạn mức tín dụng số BCLC-7063-01 ngày 04 tháng 06 năm 2025 với hạn mức tín dụng là 500.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ 01 tháng đến 05 tháng, lãi suất 6,3%/năm để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng tiền ký quỹ/phong toả tài khoản/Sổ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi/Chứng chỉ tiền gửi, hàng hoá hình thành từ vốn vay, hàng hoá hình thành từ LC, phương tiện vận tải... được VPBank chấp thuận.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 509/2024/HĐTD/MDH ngày 25 tháng 12 năm 2024 với hạn mức tín dụng là 600.000.000.000 đồng, thời hạn từ 02 đến 06 tháng, lãi suất từ 5,9%/năm đến 6,1%/năm để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng sổ tiết kiệm, trái phiếu, xe ô tô, hợp đồng tiền gửi, hàng hóa của Công ty.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 24/TAH/6757008/HDCTD ngày 03 tháng 07 năm 2025 với hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất từ 5,2%/năm đến 5,3%/năm để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là bất động sản tại xã Hoà Phước, huyện Hòa Vang, Đà Nẵng của Công ty, hợp đồng tiền gửi, hàng hóa được hình thành từ khoản vay.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0650/2024/HDHM-PN/SHB-111404 ngày 15 tháng 11 năm 2024 với hạn mức cho vay 380.000.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 6,3%/năm để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay: Lô xe nhập khẩu nguyên chiếc, chưa qua sửa dụng và các khoản ký quỹ, hợp đồng tiền gửi, giấy tờ có giá tại SHB thuộc sở hữu của VIMID.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 112-00044220.10974/2025/HĐTDHM ngày 11 tháng 07 năm 2024 với hạn mức tín dụng là 450.000.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng, lãi suất từ 5,4%/năm đến 5,9%/năm để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá, bất động sản, hàng hóa, hàng hóa hình thành trong tương lai và các lỗ hàng hiện hữu của Công ty.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoài Đức theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 315197.25.920.898779.TD ngày 01 tháng 07 năm 2025 với hạn mức cho vay 800.000.000.000 đồng thời hạn vay từ 03 tháng đến 06 tháng, lãi suất từ 5,5%/năm đến 5,56%/năm để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng 01 xe ô tô, nhà xưởng, nhà làm việc của Công ty tại phường Dương Nội, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và tài sản của bên thứ ba.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1067084.25 ngày 01 tháng 07 năm 2025 với hạn mức cho vay 500.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06

tháng, lãi suất 5,5%/năm để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi/chứng chỉ tiền gửi của VIMID, hàng hóa hình thành từ vốn vay đảm bảo cho phương án mở LC, hàng tồn kho hiện hữu (Dòng xe Howo SINOTRUK/CHNTC).

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) theo Phụ lục hợp đồng số HSSO202315081/HDTD/PLHM-2547826 ngày 15 tháng 01 năm 2025; và Phụ lục hợp đồng số HSSO202315081/HDTD/PLHM-3097132 ngày 06 tháng 05 năm 2025; và Phụ lục hợp đồng số HSSO20231508153/HDTD/PLHM-3426559 ngày 30 tháng 07 năm 2025 với hạn mức tín dụng 750.000.000.000 đồng, thời hạn vay đến 05 tháng, lãi suất 5,03%/năm để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi/chứng chỉ tiền gửi của VIMID, hàng hóa hình thành từ vốn vay đảm bảo cho phương án mở LC.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Doanh thu thuần	triệu đồng	2.265.302	3.891.110	5.444.305
LNST	triệu đồng	17.272	68.436	170.286
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,16	1,17	1,10
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn				
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,84	0,78	0,84
(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,85	0,85	0,9
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	5,59	5,57	9,37
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho:	vòng	4,15	5,74	5,19
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân				
Vòng quay khoản phải thu:	vòng	1,16	2,91	2,11
Doanh thu thuần/Khoản phải thu bình quân				
Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,87	1,86	1,45
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân				
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	0,89	1,90	1,46
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản ngắn hạn bình quân				
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	0,76	1,76	2,65

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
LNST/ Doanh thu thuần				
Hệ số LNST/Vốn CSH bình quân (ROE)	%	6,08	21,50	39,89
Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,92	3,27	4,53
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,98	2,35	3,17
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	838.66	3.179	7.911

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC tự lập Quý III/2025

Khả năng thanh toán:

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán được giữ ở mức ổn định và chỉ thay đổi nhẹ từ năm 2023 sang năm 2024. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng nhẹ từ 1,16 lần trong năm 2023 lên 1,17 lần trong năm 2024. Trong khi đó hệ số thanh toán nhanh giảm nhẹ từ 0,84 lần xuống 0,78 lần trong năm 2024 do hàng tồn kho tăng lên trong bối cảnh hoạt động kinh doanh và nhu cầu ảm trở lại.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn duy trì ổn định và gần như không có thay đổi. Hệ số nợ/tổng tài sản duy trì ngang bằng, tuy nhiên hệ số nợ/vốn chủ sở hữu có nhiều biến động.

Tại ngày 31/12/2023, 31/12/2024 và 30/09/2025, tổng nợ phải trả của Công ty lần lượt là 1.586 tỷ đồng, 1.963 tỷ đồng và 4.699 tỷ đồng. Theo đó, tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty lần lượt đạt 5,59 lần, 5,57 lần và 9,37 lần. Cơ cấu nợ chủ yếu là phải trả người bán ngắn hạn.

Tỷ lệ nợ phải trả cao chủ yếu do đặc thù tài trợ thương mại, không phát sinh rủi ro thanh khoản, và được cân đối bởi dòng tiền kỳ quỹ, thế chấp vào ngân hàng và thanh toán tương ứng khi đến hạn. Công ty duy trì khả năng thanh toán ổn định, dòng tiền nhập – bán – thu hồi liên tục và kiểm soát chặt chẽ nghĩa vụ nợ đến hạn.

Ngoài ra, tỷ lệ đòn bẩy tài chính cao cũng đến từ việc quy mô vốn điều lệ của Công ty hiện vẫn còn khiêm tốn so với tốc độ tăng trưởng kinh doanh. Trong khi doanh thu và quy mô nhập khẩu xe tải tăng nhanh qua các năm, Công ty vẫn duy trì mức vốn điều lệ ổn định, chưa có nhu cầu tăng vốn do cơ chế LC giúp đảm bảo dòng tiền hoạt động. Điều này khiến tỷ lệ đòn bẩy ghi nhận ở mức cao mang tính cơ học, phản ánh sự chênh lệch giữa tốc độ mở rộng hoạt động và quy mô vốn chủ sở hữu, chứ không phản ánh rủi ro tài chính thực tế.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động ghi nhận tất cả các chỉ tiêu có phần cải thiện và tăng rõ rệt do hoạt động kinh doanh tăng trưởng mạnh và nhu cầu từ khách hàng trở lại.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời nhờ hoạt động kinh doanh và năng lực hoạt động cải thiện và tăng trưởng nên tất cả các chỉ số cũng cải thiện đáng kể.

Bảng 23: Chi phí bán hàng năm 2023, năm 2024 và 9T2025

Đơn vị: Triệu đồng

Chi phí bán hàng phát sinh	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.241	442	165

Chi phí nhân công	27.236	33.323	29.661
Chi phí khấu hao TSCĐ	207	398	290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.300	21.282	29.049
Chi phí bảo hành sản phẩm	21.567	37.259	5.122
Các khoản khác bằng tiền	2.835	3.445	9.852
Tổng	64.386	96.149	74.139

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC tự lập Quý III/2025

Bảng 24: Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2023, năm 2024 và 9T2025

Đơn vị: Triệu Đồng

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.785	1.668	963
Chi phí nhân công	33.093	35.212	24.961
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.198	4.193	3.254
Thuế, phí và lệ phí	682	1.079	1.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.140	23.054	32.220
Chi phí khác bằng tiền	8.653	6.940	6.856
Tổng	63.550	72.147	70.019

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC tự lập Quý III/2025

Năm 2024, chi phí bán hàng tăng 47,4% và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước do đi đôi với việc hoạt động kinh doanh và doanh thu tăng trưởng. Ở khía cạnh tỷ trọng, tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần năm 2024 đạt 2,4% có phần cải thiện so với năm 2023 đạt 2,8%. Chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần năm 2024 đạt 2,1% cải thiện rõ rệt so với năm 2023 đạt 3,1%. Có thể thấy trong năm 2024 dù về mặt con số tuyệt đối chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp có tăng, nhưng Công ty đã rất nỗ lực trong công tác kiểm soát và quản lý chi phí. Tính đến ngày 30/09/2025, tổng chi phí bán hàng là 74.319 triệu đồng và chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 70.019 triệu đồng, đạt lần lượt 1,36% và 1,29% trên doanh thu thuần, đều giảm so với cuối năm 2024.

- Các chỉ tiêu khác: Không có
- Ý kiến của tổ chức kiểm toán: không có

3 Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết

Ý kiến của kiểm toán viên tại Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số 26/2024/BCTC/AASCN.PB ngày 18/03/2024 do Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt thực hiện):

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm

tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp."

Ý kiến của kiểm toán viên tại Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 (đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số 200325.031/BCTC.KT1 ngày 20/03/2025 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện):

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp."

Ý kiến của kiểm toán viên tại Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam cho báo cáo tài chính bán niên năm 2025 (đã được soát xét theo Báo cáo soát xét số 120825.020/BCTC.KT1 ngày 12/08/2025 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện):

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ."

4 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 25: Kế hoạch kinh doanh của Công ty cho năm 2025 và 2026

Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Năm 2026	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2024	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2025
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	3.891,11	4.200	7,94%	5.500	30,95%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88,36	90	1,86%	150	66,67%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	68,44	75 (*)	9,58%	120	60%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	215,25	215,25	0%	500	132,3%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,76%	1,79% (*)	Không áp dụng	2,2%	22,9%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	21,5%	18,75% (*)	Không áp dụng	20%	6,7%
Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ	%	0%	10%	Không áp dụng	10%	Không áp dụng

Nguồn: VVS

Ghi chú: Các số liệu đánh dấu (*) là số liệu tạm tính của Phòng tài chính đầu tư VIMID dựa giả định vốn chủ sở hữu bình quân năm 2025 là 400 tỷ đồng. Các số liệu còn lại trong năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty thông qua.

Các kế hoạch năm 2026 do Hội đồng quản trị Công ty xây dựng, có thể điều chỉnh cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế và sẽ được trình thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2026.

- Các chỉ tiêu khác: Không có.

4.1 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Để đề ra các kế hoạch trên, Công ty căn cứ dựa trên các yếu tố thuận lợi cho hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh đại lý, môi giới và bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ, cụ thể là xe tải trung và hạng nặng nói riêng và nền kinh tế nói chung trong năm 2025 và 2026.

❖ **Kinh tế vĩ mô:**

- Báo cáo kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2024 và triển vọng năm 2025 của CIEM đánh giá, kinh tế Việt Nam đã có nền tảng tích cực cho giai đoạn phát triển mới. Tính chung năm 2024, tăng trưởng GDP của Việt Nam ước đạt 7,09% vượt mục tiêu 6-6,5% đề ra. Năm 2025, Quốc hội đặt mục tiêu tăng trưởng 6,5-7%, trong khi Chính phủ đặt dự kiến ít nhất 8% hoặc 10% trong điều kiện thuận lợi, tạo đà tăng trưởng hai chữ số cho giai đoạn tiếp theo, để trở thành nước có thu nhập cao vào năm 2045.
- Tỷ giá hối đoái ổn định: Chính sách tiền tệ linh hoạt được dự kiến sẽ giúp duy trì tỷ giá ổn định, giúp doanh nghiệp nhập khẩu xe và phụ tùng dễ dàng dự toán chi phí, lập kế hoạch tài chính hiệu quả. Nhờ đó, giảm được rủi ro biến động tỷ giá và giữ giá bán ổn định trên thị trường.
- Lạm phát kiểm soát: Lạm phát được đánh giá sẽ duy trì ở mức thấp (khoảng 3-4%), tỷ lệ lạm phát thấp giúp doanh nghiệp nhập khẩu xe và phụ tùng kiểm soát tốt chi phí hoạt động, đặc biệt là chi phí đầu vào.
- Các Hiệp định thương mại tự do như RCEP, EVFTA sẽ giúp thúc đẩy thương mại và đầu tư, giúp doanh nghiệp nhập khẩu xe có động cơ và phụ tùng được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi, từ đó giảm chi phí nhập khẩu. Đồng thời, thủ tục hải quan và quy định thương mại được đơn giản hóa, giúp việc nhập khẩu diễn ra nhanh chóng và thuận lợi hơn.
- Trong 9 tháng đầu năm 2025, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã cho thấy xu hướng nới lỏng room tín dụng bằng cách bãi bỏ giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho ngân hàng nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Chỉ tiêu này chỉ còn áp dụng cho các ngân hàng thương mại trong nước và đang hướng tới việc bãi bỏ hoàn toàn trong tương lai. Động thái này nhằm tăng cường sự chủ động cho các ngân hàng, đồng thời hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi. Việc tiến tới gỡ "room" tín dụng dự kiến trong năm 2026 sẽ thúc đẩy tăng trưởng cho vay bất động sản, cho vay mua xe... sẽ là cú hích lớn cho các khách hàng của VIMID, bao gồm cá nhân và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản, logistics, và là bước đẩy quan trọng cho VIMID tăng trưởng doanh thu, doanh số hơn nữa khi không còn rào cản tiếp cận vốn tín dụng.

❖ **Chính sách vĩ mô của Chính phủ**

- Ngày 2/12/2024, tại Diễn đàn Logistics Việt Nam 2024, Thủ tướng Chính phủ đã nêu rõ 3 mục tiêu phát triển ngành logistics, góp phần phục vụ mục tiêu lớn phát triển đất nước, bao gồm: (1) Giảm chi phí logistics so với GDP Việt Nam từ 18% xuống còn 15% trong năm 2025; (2) nâng tỷ trọng ngành logistics Việt Nam trong quy mô GDP từ 10% lên 15% và phần đầu đạt 20%; đồng thời nâng tỷ trọng của ngành logistics Việt Nam so với quy mô ngành logistics toàn cầu từ 0,4% lên 0,5% và phần đầu đạt 0,6%; (3) nâng tốc độ tăng trưởng của ngành logistics Việt Nam từ 14-15% mỗi năm hiện nay lên 20%. Để đạt được các mục tiêu, Thủ tướng Chính phủ đề ra 7 giải pháp; trong đó giải pháp thứ 3 là xây dựng hạ tầng logistics hiện đại, thông suốt để giảm chi phí, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, đặc biệt là phát triển ngành hàng không, hàng hải và đường sắt tốc độ cao.
- Trong năm 2025, Bộ Công Thương đang trình Thủ tướng Chính phủ Chiến lược phát triển ngành logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, có giải pháp về xây dựng khu thương mại tự do nhằm hiện thực hóa chủ trương đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về logistics.

- Ngày 19/8/2025, các lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã cắt băng khánh thành, khởi công 250 dự án, công trình trên địa bàn 34 tỉnh/thành phố với tổng mức đầu tư khoảng 1.280 nghìn tỷ đồng, trong đó có 08 dự án quan trọng quốc gia, 46 dự án nhóm A, 155 dự án nhóm B và 41 dự án nhóm C. Trong số các dự án, nguồn vốn Nhà nước có 129 dự án với 478.000 tỷ đồng, chiếm 37% tổng mức và 121 dự án, công trình được đầu tư từ các nguồn vốn khác với 802.000 tỷ đồng, chiếm 63% tổng mức. Vốn FDI có 05 dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 54.000 tỷ đồng. Việc khánh thành đưa vào khai thác các công trình, dự án và triển khai khởi công đồng loạt các công trình có quy mô lớn, góp phần tạo động lực, tạo thế để phát triển kinh tế xã hội đất nước, tăng cường kết nối vùng, miền; góp phần tăng trưởng 8% trở lên trong năm 2025 và tăng trưởng 2 con số những năm tiếp theo; tạo công ăn việc làm, sinh kế cho người dân và nâng cao đời sống nhân dân.
- Chính sách vĩ mô của Nhà nước khẳng định logistics mở đường cho thương mại, sản xuất, cùng với các chủ trương thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh khởi công các dự án trên toàn quốc của Chính phủ chính là tiền đề quan trọng cho các đơn vị kinh doanh xe tải, xe chuyên dụng phục vụ các dự án hạ tầng như VVS tăng trưởng bứt phá trong giai đoạn 2026 - 2030 sắp tới.

❖ **Thị trường:**

- Theo báo cáo nghiên cứu thị trường của Technavio công bố ngày 20/11/2024 về thị trường xe tải Việt Nam giai đoạn 2024-2028, cho thấy, dự báo từ 2024 đến 2028, thị trường sẽ tăng thêm 1,5 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 8,05%. Sự gia tăng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và phát triển hạ tầng giao thông là động lực chính thúc đẩy thị trường này.
- Theo báo cáo nghiên cứu thị trường của Imarc năm 2024 về ngành Logistics Việt Nam, theo đó, ngành logistics Việt Nam đạt quy mô 30 tỷ USD vào năm 2024 và dự kiến tăng lên 40 tỷ USD vào năm 2033 với CAGR 3,8%. Sự phát triển này kéo theo nhu cầu cao về xe tải trung và hạng nặng để phục vụ vận chuyển hàng hóa.
- Đánh giá của Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA) năm 2024 cho thấy, tốc độ phát triển của ngành logistics tại Việt Nam những năm gần đây đạt khoảng 14 - 16%, với quy mô khoảng 40 - 42 tỷ USD/năm và là một trong những ngành dịch vụ tăng trưởng nhanh và ổn định nhất. Đáng lưu ý, Việt Nam hiện tại đứng thứ 43/155 nước về hiệu quả logistics và thuộc nhóm 5 nước dẫn đầu ASEAN.
- Theo Báo cáo Logistics Việt Nam năm 2024 của Bộ Công Thương, Việt Nam đang đầu tư mạnh vào hạ tầng giao thông với hơn 2.000 km đường cao tốc, 298 cảng biển và 69 trung tâm logistics. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động vận tải và phân phối hàng hóa, thúc đẩy nhu cầu về xe tải.
- Theo Dự thảo của Bộ Công Thương về Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, mục tiêu được Bộ Công Thương vạch ra đối với việc tăng trưởng thị trường xe ô tô trong nước giai đoạn đến năm 2030 đạt tốc độ bình quân khoảng từ 14 - 16% /năm, tổng lượng xe tiêu thụ đạt khoảng 1.000.000 - 1.100.000 chiếc. Trong đó, xe đến 9 chỗ khoảng 550.000 chiếc (chiếm 55%), từ 10 chỗ trở lên khoảng 50.000 chiếc (chiếm 5%), xe tải khoảng 350.000 chiếc (chiếm 35%), xe chuyên dụng khoảng 50.000 chiếc (chiếm 5%). Đến năm 2045, tăng trưởng thị trường tiêu thụ xe ô tô trong nước tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2031 - 2045 là 11 - 12%/năm, tổng lượng xe đạt ~ 5.000.000 - 5.700.000 chiếc, trong đó: xe đến 9 chỗ chiếm khoảng 68 - 70%, từ 10 chỗ trở lên chiếm 5 - 6%, xe tải chiếm 23 - 24%, xe chuyên dụng chiếm khoảng 2 - 3%.

❖ **Các căn cứ dựa trên tình hình hoạt động và định hướng chiến lược của Công ty:**

- Trong 9 tháng đầu năm 2025, VVS đã đạt 237% kế hoạch năm đặt ra đối với chỉ tiêu lợi nhuận

trước thuế (đạt 212.9 tỷ đồng); và đạt hơn 129% kế hoạch năm đối với chỉ tiêu doanh thu (đạt 5.444 tỷ đồng).

- Kế hoạch năm 2026 sẽ phải được trình và phê duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. Số liệu cung cấp ở đây là số liệu dự kiến của HĐQT công ty. Cơ sở để VVS đặt ra kế hoạch kinh doanh năm 2026 dự kiến đạt 5.500 tỷ đồng doanh thu và 150 tỷ lợi nhuận trước thuế là dựa trên các yếu tố thuận lợi về vĩ mô trong nước như trình bày ở trên; và căn cứ kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025 trong nửa đầu năm 2025, Công ty dự kiến doanh thu năm 2025 có thể đạt vượt mức 4.500 tỷ đồng. Với tầm nhìn đến năm 2030 các dự án đầu tư công, xây dựng cơ sở hạ tầng, bất động sản vẫn tiếp tục được ưu tiên và đẩy mạnh, Công ty dự kiến tình hình kinh doanh vẫn trên đà tăng trưởng từ 20% - 30%. Ngoài cầu tăng thuần túy do tăng trưởng kinh tế nêu trên, từ 2026, các thành phố lớn (Hà Nội, TP.HCM) sẽ yêu cầu ô tô sản xuất trước 2017 phải đạt tiêu chuẩn khí thải Euro 4 mới được lưu hành (trước 2022 phải đạt Euro 5 từ 2027). Quy định này dự kiến sẽ dần áp dụng trên toàn quốc. Điều này có nghĩa nhiều xe tải cũ không đạt chuẩn sẽ bị cấm hoặc chủ xe phải đầu tư nâng cấp, không kinh tế bằng mua xe mới. Do vậy, nhu cầu thay thế xe tải cũ dự kiến sẽ tăng mạnh. Nhiều doanh nghiệp vận tải đã chuẩn bị thanh lý xe đời cũ (Euro 2, 3) để mua xe Euro 5, 6 mới nhằm đáp ứng quy định và tối ưu chi phí nhiên liệu. Với các sản phẩm đều đã đạt tiêu chuẩn Euro 5, đây là nguồn cầu đáng kể trong năm 2026 và trong dài hạn cho VVS.
- Theo đó, Công ty đặt kế hoạch doanh thu năm 2026 ở ngưỡng 5.500 tỷ đồng là khả thi và phù hợp với nguồn lực hiện tại và triển vọng trong tương lai. Bên cạnh đó, Công ty dự kiến tăng vốn lên 500 tỷ đồng để triển khai dự án sản xuất lắp ráp trong năm 2026, theo đó tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu sẽ đảm bảo duy trì ở mức tối thiểu 20%. Hội đồng Quản trị công ty đang trong quá trình xem xét và xây dựng phương án tăng vốn phù hợp với phương án triển khai dự án sản xuất lắp ráp, dự kiến trình chi tiết lên Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 để được phê duyệt.

4.2 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tổ chức ngày 19/4/2025, ĐHĐCĐ đã thông qua chủ trương kế hoạch đầu tư dự án như sau:

- Tên dự án: Dự án Sản xuất Lắp ráp Xe ô tô tải
- Quy mô dự án dự kiến: 10 ha đến 15 ha.
- Tổng mức dự kiến đầu tư: 50.000.000 USD (Bằng chữ: Năm mươi triệu Đô la Mỹ).
- Vị trí địa lý: Các tỉnh có tiềm năng về giao thông, logistics, các khu công nghiệp được Chính phủ, bộ ngành ưu tiên quy hoạch các dự án sản xuất lắp ráp ô tô.
- Thời gian phát triển và đầu tư dự án: 2025 – 2030.
- Hình thức đầu tư: M&A, Hợp tác đầu tư liên danh liên kết, Tự phát triển.

Theo đó, HĐQT đang thực hiện triển khai các công việc đánh giá dự án đầu tư theo thẩm quyền và sẽ báo cáo ĐHĐCĐ thông qua sau khi hoàn thiện phương án đầu tư.

Đây là dự án nhà máy sản xuất xe ô tô tải, với quy mô 10.000 xe/năm, dự kiến sẽ được chọn lọc tọa lạc tại một trong các khu công nghiệp thuận lợi địa lý tại khu vực phía Bắc Việt Nam. Nhà máy sẽ được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế, hiện đại, linh hoạt và tối ưu chi phí – trở thành nền tảng để VIMID cải tiến công nghệ và phát triển những sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường trong nước.

Cụ thể, ngày 29/09/2025, HĐQT đã lựa chọn địa điểm thực hiện nhà máy tại Khu Phi Thuế Quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng và đã thông qua việc đặt cọc cho thửa đất diện tích 104.919,95 m² với giá trị đặt cọc 33.433.109.287 VND. Đồng thời, HĐQT công ty cũng đã phê duyệt việc thành lập công ty con - Công

ty TNHH Một thành viên Ô tô VMASS, vốn điều lệ dự kiến 50 tỷ đồng, thuộc sở hữu 100% của VIMID để làm chủ đầu tư dự án này.

4.3 Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Hiện tại, Tổ Chức Niêm Yết vẫn đang xem xét các phương án tăng quy mô vốn hoạt động phù hợp với định hướng phát triển chung của Công ty và sẽ công bố thông tin cụ thể để công bố cùng Nhà đầu tư khi có Phương án cụ thể đã được thông qua bởi các cấp có thẩm quyền.

Dự án Nhà máy sản xuất và lắp ráp ô tô tải của Công ty với tổng mức đầu tư dự kiến 50 triệu USD hiện mới được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua về chủ trương nghiên cứu và chuẩn bị đầu tư, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho Hội đồng quản trị tiến hành các bước đánh giá, khảo sát và lập phương án đầu tư chi tiết. Đến thời điểm hiện tại, dự án vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi, chưa có phương án đầu tư chi tiết hay phương án huy động vốn cụ thể được trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Vì vậy, Công ty chưa có đầy đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để trình bày kế hoạch tăng vốn hoặc cơ cấu nguồn vốn đầu tư cho dự án trong Báo cáo bạch hoặc các tài liệu công bố thông tin khác. Khi HĐQT hoàn thiện hồ sơ và phương án đầu tư chi tiết bao gồm quy mô vốn, hình thức đầu tư, lộ trình triển khai, Công ty sẽ thực hiện báo cáo và xin ý kiến ĐHCĐ theo đúng quy định pháp luật và điều lệ Công ty.

4.4 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, CTCP Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội đã thu thập thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của CTCP Đầu tư phát triển máy Việt Nam cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty trong các năm vừa qua, quy mô hoạt động và khả năng bán hàng, cũng chiến lược đa dạng hóa sản phẩm nhằm tận dụng ưu thế của các sản phẩm được ưa chuộng trên thị trường, chúng tôi nhận thấy nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được lợi nhuận và cổ tức như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với Nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

Lưu ý: Những đánh giá và nhận định của Tổ chức tư vấn chỉ mang tính chất tham khảo, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty cũng như bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phần của CTCP Đầu tư phát triển máy Việt Nam

VI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIỄN, BAN GIÁM ĐỐC, ỦY BAN KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1 Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 120 Luật Doanh nghiệp: Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0104498100 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 05/03/2010, tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, đã quá 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nên các hạn chế chuyển nhượng đối

với cổ phiếu của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

2 Thông tin về cổ đông lớn

2.1 Đối với cổ đông lớn là cá nhân

ST T	Cổ đông	CCCD/Giấy chứng nhận ĐKKD	Địa chỉ	Năm sinh	Quốc tịch	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Nguyễn Vũ Trụ	031080000529	P105, nhà 5 tầng, TT 222D, Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội	1980	Việt Nam	9.636.800	47,77
2	Nguyễn Thị Thu Huyền	008181000039	P105, nhà 5 tầng, TT 222D, Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội	1981	Việt Nam	2.225.000	10,34

2.2 Đối với cổ đông lớn là tổ chức

Tên Công ty: Công ty Cổ phần M&A Holding Việt Nam
 Năm thành lập: 13/11/2015
 Số Giấy CNĐKDN: 0107107796
 Quốc tịch: Việt Nam
 Địa chỉ trụ sở chính: BT1-12, Khu đô thị mới An Hưng, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội
 Hoạt động chính của doanh nghiệp: Đại lý, môi giới, đấu giá
 Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa
 Vốn điều lệ (30/09/2025): 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)
 Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thùy Nhung** – Chức vụ: Giám đốc

2.3 Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan

STT	Tên cá nhân/Tổ chức	Chức vụ/ quan hệ	Số lượng cổ phần biểu quyết nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Vũ Trụ	Chủ tịch HĐQT	9.636.800	47,77%
1.1	Nguyễn Nguyên Từ	Bố ruột	0	0%
1.2	Bùi Thị Đề	Mẹ ruột	0	0%
1.3	Nguyễn Thanh Bình	Bố vợ	0	0%
1.4	Hoàng Thị Vân	Mẹ vợ	600.000	2,79%
1.5	Nguyễn Phi Long	Anh vợ	19.300	0,09%
1.6	Lưu Thị Minh Nguyệt	Chị dâu	0	0%
1.7	Nguyễn Thị Thu Huyền	Vợ	2.225.000	10,34%
1.8	Nguyễn Đức Minh	Con đẻ	0	0%
1.9	Nguyễn Nguyên Vũ	Con đẻ	0	0%

1.10	Nguyễn Tuệ An	Con đẻ	0	0%
1.11	Nguyễn Thị Phong Lan	Chị ruột	0	0%
1.12	Nguyễn Thành Phương	Anh rể	0	0%
1.13	Nguyễn Thị Hoài Hương	Chị ruột	0	0%
2	Nguyễn Thị Thu Huyền	Phó chủ tịch HĐQT	2.225.000	10,34%
2.1	Nguyễn Nguyên Từ	Bố chồng	0	0,00%
2.2	Bùi Thị Đề	Mẹ chồng	0	0,00%
2.3	Nguyễn Vũ Trụ	Chồng	9.636.800	44,77%
2.4	Nguyễn Đức Minh	Con ruột	0	0,00%
2.5	Nguyễn Nguyên Vũ	Con ruột	0	0,00%
2.6	Nguyễn Tuệ An	Con ruột	0	0,00%
2.7	Nguyễn Thanh Bình	Bố ruột	0	0%
2.8	Hoàng Thị Vân	Mẹ ruột	600.000	2,79%
2.9	Nguyễn Phi Long	Anh ruột	19.300	0,09%
2.10	Lưu Thị Minh Nguyệt	Chị dâu	0	0,00%
2.11	Nguyễn Thị Phong Lan	Chị chồng	0	0,00%
2.12	Nguyễn Thành Phương	Anh rể	0	0,00%
2.13	Nguyễn Thị Hoài Thương	Chị chồng	0	0,00%
3	Công ty Cổ phần M&A Holding Việt Nam		1.800.000	8,36%
3.1	Nguyễn Thuý Nhung	Người đại diện trước pháp luật kiêm Giám đốc	0	0%
3.2	Lưu Thị Minh Nguyệt	Thành viên HĐQT	0	0%
3.3	Nguyễn Vũ Trụ	Thành viên HĐQT	9.636.800	44,77%
3.4	Nguyễn Thanh Bình(*)	Thành viên HĐQT	0	0%
3.5	Trần Thị Hoà	Kế toán trưởng	0	0%

(*) Ông Nguyễn Thanh Bình – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam (“VIMID”), là người đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần M&A Holding Việt Nam tại VIMID, số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu là 1.800.000 cổ phiếu.

2.4 Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với các đối tượng là cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của tổ chức

đăng ký niêm yết và những người có liên quan của họ:

Không có

2.5 Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

Cổ đông lớn được nhận cổ tức hằng năm theo phương án được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

2.6 Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức đăng ký niêm yết:

Không có

3 Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ủy ban kiểm toán

Bảng 26: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán, Kế toán trưởng

TT	Tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/ CCCD
Hội đồng Quản trị				
1	Ông Nguyễn Vũ Trụ	Chủ tịch HĐQT (điều hành)	1980	031080000529
2	Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Phó chủ tịch HĐQT (không điều hành)	1981	008181000039
3	Bà Hoàng Thị Vân	Thành viên HĐQT (không điều hành)	1955	008155000396
4	Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT (không điều hành)	1954	008054000448
5	Ông Chu Quang Huy	Thành viên độc lập HĐQT	1985	001085042810
Ban Giám đốc				
1	Ông Kiều Anh Đào	Giám đốc	1987	038087018944
Kế toán trưởng				
1	Bà Nguyễn Thị Tâm	Kế toán trưởng	1979	030179005781
Ủy ban kiểm toán				
1	Ông Chu Quang Huy	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	1985	001085042810
2	Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên Ủy ban kiểm toán	1981	008181000039

3.1 Hội đồng quản trị

a) Ông NGUYỄN VŨ TRỤ

- Họ và tên: NGUYỄN VŨ TRỤ
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 05/09/1980 Nơi sinh: Hải Phòng
- CMND/CCCD: 031080000529 Ngày cấp: 04/02/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P105 – Nhà 5 tầng TT 222 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Hà Nội
- Các chức vụ công tác hiện nay tại VVS: Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật
- Các chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Vật lý - Đại học Khoa học Tự nhiên (Hà Nội), Kỹ sư điện - Đại Học Bách Khoa Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2010 – 5/2021: Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
 - Từ năm 6/2021 – 4/2025: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
 - Từ 19/4/2025 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật CTCP Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- Số cổ phiếu nắm giữ tại VVS hiện tại: 9.636.800 cổ phiếu, chiếm 44,77% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 9.636.800 cổ phiếu, chiếm 44,77% vốn điều lệ
- Danh sách người có liên quan tại ngày 21/08/2025

STT	Họ và tên	Số CCCD/ CMND/ĐKKD/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu tại VVS	Tỷ lệ sở hữu	Quan hệ
1	Nguyễn Nguyên Tứ	C3414310	26/05/2017	0	0,00%	Bố ruột
2	Bùi Thị Đề	C3414311	26/05/2017	0	0,00%	Mẹ ruột
3	Nguyễn Thanh Bình	008054000448	03/04/2021	0	0,00%	Bố vợ
4	Hoàng Thị Vân	008155000396	03/04/2021	600.000	2,79%	Mẹ vợ
5	Nguyễn Phi Long	008079000083	27/06/2019	19.300	0,09%	Anh vợ
6	Lưu Thị Minh Nguyệt	008181000285	13/04/2021	0	0,00%	Chị dâu
7	Nguyễn Thị Thu Huyền	008181000039	04/02/2022	2.225.000	10,34%	Vợ
8	Nguyễn Đức Minh	Còn nhỏ	-	0	0,00%	Con đẻ
9	Nguyễn Nguyên Vũ	Còn nhỏ	-	0	0,00%	Con đẻ
10	Nguyễn Tuệ An	Còn nhỏ	-	0	0,00%	Con đẻ
11	Nguyễn Thị Phong Lan	B4293424	26/07/2010	0	0,00%	Chị ruột
12	Nguyễn Thành Phương	C4229504	14/02/2017	0	0,00%	Anh rể
13	Nguyễn Thị Hoài Hương	031179001745	20/04/2021	0	0,00%	Chị ruột

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm kết thúc ngày 31/12/2023	Năm kết thúc ngày 31/12/2024	Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/09/2025
Thù lao (đồng)	120.000.000	120.000.000	135.000.000
Tiền lương, tiền thưởng (đồng)	308.280.000	675.270.000	540.000.000
Cổ phiếu ESOP	+ Số lượng cổ phiếu: 411.800 + Giá mua: 14.000 đồng/cổ phiếu	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết: Không có

3.1.1 Bà NGUYỄN THỊ THU HUYỀN

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU HUYỀN
- Giới tính: Nữ Ngày sinh: 18/08/1981 Nơi sinh: Vĩnh Phúc
- CMND/CCCD: 008181000039 Ngày cấp: 04/02/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P105 – Nhà 5 tầng TT 222 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Hà Nội
- Các chức vụ công tác hiện nay tại VVS: Phó Chủ tịch HĐQT
- Các chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân tiếng Trung – Đại học Hà Nội; Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại Thương (Hà Nội)
- Quá trình công tác:
 - Từ 06/2021 – 4/2025: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
 - Từ 04/2025: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- Số cổ phiếu nắm giữ tại VVS hiện tại: 2.225.000 cổ phiếu, chiếm 10,34% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 2.225.000 cổ phiếu, chiếm 10,34% vốn điều lệ
- Danh sách người có liên quan tại ngày 21/08/2025

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu tại VVS	Tỷ lệ sở hữu	Quan hệ
1	Nguyễn Nguyễn Tư	C3414310	26/05/2017	0	0,00%	Bố chồng
2	Bùi Thị Đề	C3414311	26/05/2017	0	0,00%	Mẹ chồng
3	Nguyễn Vũ Trụ	031080000529	04/02/2022	9.636.800	44,77%	Chồng

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu tại VVS	Tỷ lệ sở hữu	Quan hệ
4	Nguyễn Đức Minh	Còn nhỏ	-	0	0,00%	Con ruột
5	Nguyễn Nguyên Vũ	Còn nhỏ	-	0	0,00%	Con ruột
6	Nguyễn Tuệ An	Còn nhỏ	-	0	0,00%	Con ruột
7	Nguyễn Thanh Bình	008054000448	03/04/2021	0	0,00%	Bố ruột
8	Hoàng Thị Vân	008155000396	03/04/2021	600.000	2,79%	Mẹ ruột
9	Nguyễn Phi Long	008079000083	24/08/2022	19.300	0,09%	Anh ruột
10	Lưu Thị Minh Nguyệt	008181000285	13/04/2021	0	0,00%	Chị dâu
11	Nguyễn Thị Phong Lan	B4293424	26/07/2010	0	0,00%	Chị chồng
12	Nguyễn Thành Phương	C4229504	14/02/2017	0	0,00%	Anh rể
13	Nguyễn Thị Hoài Thương	031179001745	20/04/2021	0	0,00%	Chị chồng

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm kết thúc ngày 31/12/2023	Năm kết thúc ngày 31/12/2024	Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/09/2025
Thù lao (đồng)	120.000.000	120.000.000	135.000.000
Tiền lương, tiền thưởng (đồng)	272.500.000	565.170.000	450.000.000
Cổ phiếu ESOP	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết (nếu có): Không có.

3.1.2 Ông NGUYỄN THANH BÌNH

- Họ và tên: NGUYỄN THANH BÌNH
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 20/10/1954 Nơi sinh: Sơn Đông, Lập Thạch, Vĩnh Phúc
- CMND/CCCD: 008054000448 Ngày cấp: 03/04/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 12, Tân Quang, TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang
- Các chức vụ công tác hiện nay tại VVS: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Người đại diện phần vốn góp của CTCP M&A Holding Việt Nam tại VIMID
- Trình độ chuyên môn: Hành chính – Kinh Doanh
- Quá trình công tác:

- Năm 2020 đến năm 2021: Thành viên HĐQT CTCP M&A Holding Việt Nam
- Năm 2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- Số cổ phiếu nắm giữ tại VVS hiện tại: 1.800.000 CP, chiếm 8,36% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 1.800.000 cổ phiếu, chiếm 8,36% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Danh sách người có liên quan tại ngày 21/08/2025

STT	Họ và tên	Số CCCD/ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu tại VVS	Tỷ lệ sở hữu	Quan hệ
1	Hoàng Thị Vân	008155000396	03/04/2021	600.000	2,79%	Vợ
2	Nguyễn Phi Long	008079000083	27/06/2019	19.300	0,09%	Con ruột
3	Nguyễn Thị Thu Huyền	008181000039	04/02/2022	2.225.000	10,34%	Con ruột
4	Lưu Thị Minh Nguyệt	008181000285	13/04/2021	0	0,00%	Con dâu
5	Nguyễn Vũ Trụ	031080000529	04/02/2022	9.636.800	44,77%	Con rể
6	Công ty CP M&A Holding Việt Nam	0107107796	13/11/2015	1.800.000	8,36%	Tổ chức có liên quan

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm kết thúc ngày 31/12/2023	Năm kết thúc ngày 31/12/2024	Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/09/2025
Thù lao (đồng)	60.000.000	60.000.000	90.000.000
Tiền lương, tiền thưởng (đồng)	0	0	0
Cổ phiếu ESOP	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết (nếu có): Không có

3.1.3 Bà HOÀNG THỊ VÂN

- Họ và tên: HOÀNG THỊ VÂN
- Giới tính: Nữ Ngày sinh: 20/10/1955 Nơi sinh: Sơn Đông, Lập Thạch, Vĩnh Phúc
- CMND/CCCD: 008155000396 Ngày cấp: 03/04/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 12, Tân Quang, TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang
- Các chức vụ công tác hiện nay tại VVS: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Trình độ chuyên môn: Kinh Doanh

- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2012 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- Số cổ phiếu nắm giữ tại VVS hiện tại: 600.000 cổ phiếu, chiếm 2,79% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 600.000 cổ phiếu, chiếm 2,79% vốn điều lệ
- Danh sách người có liên quan tại ngày 21/08/2025:

STT	Họ và tên	Số CCCD/ CMND/ ĐKKD	Ngày cấp	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu tại VVS	Tỷ lệ sở hữu	Quan hệ
1	Nguyễn Thanh Bình	008054000448	03/04/2021	0	0,00%	Chồng
2	Nguyễn Phi Long	008079000083	24/08/2022	19.300	0,09%	Con ruột
3	Lưu Thị Minh Nguyệt	008181000285	13/04/2021	0	0,00%	Con dâu
4	Nguyễn Thị Thu Huyền	008181000039	04/02/2022	2.225.000	10,34%	Con ruột
5	Nguyễn Vũ Trụ	031080000529	04/02/2022	9.636.800	44,77%	Con rể

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm kết thúc ngày 31/12/2023	Năm kết thúc ngày 31/12/2024	Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/09/2025
Thù lao (đồng)	60.000.000	60.000.000	90.000.000
Tiền lương, tiền thưởng (đồng)	0	0	0
Cổ phiếu ESOP	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết (nếu có): Không có

3.1.4 Ông CHU QUANG HUY

- Họ và tên: CHU QUANG HUY
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 07/02/1985 Nơi sinh: Tổng Bạt – Ba Vì – Hà Nội
- CMND/CCCD: 001085042810 Ngày cấp: 15/01/2025 Nơi cấp: Bộ Công an
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Ct1a(V1) KNOXH Phú Lâm, Phường Phú Lương, Hà Nội
- Các chức vụ công tác hiện nay tại VVS: Thành viên độc lập HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế quốc dân (Hà Nội)
- Quá trình công tác:

- Từ năm 2016 đến năm 2021: Trưởng phòng dịch vụ Công ty cổ phần Ô tô Tải Việt Nam
- Từ năm 2021 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập tại Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- Số cổ phiếu nắm giữ tại VVS hiện tại: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Danh sách người có liên quan tại ngày 21/08/2025:

STT	Họ và tên	Số CCCD/ CMND/ ĐKKD	Ngày cấp	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu tại VVS	Tỷ lệ sở hữu	Quan hệ
1	Chu Ngọc Nhi	001062009569	24/07/2021	0	0,00%	Bố ruột
2	Nguyễn Thị Hoa	001162044994	21/07/2021	0	0,00%	Mẹ ruột
3	Lê Thị Mai	027192009790	09/01/2022	0	0,00%	Vợ
4	Chu Quang Vũ	Còn nhỏ	-	0	0,00%	Con ruột
5	Chu Nam Khánh	Còn nhỏ	-	0	0,00%	Con ruột
6	Chu Lê Minh Anh	Còn nhỏ	-	0	0,00%	Con ruột
7	Chu Quang Hải	001091017433	31/12/2021	0	0,00%	Em trai
8	Lê Kim Bình	027066002411	22/04/2021	0	0,00%	Bố vợ
9	Lê Thị Tuyết	027170008111	08/05/2021	0	0,00%	Mẹ vợ
10	Lê Kim Hải Dương	027096001993	22/04/2021	0	0,00%	Em vợ

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm kết thúc ngày 31/12/2023	Năm kết thúc ngày 30/12/2024	Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/09/2025
Thù lao (đồng)	60.000.000	60.000.000	45.000.000
Tiền lương, tiền thưởng (đồng)	0	0	0
Cổ phiếu ESOP	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết (nếu có): Không có

3.2 Ban Giám đốc

- Họ và tên: KIỀU ANH ĐÀO
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 07/05/1987 Nơi sinh: Xuân Lập, Thọ Xuân, Thanh Hóa

- CMND/CCCD: 038087018944 Ngày cấp: 21/04/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: CT2, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội
- Các chức vụ công tác hiện nay tại VVS: Giám đốc công ty
- Các chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp nghề, Trường Cao Đẳng Nghề GTVT TW1
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2021 đến năm 2023: Giám đốc Công ty cổ phần Ô tô tải Việt Nam
 - Từ năm 2024 đến tháng 03/2025: Giám đốc Công ty cổ phần Cộng đồng xe tải Việt Nam
 - Từ ngày 19/4/2025 đến nay: Giám đốc công ty, Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- Số cổ phiếu nắm giữ tại VVS hiện tại: 30.000 cổ phiếu, chiếm 0,14% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 30.000 cổ phiếu, chiếm 0,14% vốn điều lệ
- Danh sách người có liên quan tại ngày 21/08/2025:

ST T	Họ và tên	Số CCCD/ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu tại VVS	Tỷ lệ sở hữu	Quan hệ
1	Hoàng Bạch Vân	001189016106	31/05/2018	21.600	0,10%	Vợ
2	Kiều Minh Anh	001313012775	-	0	0,00%	Con ruột
3	Kiều Bảo Anh	001316045638	-	0	0,00%	Con ruột
4	Kiều Văn Na	038063021714	11/08/2021	0	0,00%	Bố ruột
5	Lê Thị Dung	038165019343	11/08/2021	0	0,00%	Mẹ ruột
6	Kiều Thị Bưởi	038186006874	28/06/2021	0	0,00%	Chị ruột
7	Hồ Văn Thư	038083045721	09/10/2023	0	0,00%	Anh rể
8	Hoàng Sỹ Viên	001059017669	15/06/2022	0	0,00%	Bố vợ
9	Bạch Thị Vượng	001160015900	25/04/2021	0	0,00%	Mẹ vợ

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết (nếu có): Không có

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm kết thúc ngày 31/12/2023	Năm kết thúc ngày 30/12/2024	Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/09/2025
Thù lao (đồng)	0	0	0
Tiền lương, tiền thưởng (đồng)	0	0	339.480.000
Cổ phiếu ESOP	0	0	0

3.3 Kế toán trưởng

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ TÂM
- Giới tính: Nữ Ngày sinh: 21/11/1979 Nơi sinh: Hải Dương
- CMND/CCCD: 030179005781 Ngày cấp: 10/07/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P404, Nhà CV10T, HVCT, 124 Ngô Quyền, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội
- Các chức vụ công tác hiện nay tại VVS: Kế toán trưởng
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kế toán tổng hợp
- Quá trình công tác:
 - Từ 03/2015 đến 04/2017: Trợ lý tổng giám đốc, Trưởng phòng hành chính kế toán, kế toán trưởng tại Công ty cổ phần gốm sứ Chu Đậu Hải Dương
 - Từ 10/2017 đến 06/2019: Kế toán trưởng, trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần tập đoàn công nghệ T-Tech Việt Nam
 - Từ 06/2019 đến nay: Kế toán trưởng, Trưởng phòng kế toán Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- Số cổ phiếu nắm giữ tại VVS hiện tại: 9.200 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 9.200 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ
- Danh sách người có liên quan tại ngày 21/08/2025:

STT	Họ và tên	Số CCCD/CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu tại VVS	Tỷ lệ sở hữu	Quan hệ
1	Nguyễn Đình Đức	030058018310	11/08/2021	0	0,00%	Bố ruột
2	Nguyễn Thị Tuyền	030156014667	14/08/2021	0	0,00%	Me ruột
3	Phạm Văn Hưng	0380790000280	04/09/2015	0	0,00%	Chồng
4	Ứng Đình Hoàng Huy	Còn nhỏ	-	0	0,00%	Con ruột
5	Ứng Đình Quốc Huy	Còn nhỏ	-	0	0,00%	Con ruột

STT	Họ và tên	Số CCCD/ CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu tại VVS	Tỷ lệ sở hữu	Quan hệ
6	Phạm Văn Tuấn Minh	Còn nhỏ	-	0	0,00%	Con ruột
7	Nguyễn Đình Nhật	030081016502	-	0	0,00%	Em trai

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm kết thúc ngày 31/12/2023	Năm kết thúc ngày 30/12/2024	Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/09/2025
Thù lao (đồng)	0	0	0
Tiền lương, tiền thưởng (đồng)	245.020.000	486.945.000	490.875.000
Cổ phiếu ESOP	+ Số lượng cổ phiếu: 4.700 + Giá mua: 14.000 đồng/cổ phiếu	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức niêm yết (nếu có): Không có

3.4 Ủy ban kiểm toán

3.4.1 Ông CHU QUANG HUY

- Xem thêm thông tin tại mục 12.1.e Mục IV

3.4.2 Bà NGUYỄN THỊ THU HUYỀN

- Xem thêm thông tin tại mục 12.1.b Mục IV

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

VII CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

- 1 Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- 2 Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- 3 Mã cổ phiếu: VVS
- 4 Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết
21.525.000 cổ phiếu tương ứng 100% số lượng cổ phiếu đã phát hành.
- 5 Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Toàn bộ số cổ phiếu được nắm giữ bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và thành viên Ủy ban Kiểm toán, Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cam kết của cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên về việc nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, cụ thể như sau:

Bảng 27: Bảng chi tiết số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong vòng 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong vòng 06 tháng tiếp theo	Tỷ lệ sở hữu %
1	Nguyễn Vũ Trụ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	9.636.800	9.636.800	4.818.400	44,77%
2	Nguyễn Thị Thu Huyền	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2.225.000	2.225.000	1.112.500	10,34%
3	CTCP M&A Holding Việt Nam (Người đại diện phần vốn góp tại VIMID: Nguyễn Thanh Bình)	Người có liên quan của Nguyễn Thanh Bình	1.800.000	1.800.000	900.000	8,36%
4	Hoàng Thị Vân	Thành viên Hội đồng Quản trị	600.000	600.000	300.000	2,79%
5	Kiều Anh Đào	Giám đốc công ty	30.000	30.000	15.000	0,14%
6	Nguyễn Thị Tâm	Kế toán trưởng	9.200	9.200	4.600	0,04%

STT	Họ tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong vòng 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong vòng 06 tháng tiếp theo	Tỷ lệ sở hữu %
7	Vũ Quốc Hòa	Người phụ trách quản trị Công ty kiểm Thư ký Công ty, Người được ủy quyền CBTT	3.000	3.000	1.500	0,01%

6 Phương pháp tính giá:

Do hạn chế về việc không có doanh nghiệp so sánh, giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu VVS trong ngày giao dịch đầu tiên được tham khảo dựa trên các phương pháp:

- Phương pháp giá trị sổ sách tại ngày 30/9/2025
- Phương pháp giá cổ phần trên thu nhập bình quân mỗi cổ phần (P/E);
- Phương pháp bình quân giá thị trường.

6.1 Phương pháp giá trị sổ sách

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = BVPS \cdot P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
 - BVPS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
 - P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng
- Chỉ số P/B bình quân của một số doanh nghiệp cùng ngành tại thời điểm 30/09/2025:

Tên doanh nghiệp	Mã cổ phiếu	Sàn giao dịch	BVPS tại ngày 30/09/2025 (đồng)	Giá cổ phiếu tại ngày 06/11/2025 (đồng)	P/B
CTCP G-Automobile	GMA	HNX	22.613	32.000	1,42
CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	HTL	HOSE	16.102	28.150	1,75
CTCP City Auto	CTF	HOSE	12.154	20.100	1,65
Chỉ số trung bình					1,61

Nguồn: Báo cáo tài chính của các công ty so sánh, SSI tổng hợp

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty, giá trị cổ phần trên giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Công ty tại thời điểm 30/09/2025 như sau:

Vốn chủ sở hữu (VNĐ)	(1)	501.292.326.228
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	(2)	21.525.000
Giá trị cổ phần trên giá trị sổ sách (VNĐ/cổ phiếu)	(3) = (1) / (2)	23.289
P/B bình quân đại diện ngành	(4)	1,61
Giá cổ phiếu VVS	(5) = (3) x (4)	37.495

6.2 Phương pháp giá cổ phần trên thu nhập bình quân mỗi cổ phần (P/E)

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS \times P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu
- P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng

Trong 9 tháng đầu năm 2025, ngành thương mại xe tải hạng trung và hạng nặng ghi nhận sự biến động mạnh về doanh thu và lợi nhuận do ảnh hưởng của yếu tố mùa vụ, biến động tỷ giá và nhu cầu thị trường chưa ổn định. Biến động này khiến chỉ số EPS của các doanh nghiệp trong ngành thay đổi lớn giữa các quý, dẫn đến hệ số P/E tính theo số liệu 9 tháng tăng cao bất thường và không phản ánh đúng xu hướng lợi nhuận thực tế. Sự không đồng đều này làm giảm độ tin cậy của các chỉ tiêu định giá ngắn hạn.

Do đó, để đảm bảo tính khách quan và ổn định trong việc xác định giá trị doanh nghiệp, việc sử dụng EPS và P/E của năm 2024 là phù hợp hơn. Năm 2024 là giai đoạn ngành hoạt động trong điều kiện bình thường, ít biến động và có số liệu kiểm toán đầy đủ, phản ánh kết quả kinh doanh trọn vẹn trong chu kỳ hoạt động của doanh nghiệp. Việc lấy EPS và P/E của năm 2024 làm cơ sở định giá sẽ giúp phản ánh chính xác hơn hiệu quả kinh doanh mang tính chu kỳ, giảm ảnh hưởng của các yếu tố ngắn hạn và đảm bảo tính hợp lý trong so sánh với trung bình ngành.

Chỉ số P/E bình quân của một số doanh nghiệp cùng ngành:

Tên doanh nghiệp	Mã cổ phiếu	Sàn giao dịch	EPS của năm tài chính 2024 (đồng)	Giá cổ phiếu tại ngày 06/11/2025 (đồng)	P/E
CTCP G-Automobile	GMA	HNX	712	32.000	44,94
CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	HTL	HOSE	1.929	28.150	14,59
CTCP City Auto	CTF	HOSE	519	20.100	38,73
Chỉ số trung bình					32,75

Nguồn: Báo cáo tài chính của các công ty so sánh, SSI tổng hợp

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty, EPS của Công ty năm 2024 như sau:

Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu) (EPS)	(1)	3.179
P/E bình quân đại diện ngành	(2)	32,75
Giá cổ phiếu VVS	(3) = (1) x (2)	104.112

6.3 Phương pháp bình quân giá thị trường

Phương pháp bình quân giá thị trường là phương pháp xác định giá cổ phiếu VVS theo thực tế giao dịch của cổ phiếu VVS trên thị trường UpCOM. Giá trị cổ phiếu VVS theo phương pháp bình quân thị trường là bình quân giá tham chiếu của 30 phiên giao dịch liên tiếp từ 26/09/2025 đến ngày 06/11/2025 là 48.933 VNĐ/cổ phiếu.

Giá tham chiếu tại ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VVS trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh:

Cổ phiếu VVS hiện đang giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Phương pháp tính giá tham chiếu của cổ phiếu VVS trong ngày niêm yết đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) được dự kiến là bình quân giá tham chiếu 30 phiên giao dịch cuối cùng liên tiếp gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Sau khi được Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp quyết định niêm yết và VVS hủy đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ tính toán giá tham chiếu và ban hành Nghị quyết HĐQT về giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VVS và sẽ thực hiện công bố thông tin theo quy định.

7 Các loại thuế liên quan:

7.1 Đối với Công ty

a) Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được Quốc hội ban hành ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19/06/2013, mức thuế suất TNDN của Công ty là 20%.

7.1.1 Thuế Giá trị gia tăng (VAT)

Nghị quyết số 43/2022/QH15 được Quốc hội ban hành và có hiệu lực từ ngày 11/01/2022. Tính từ thời điểm ban hành Nghị quyết số 43, Quốc hội đã 4 lần thông qua chính sách giảm thuế GTGT còn 8% đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ được quy định cụ thể tại Nghị quyết và Nghị định hướng dẫn.

- Lần 1 – Áp dụng từ 01/02/2022 – 31/12/2022: Giảm 2% thuế GTGT theo Nghị quyết 43/2022/QH15, hướng dẫn tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP
- Lần 2 – Áp dụng từ 01/7/2023 – 31/12/2023: Giảm 2% thuế GTGT theo Nghị quyết 101/2023/QH15, hướng dẫn tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP
- Lần 3 – Áp dụng từ 01/7/2024 – 31/12/2024: Giảm 2% thuế GTGT theo Nghị quyết 142/2024/QH15, hướng dẫn tại Nghị định 72/2024/NĐ-CP
- Lần 4 (Mới nhất) – Áp dụng từ 01/01/2025 – 30/06/2025: Giảm 2% thuế GTGT theo Nghị quyết 174/2024/QH15, hướng dẫn tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP.

Ngày 17/6/2025, Quốc Hội ban hành Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 về việc giảm thuế giá trị gia tăng, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026. Theo Nghị quyết, Quốc hội quyết nghị: Giảm 2% thuế suất Thuế giá trị gia tăng, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than), sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng).

Theo đó, thuế suất VAT hiện áp dụng cho Công ty là 8%.

7.1.2 Các loại Thuế khác

Công ty đã thực hiện đúng các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam về việc tuân thủ đối với các loại

thuế/phí khác như: lệ phí môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhà thầu nước ngoài, v.v.

7.2 Đối với Nhà đầu tư

a) Đối với Nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Đối với Nhà đầu tư trong nước: Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

Đối với Nhà đầu tư nước ngoài (cư trú hoặc không cư trú): thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên giá chuyển nhượng căn cứ Điều 16 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 hoặc Điều 20 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013.

- Thu nhập từ cổ tức

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân (TNCN) được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhận với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế từ đầu tư vốn khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này, nhà đầu tư phải nộp thuế 02 lần đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

7.2.1 Đối với Nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Tổ chức trong nước: Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi, bổ sung và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác, áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên DT tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014.

- Thu nhập từ cổ tức:

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2008.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

VIII CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM**1.1 Tổ chức kiểm toán****CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
– CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Địa chỉ : LK6-TT2, 96B Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (024) 3994 7969 Fax : Không có

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ : 1 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (023) 3824 1990 Fax : (028) 3825 3973

1.2 Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI – CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Địa chỉ : 1C Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (024) 3936 6321 Fax : (024) 3936 6318

– Tổ chức tư vấn nêu ý kiến về việc đăng ký niêm yết:

Với tư cách là tổ chức tư vấn, CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI – Chi nhánh Hà Nội (SSI) đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam ("VVS") cũng như lĩnh vực mà Công ty đang hoạt động.

Trên cơ sở các tài liệu, số liệu do VVS cung cấp, cùng với việc xem xét các điều kiện niêm yết theo quy định hiện hành và những nhận định về tình hình thị trường kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng, với tư cách là Tổ chức tư vấn niêm yết của Công ty, trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam cung cấp.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

– Ý kiến của các chuyên gia về việc đăng ký niêm yết: Không có**IX CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Không có

X NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 7 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÁY VIỆT NAM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VŨ TRỤ

GIÁM ĐỐC

KIỀU ANH ĐÀO

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN

NGUYỄN THỊ TÂM

CHU QUANG HUY

Hà Nội, ngày 7 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN *l*
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI – CHI NHÁNH HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



NGUYỄN THỊ THANH HÀ

XI PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0104498100 do Sở Tài chính Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/03/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 20/08/2025;
2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty;
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024; Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2025; Báo cáo tài chính tổng hợp (tự lập) Quý 3/2025.
4. Phụ lục IV: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật
5. Phụ lục V: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết.





Số: 27/2025/UQ-SSI

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN

BẢN SAO

Bên ủy quyền:

- Ông Nguyễn Đức Thông
- Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
- Theo Giấy ủy quyền số 10/2025/UQ-SSI ngày 01/8/2025 của Người đại diện theo pháp luật - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Bên nhận ủy quyền:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
- Chức vụ: Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Nội dung, phạm vi ủy quyền

- Bên nhận ủy quyền được ủy quyền thay mặt Bên ủy quyền đại diện cho Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (bao gồm cả các Chi nhánh, Phòng Giao dịch) thực hiện các công việc sau:
 - o Đàm phán, làm việc, ký kết hợp đồng, thỏa thuận, văn bản với khách hàng, đối tác (bao gồm cả các ngân hàng, tổ chức kinh tế), các cơ quan Nhà nước;
 - o Đàm phán, làm việc, ký Hồ sơ chào bán, hồ sơ phát hành, bảo lãnh phát hành chứng khoán, hồ sơ niêm yết, Bản cáo bạch, Bản công bố thông tin và tất cả các văn bản có liên quan của chính Công ty hoặc với tư cách là đơn vị tư vấn cho khách hàng;
 - o Xác nhận, sao y văn bản, giấy tờ pháp lý của Công ty và các văn bản Công ty ban hành hoặc ký với các bên khác.
- Trong phạm vi ủy quyền, Bên nhận ủy quyền được sử dụng con dấu của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI hoặc con dấu của Chi nhánh để đóng dấu trên các văn bản do Bên nhận ủy quyền ký.
- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền lại.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực của Chi nhánh để đóng dấu trên các văn bản do Bên nhận ủy quyền ký.

Ngày: 11-08-2025

Người thực hiện chứng thực

Thời hạn ủy quyền: Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản chấm dứt, thay thế việc ủy quyền này hoặc Bên nhận ủy quyền không còn giữ chức vụ nêu trên, tùy thời hạn nào đến trước.

Giấy ủy quyền này thay thế Giấy ủy quyền số 40/2024/UQ-SSI ngày 30/12/2024.

Bên nhận ủy quyền

Nguyễn Thị Thanh Hà



Bên ủy quyền



Nguyễn Đức Thông

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Thùy



Số: 10/2025/UQ-SSI

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN**Bên ủy quyền:**

- Ông Nguyễn Duy Hưng
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Bên nhận ủy quyền:

- Ông Nguyễn Đức Thông
- Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Nội dung, phạm vi ủy quyền:

- Bên nhận ủy quyền được ủy quyền thay mặt Bên ủy quyền đại diện cho Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (bao gồm các Chi nhánh, Phòng giao dịch) trong việc điều hành và ký toàn bộ các loại văn bản liên quan đến công việc nội bộ, giao dịch với khách hàng, đối tác, các cơ quan Nhà nước.
- Trong phạm vi ủy quyền, Bên nhận ủy quyền được sử dụng con dấu của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI hoặc con dấu của các Chi nhánh để đóng dấu trên các văn bản do Bên nhận ủy quyền ký.
- Bên nhận ủy quyền được ủy quyền lại.

Loại ủy quyền: Ủy quyền dài hạn.

Thời hạn ủy quyền: Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản chấm dứt, thay thế việc ủy quyền này hoặc Bên nhận ủy quyền không còn giữ chức vụ nêu trên, tùy thời hạn nào đến trước.

Bên nhận ủy quyền

CHỮ THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 45381
Ngày: 19-08-2025

Nguyễn Đức Thông

Người thực hiện chứng thực

Bên ủy quyền



Nguyễn Duy Hưng



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Thủy